

NGÀY 15 THÁNG 12 NĂM 1964

BACH KHOA

năm thứ tám

ĐOÀN - THÊM thành lập các hội đồng chuyên
môn • NGUYỄN-GIA-TƯỜNG một quan niệm cách
mạng trong giáo giới • VŨ - BẢO những đòi
hỏi cách mạng trong các nước mới độc
lập • DOHAMIDE giá thú theo Hồi-giáo •
NGUYỄN - PHƯƠNG Jean Dupuis tung hoành ở
Bắc-Kỳ • NGUYỄN - HIẾN - LÊ vấn đề số 1
của thời đại • NGUYỄN - NGU-Í sống và viết,
với Lê-Văn-Siêu • HOÀNG - ĐÔNG - PHƯƠNG
vòng tay học trò • LÊ - TẮT - ĐIỀU về già •
SINH - HOẠT TRĂNG -
THIÊN mùa giải thưởng
văn chương ở Pháp •

191



Thanh thản

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NUỐC HOA
NGÔI SAO

EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS EXCLUSIVEMENT SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^UE DES DISTILLERIES DE L. I. C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE Q'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NUỐC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng chính (Siège Social)

ĐÀIBẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

KHO HÀNG : HƯ-KHỔ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thế, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 20.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỔ VÀ KHO THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA); VÀ CÓ TỬ BAO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỬ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300\$ TRỞ LÊN.

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET
NAM

SAIGON

AGENCE : 32, Dai - Lô Hàm - Nghi —
Tél : 20.065, 20.066, 20.067,

BUREAUX : 178 - 180 - 182, Dương Lê-
Thanh-Tôn (Mar-
tral) — Tél. : 22.
415 - 417, Dương Bà
Trung (Tân-Dinh) — Tél. :
25.172.

CHOLON : AGENCE : 386, Dai - lô Đông - Khanh
(Cholon) — Tél. : 36.105,

KHANH-HUNG : AGENCE : 23, Dương Hoang-Diên.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,

KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



SERVICE

DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- Pan American Airways
- Cathay Pacific Airways Ltd
- Thai Airways Company
- American Express
- United States Line

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M

Số thương mại Saigon số : 157B

Q.G.D.B. : 55.826.21.001

C.C.P. SAIGON No 27.04

TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hàng Lang Eden; Saigon

Điện thoại : 23.207

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI - DIỆN CÁC NGÂN - HÀNG TRÊN THẾ - GIỚI

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 191 ngày 15-12-64

ĐOÀN-THÊM <i>thành lập các hội-đồng chuyên-môn</i>	3
NGUYỄN-GIA-TƯỜNG <i>một quan - niệm cách - mạng trong giáo giới</i>	9
VŨ-BẢO <i>những đòi hỏi cách-mạng trong các nước mới độc-lập</i>	15
DOHAMIDE <i>giá-thú theo Hồi-Giáo</i>	25
NGUYỄN-PHƯƠNG <i>Jean Dupuis, một Pháp thương đã làm mưa gió ở Bắc-Kỳ</i>	31
NGUYỄN-HIỂN-LÊ <i>vấn-đề số 1 của thời-đại</i>	37
NGUYỄN-NGU-Í <i>sống và viết với Lê-Văn-Siêu (II)</i>	43
HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG <i>vòng tay học trò (truyện dài)</i>	51
LÊ-TẮT-ĐIỀU <i>về già (truyện ngắn)</i>	67
SINH-HOẠT	
TRÀNG-THIÊN <i>mùa giải-thưởng văn-chương ở Pháp</i>	79
HỒNG-HỮU <i>lễ tặng giải « Tao Đàn Bạch Nga » 1964</i>	85

BÁCH-KHOA

trong những số tới

<i>Độc tiểu sử các Tổng Thống Huế-Kỳ</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Thử tìm một giải pháp cho các xứ kém phát triển</i>	NGUYỄN-HIỆN-LÊ
<i>Chính sách thi-hành ở miền Bắc từ 1961 đến tháng 7-1964 (Họ Hồ 10 năm ở miền Bắc, IV)</i>	NHƯ-PHONG
<i>Nobel khoa-học 1964</i>	VÕ-QUANG YẾN
<i>Nhạc Jazz</i>	TRẦN-VĂN-KHÊ
<i>Những xu hướng mới trong âm nhạc</i>	TÔN-THẮT-TIỆT
<i>Viết và sống với nhà văn Doãn-Quốc-Sĩ</i>	NGUYỄN-NGU-Í
<i>Một ngày của Ivan (Dịch A. Sol- jénitsyne)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Vừa đi vừa ngược nhìn (truyện ngắn)</i>	TRÙNG-DƯƠNG
<i>Giấc ngủ của nàng (truyện ngắn)</i>	NGHIÊU-ĐỀ
<i>Chỗ của Huệ (truyện ngắn)</i>	DOÃN-DÂN
<i>Đường về (truyện ngắn)</i>	Y-UYÊN
<i>Cát lầy (truyện dài)</i>	THANH-TÂM-TUYỀN

BÁCH-KHOA SỐ TẾT ẤT-TY

Cũng là **SỐ KỶ-NIỆM 8 NĂM** (ra ngày 15-1-65)

Ngoài những bài tổng kết về tình hình chính trị, văn học, nghệ thuật v.v... trong năm qua, còn những chuyện Tết đặc sắc nhất của 10 nhà văn đã được bạn đọc tin yêu, cùng những sáng tác văn-nghệ sẽ làm bạn đọc vui thích trong những ngày chờ đón Tết.

TÌM PHƯƠNG - THỨC

THAM GIA VIỆC CÔNG,

thành lập các Hội-đồng chuyên-môn

ĐOÀN - THÊM

HIỆN nay chẳng mấy ai không thừa hiểu rằng tham gia việc nước là một công-quyền và một nghĩa-vụ.

Người có học thường nhắc một câu đã thành sáo : quốc-gia hưng vong, sắt-phu hữu trách. Nhà cầm quyền, từ khi có một chánh-quyền Việt-Nam, và bất-cứ dưới chế-độ nào, đã nói đi nói lại không biết bao nhiêu lần, mỗi khi hiệu triệu quốc-dân : việc cứu-quốc và kiến-quốc đòi hỏi sự góp phần của tất cả các thiện-chí và các năng-lực.

Nhưng muốn góp thì góp ở đâu, cho ai, và theo cách nào ? Sự thắc-mắc đó của nhiều công-dân hạng tốt, từ ngót hai chục năm nay, vẫn chưa từng được giải đáp rành mạch.

Làm công-chức hay vào quân-đội ? Cần đủ nhiều điều-kiện sức-lực, niên-tuế, học vấn, chuyên-môn ; lại phải chịu những tập-tục và kỷ-luật bó buộc. Và lại, chẳng bao giờ chánh quyền nào đủ tiền tuyển mộ, hoặc cần thu nhận hết thảy những người khả-dụng.

Có thể đứng về phía nhân-dân, thay mặt một địa phương hay toàn-quốc để kiểm soát và trợ lực chánh-quyền ? nếu vậy, thì ứng cử vào các Hội-Đồng Tỉnh, Thị-Xã, Đô-Thành hoặc Quốc-Hội. Song các cuộc tuyển-cử, vì lẽ này hay lẽ khác, chưa thể tổ chức, hoặc chẳng được tự-do ; dù sao, cũng buộc phải có chính-kiến, chương-trình, nhiều thân-hữu hay đồng-chí, với những phương-tiện vận động và

đối phó. Bởi vậy, nhiều người không thích hoặc không thể tranh cử, mặc dầu có công-tâm, kinh-nghiệm hoặc sáng-kiến.

Đề những người đó đứng bên lẽ đại-cuộc, thì quả là một sự uổng phí. Họ không cần và không muốn vào công-sở, vì có sinh-kế tự-túc ; họ ngại nhất là phải tuân hành dẫu không đồng-ý với cấp trên ; chưa chắc gì mọi ý-kiến của họ đều xác-đáng cả, nhưng nếu gặp hoàn-cảnh thuận-tiện để được phát biểu thành-thực, — họ chỉ muốn thành-thực —, thì dẫu không thể thi-hành, cũng đề cho chánh-quyền suy xét và cân nhắc trước khi quyết-định. Hơn nữa nếu lại có quyền biểu-quyết, họ sẽ được trực-tiếp tham gia việc chung theo sở-trường hay tin-tưởng của họ : như vậy, không tuyên cử cũng đã bắt đầu thực thi dân-chủ.

Vì thế, nên hiến cho họ có một dịp góp sức : mời họ vào những Hội-đồng chuyên-môn, mà chẳng nước nào không lập.

..

Những Hội-Đồng này sẽ đặt trước hết ở cấp trung-ương, bên cạnh những Bộ mà công việc không có tính-cách cơ-mật, nhưng phải hướng thẳng và tỏa rộng vào các lãnh-vực dân-sinh : kinh-tế, xã-hội, văn-hóa...

Mỗi Hội-Đồng sẽ gồm hai hạng Hội-Viên :

— một số Hội-Viên công-chức, nghĩa là những chuyên-viên hữu-trách có nhiệm-vụ bày tỏ và bênh vực những quan-diểm của chánh-quyền ;

— một số Hội-Viên tư-nhân chọn trong các ngành liên-hệ đến hoạt-động của Bộ ; như bác-sĩ được-sĩ, nha-sĩ, Đông-y, sẽ được mời vào Hội-Đồng Y-Tế.

Tổ-chức này không được một số người hoan nghênh, vì e rằng những cuộc bàn cãi kéo dài sẽ làm chậm trễ công việc, và sự can-thiệp của các Hội-Viên có thể phương hại đến quyền tự-do quyết định của các vị Tổng-Trưởng.

Nhưng nếu theo đúng tinh thần dân-chủ, thì vấn-đề công-ích phải đặt trước vấn-đề quyền-hành ; và sự ngưng trệ công-vụ có thể tránh nếu chỉ dành cho Hội-Đồng những việc phức-tạp đòi hỏi nhiều thời-gian nghiên cứu.

Một chương-trình trung-học, quan hệ đến sự đào-tạo nhiều thế-hệ, không thể nào do người hữu-quyền xét vội và ký vội như ở dưới chế-độ cũ. Nếu trước kia có một Hội-Đồng xét giúp, chắc một số biện-pháp đáng tiếc liên-quan đến danh-hiệu và quy-chế Đông-Y, đã có thể ngăn chặn kịp thời từ khi còn ở giai-đoạn dự-định.

..

Bởi vậy, Hội-Đồng sẽ rất có ích cho dân-chúng và cho người hữu-trách.

Một ông Bộ-Trưởng hay Tổng-Trưởng quyết định một mình, thì dễ bị công kích, và ở trường-hợp này, dư-luận thường chỉ nhằm cá-nhân ông mà thôi ; trái lại, những quy-lệ thuộc Bộ ông, nếu được sự tán-thành trước của đa-số người hiểu biết và có tên tuổi, tất sẽ đáng tin hơn ; giá thử có khuyết-điểm, cũng chẳng ai qui trách-nhiệm vào riêng ông được.

Ngoài ra, các vị Thủ-Tướng cũng sẽ đỡ phải bận tâm về sự điều-hành cấp Bộ, vì Hội-Đồng sẽ theo dõi hoạt-động của Bộ, và phơi bày ra ánh sáng những khuyết-điểm hay nhược-điểm. Công-luận sẽ thay thế một sự kiểm-soát hành-chánh gắt gao dễ gây sự xung-đột quyền-hạn giữa người lãnh-đạo Chánh-phủ và các cộng-sự-viên. Vấn-đề phức-tạp là tự-quyền trên cấp tối-cao, hay tán-quyền để trả việc các Bộ, sẽ tự giải quyết một phần lớn. Dưới chế-độ cũ, nhiều việc tầm-thường của các Bộ cũng phải trình lên phủ Tổng-Thống ; những cơ-quan thuộc các Bộ cứ bị rút mãi để biến thành những Nha Sở trực-thuộc Phủ. Lý-do chính, là ông Tổng-Thống không tin các ông Bộ-Trưởng, lúc nào cũng e ngại sự vượt quyền, sự che đậy cùng sự trể nải. Nỗi thắc-mắc đó có thể giảm đi nhiều, giá thử công việc của các Bộ không những được « quan trên trông xuống » mà còn được cả « người ta trông vào » Người ta là các bác-sĩ tư hợp chung quanh ông Bộ-Trưởng Y-tế, các nhà sư-phạm,

các học-giả, các phụ-huynh cạnh ông Bộ-Trưởng Giáo-Dục . . .

Chỉ ở lãnh-vực văn-chương nghệ thuật, chúng ta mới mong tự mình thực hiện một tác-phẩm phản ảnh trung-thực cho cá nhân ta. Còn ở chính-giới, việc lớn là việc chung, và giải-pháp phải là kết-tinh của nhiều ý kiến hỗn-hợp, thì mới đáp ứng được nhu-cầu hay nguyện-vọng đa-số.

Và lại, trong thực-tế, các ông Tổng Bộ-Trưởng rất bận rộn về công việc hàng ngày, khó lòng có thời-giờ suy ngẫm. Vậy ai nghiên cứu để giúp các vị ? Tuy Bộ nào cũng có những Phòng Pháp-Chế, Sở Kế-Hoạch hay Sở Chương-trình, sở chuyên-viên ở cơ-quan nào cũng rất ít, lẻ tẻ một hai người, hạng xuất-sắc lại càng hiếm. Nếu rõ thực-trạng của các công-sở, ai lên cầm quyền cũng sẽ thấy cần kiểm thêm số người cộng-tác đặc-lực, nhưng lại gặp trở-ngại là sự hạn-chế về ngân-sách, hoặc sự từ chối của những người có năng-lực không chịu khuất thân làm công-chức.

Nhưng nhiều người sẽ vui lòng giúp việc, với những điều-kiện như sau :

— không phải một ngày bốn buổi đi về đúng giờ, nhận lệnh sai phải và tuân hành đúng mức,

— chỉ góp sức trong lãnh-vực chuyên-môn, chuyên-nghiep, không phải can dự vào những vấn-đề chánh-trị rắc rối, được mời chứ không phải tranh cử.

— được bàn cãi tự-do, trên lập-trường bình-dẳng, phát biểu mọi sáng - kiến, bênh - vực đến cùng quan-điểm của mình, hoặc nêu ra mọi sự khiếm-khuyết mà không ngại bị quở trách,

— không những được hỏi ý-kiến, còn có quyền biểu quyết theo đa-số, đề chấp thuận hay bác bỏ những dự-án quan trọng.

Những điều kiện đó chỉ có thể thỏa-mãn ở ngoài khuôn-khò công-sở, ở trong khung-cảnh những Hội-Đồng chuyên-môn, trên lãnh-vực chuyên-môn.

..

Những Hội-Đồng này còn có công-dụng rất quan-trọng đối với tổ-chức chánh quyền ở Việt-Nam trong hiện-tại và tương-lai :

Từ 1945, tất cả các Chánh-Phủ đã thành lập, kể cả nội các Trần-Trọng-Kim, đều gồm một số đồng chuyên-viên, hoặc người có học-vấn chuyên-môn. Người lên cầm quyền cũng như đa-số dân-chúng, đều có quan-niệm rất giản-dị —, có lẽ quá giản dị —, về nhiệm vụ các Bộ-Trưởng : phải là bác-sĩ mới điều-khiển nội Bộ Y-Tế, là giáo-sư mới phụ-trách được Bộ Giáo-Dục, là kỹ-sư Kiều-lộ mới đủ khả-năng cáng đáng Bộ Công Chánh ...

Lối chọn thành-phần Chánh-Phủ như vậy cũng có lợi-điểm, là được người am hiểu công việc, song cũng có nhược điểm lớn, là hay lấy công-chức lên làm Bộ-Trưởng, và đề

trạng-thái chuyên-môn che khuất mất trạng-thái chánh-trị. khi chánh-trị phải được chú-trọng hơn cả.

Trái lại, người có thành-tích tranh-đấu, có uy tín đối với quần-chúng, hoặc có kiến-thức bao quát, lắm khi lại không quen những tác-động chuyên-nghiep, nên lúc đương đầu với những vấn-đề thiết-thực, thường bị lúng-túng giữa các guồng máy chánh-quyền.

Đáng ngại hơn nữa, là sự thay đổi Chánh-Phủ có thể xảy ra luôn, với chế-độ đại-nghị mà chúng ta sắp thí nghiệm. Một số chính-khách vừa đủ thời-giờ hiểu việc, lại phải nhường chỗ cho chính-khách khác, và nếu mỗi vị lên cầm quyền đều muốn thi thỏ tài riêng theo ý-kiến riêng, thì những công cuộc lâu dài rất khó thực hiện, vì thiếu chánh-sách và phương-pháp duy-nhất.

Nhưng các sự khó-khăn kể trên, chắc-chắn có thể vượt, nếu sẵn một cơ-quan chuyên môn bền vững, với những người giàu kinh-nghiệm, cùng những dự-án phải tiếp tục hoặc cần đưa ra, thì tiện lợi biết bao cho cả người lãnh trách-nhiệm đứng ra lập Chánh-Phủ, lẫn nhà chánh-trị được giao phó một Bộ :

Vị Thủ-Tướng được chỉ định không cần phải chọn những thành-phần công-chức hoặc chuyên-viên ; trái lại, có thể rộng tay hành-động, thỏa mãn trước tiên mọi nhu-cầu chánh-trị, giao Bộ Giáo Dục cho một vị ở ngoài giáo-giới, Bộ Ngoại-

Giao cho một nhà báo, Bộ Công-Chánh cho một Bác-Sĩ hay một nhà kỹ-nghệ... Vị đứng đầu Bộ chỉ cần đồng ý về chánh-sách chung, có tinh-thần hợp-tác và công-tâm, biết dùng người, dám quyết định, vv... nghĩa là có tư-cách một chính-khách (homme d'Etat).

Còn về phần chuyên-môn, thì ngoài những công sở chuyên-trách, ông Tổng-Trưởng mới lên nhậm chức có thể trông cậy vào những chuyên-viên ưu-tú trong nước đã gia nhập Hội-Đồng đặt bên cạnh Bộ. Những dự-án đã được Hội-Đồng biểu quyết và chấp thuận từ Chánh-Phủ trước, vẫn phải thi hành; và mọi sự thay đổi cũng cần có sự đồng-ý của đa-số Hội-Viên. Sự liên-tục công-vụ (continuité des Services Publics) một nguyên-tắc căn-bản của mọi tổ-chức quốc-gia và đời sống dân-tộc dưới chế-độ dân-chủ, sẽ được tôn-trọng vì không thể do nhà cầm quyền tùy ý đảo lộn.

và cơ-quan tư-vấn ở thời Pháp thuộc với nhiệm-vụ dân cảnh đề che mắt nhân-dân.

Vậy nên chọn trong số người do các đoàn-thề chuyên-nghiệp đề cử, và những vị đã chứng tỏ tài-năng bằng thành-tích rõ rệt: xin nhấn mạnh về điểm này, vì có những vị mang tiếng oan là giỏi và tốt.

Về phần các Hội-Viên, thì phải làm việc khi đã nhận lời, không đến họp lấy lệ, nhưng cần tận-tâm cứu xét những vấn-đề đề thuộc thẩm-quyền Hội-Đồng, và không đợi hỏi cũng nêu lên giúp những công-tác cần tiến hành cùng những sự cải-cách cần thực hiện.

Nếu được như vậy, thì chính các Hội-Đồng chuyên-môn mới là cơ-quan đầu não của các Bộ, và ngoài những ích-lợi đã kể, còn thể hiện với những đảm-bảo chắc chắn, sự dân-chủ-hóa guồng máy chánh quyền.

Đ.T.

Tuy-nhiên, Hội-Đồng chuyên-môn chỉ có thể thu lượm được nhiều kết-quả, nếu các Hội-Viên và nhà hữu-trách đều có ý-trí cộng-tác thành-thực, và chịu gắng sức hoạt động.

Rất có thể vì ngại sự chống đối của những nhân-vật quá thẳng tính, nhà hữu-trách chỉ mời những thân-hữu hiền-lành, sẵn sàng tán thưởng ý-kiến của mình: nếu thế, thì Hội-Đồng cũng lại chỉ như

đã phát hành:

CỦA CHUỘT VÀ NGƯỜI

- tác phẩm độc đáo nhất của John Steinbeck, giải văn chương quốc-tế Nobel năm 1952.
- bản dịch: Hoàng-Ngọc-Khôi và Nguyễn-Phúc-Bừu-Tập.

GIAO ĐIỀM XUẤT BẢN

Giá 44 đ

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachal, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E.C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala Lumpur : *14 Ampang Street.*

một quan-niệm cách-mạng trong giáo-giới

NGUYỄN-GIA-TƯỜNG

L. T. S.— Ngày 25-11 vừa qua, trước ngót một trăm vị hiệu-trưởng các trường tiểu-học công lập, dự tập viên Khóa V tu-nghiệp giáo-chức tiểu-học tại Saigon, G. S. Nguyễn-Gia-Tường đã thuyết trình về: « Một quan niệm làm cách mạng trong giáo giới ». Nhận thấy đề tài rất hợp thời và nhiều ý kiến có thể làm những người không ở trong giáo giới cũng phải suy ngẫm, nên tòa soạn đã xin phép tác giả đăng lại nguyên văn bản thuyết trình sau đây để giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

Quan niệm

Muốn tiến bước từ tình trạng tâm hồn dân bị trị lên tư cách một dân tộc độc lập, biết dùng quyền của mình, tất người dân phải làm cách mạng. Nghĩa là phải thay đổi cái đời sống và cách thức hành nghề của từng người. Đối với nhà giáo, nếu không biết thay đổi cho kịp thời thì cái hậu quả đầu tiên phải nhận lấy là không sao duy trì được uy tín đối với tuổi trẻ và sẽ đặc tội với Tổ-tiên vì không biết gìn giữ một giá trị truyền thống, cái đạo nghĩa thầy trò, mà bấy lâu chúng ta vẫn thừa hưởng.

Sau đây chỉ là một quan niệm cá nhân, kẻ thuyết trình muốn đem ra thảo luận cùng các bạn, ngõ hầu xây dựng một quan niệm chung để tiến tới sự duy nhất dân tâm, điều kiện tiên quyết để thống nhất hành-động.

Chính sách chia rẽ của kẻ thống trị : thực dân

Vì sao phải có sự thống nhất dân tâm và hành động ? Là vì đã lâu lắm rồi, hàng trăm năm nay, nhất là dưới thời bị trị của người Pháp, chúng ta đã sống với những thành-kiến và

những mặc cảm rất tai hại. Thành-kiến nguy hại nhất là ngoài cái « danh » và cái « lợi » ích-kỷ, người đời không còn có thể có một lý-do nào khác để hành động ; đề cao đạo nghĩa, nói bác ái từ bi chỉ là đạo đức giả. Mặc cảm phản dân tộc nhất do thực dân đào tạo nên, là chúng ta chỉ là một « dân tộc chậm tiến », rồi « quan thầy » ra là chết ngay, dường như lịch sử Việt-Nam chỉ là một chuyện mơ hồ, dành cho những kẻ bất lực để nghiên ngẫm mà tự mãn.

Đảng phái chánh trị. — Sự thực là những người làm chánh trị thường vẫn dựa vào cường quốc này hoặc cường quốc khác, thế lực quốc-tế này hay thế lực quốc tế khác, không mấy trông cậy vào tiềm lực của dân tộc. Cho nên khuynh hướng đảng phái rất phức tạp. Ngày nay các đảng phái được khuyến khích ra hoạt động công khai, nhưng lại gặp phải thời các lực lượng quân binh trên thế giới đang biến chuyển, cho nên lập trường các đảng phái không còn vững, và có phải tuyên bố lên thì dường như gượng gạo và gần giống nhau cả. Bởi vậy nhiều người lo không biết các đảng phái chánh trị sẽ dẫn quốc dân đến chế độ nào ? Nhiều đảng ? hai đảng ? hay một đảng ? Có người lại cho rằng theo đúng tinh thần nước Pháp thì chúng ta đang tiến tới một chế độ đại nghị đây. Nhưng nói đến « dân chủ đại nghị » của nước Pháp thì lại nghĩ đến cái thời « đệ tam, đệ tứ Cộng Hoà » mà là thời tính cách đại nghị thịnh phát nhất. Trong thời đó, với nhiệm kỳ các vị Quốc Trưởng Lebrun, hay Coty (tổng thống cuối

cùng của đệ tứ Cộng-Hòa) người ta còn nhớ có lúc mỗi chánh phủ trung bình đâu chỉ thọ được mấy tuần lễ thôi. Đó cũng là một cơ hội cho giặc Đức (Hitler) đã từng xâm chiếm chớp nhoáng gần hết lãnh thổ toàn quốc (thế chiến II).

Tư tưởng bộ lạc. — Cũng vì những thành kiến và mặc cảm nói trên, có dư luận còn lo xa hơn nữa, cho rằng : nếu không mau mau mời « quan thầy cũ » về hay kiếm một « ông thầy mới » thì không biết, liệu với những vũ khí sẵn có trong tay, dân Việt-Nam có thể thoát khỏi cảnh tương tàn như đang diễn ra trên xứ Congo ? Các ông tù trưởng Congo đang hằng say tranh đấu. Ông nào cũng quyết chiếm lấy ưu thế cho bộ-lạc mình với những viện trợ của các « nước bạn ». Chẳng rõ thực tình các vị tướng đó có tin rằng mình tranh đấu « vì dân » và các nước viện trợ có đúng là « bạn » không. Hay chỉ vì cái tính hiềm khích sẵn có giữa các tù trưởng và giữa các bộ-lạc bị thổi phồng lên và bị khai thác đến triệt để. Đứng xa mà ngó qua thì rõ ràng chúng ta thấy các vị đó chỉ là những quân cờ nhỏ mọn bị người ta đang đẩy trên bàn cờ quốc-tế trong một cuộc cạnh tranh thế lực rộng lớn... Thế rồi « sờ lên gáy », chúng ta cũng thấy đáng lo ngại đến « dựng tóc gáy ! ».

Lịch-sử Dân-tộc

Tuy nhiên, những viễn ảnh đen tối của nội chiến Congo và của đệ tam, đệ tứ Cộng-hoà Pháp không phải là những đe dọa tất nhiên phải đến,

không thể tránh được, nếu người Việt-Nam còn nhớ lịch sử của Dân tộc mình, và biết lắng tâm suy nghĩ về quá trình lịch - sử nước nhà. Trong quá trình đó có cái truyền thống những kinh nghiệm bản thân của Tổ-tiên, đã từng phải đối phó với những thử thách của hoàn cảnh mỗi thời đại. Với những thăng trầm của mấy ngàn năm lịch-sử, ông cha chúng ta đã ghi lại những cái « Vinh » và những cái « nhục », là những bài học vô cùng quý giá. Không biết rút lấy kinh nghiệm cho ngày nay và ngày mai, há chẳng phải là tội lớn đối với dân tộc sao ?

Nói đến « Vinh » ai cũng biết rằng, sau cả ngàn năm bị Trung quốc đô hộ, và sau cuộc khởi nghĩa đầu tiên của Trưng-Nữ-Vương, đáng kể hơn cả là những thời vẻ vang dưới các triều đại Đinh, Lê, Lý. Trần và Hậu Lê. Còn « nhục » thì đã bắt đầu từ Lê mạt với cuộc phân tranh Nguyễn-Trịnh : tiếp đến Triều Nguyễn với thời kỳ đô hộ của người Pháp hiện nay đã tàn nhưng còn chưa dứt. Song song với những thăng trầm đó, nếu đem lịch sử Học vấn Việt-Nam ra mà đối chiếu thì thấy được Học vấn liên quan với những « Vinh » và « Nhục » như thế nào.

Ngược dòng lịch-sử mà xét, cái Âu học do người Pháp đem lại đã cả thắng Nho học từ đầu thế-kỷ 20 này. Nho học cũng đã có thời cực thịnh dưới nhà Nguyễn, nhà Hậu Lê sau khi đã chiếm ưu thế đối với Phật giáo, khoảng cuối đời nhà Trần. Còn từ Trần qua Lý, Tiền Lê đến Đinh thì tuy Nho học được thông dụng

trong giới trí thức nhưng Phật-giáo lại được phổ biến rộng rãi khắp dân gian. Muốn có một ý niệm về sự phổ biến đó chỉ cần nhắc lại vua Đinh-Tiên-Hoàng, sau khi đã thắng mười hai xứ quân mà quy tụ toàn dân về một mối, có phong cho một vị cao tăng danh - hiệu « Khuông - Việt ». « Khuông-Việt » nghĩa là « cứu chúa nước Việt ». Do một vị Hoàng-Đế xuất thân võ tướng, danh hiệu kia ban bố hẳn phải có lý do rõ rệt lắm.

Lại xuôi dòng lịch sử mà nghiệm về ảnh hưởng của mỗi thứ học vấn, từ thế-kỷ 11 là thời Phật học và Nho học du nhập tới Việt-Nam cho đến ngày nay là thời cực thịnh của Âu học. Căn cứ vào danh hiệu « Khuông Việt » nói trên có thể đoán chắc là Phật-giáo có tính cách hòa giải dân tâm và đoàn kết dân tộc, ngay từ khi con người mới biết sống thành bộ lạc dưới quyền các tù trưởng hay xứ quân. Nhưng có lẽ vì kém phần nhạy bén, không bằng Nho học về phương diện chánh trị, cho nên lần lần Phật học đã phải nhường bước cho Nho học, nhất là với chế độ khoa cử đến thời Hậu-Lê thì Nho học đã loại gần hết Phật học ra ngoài thế sự : Rồi sau lại cũng chính vì cái tinh thần khoa-cử đó mà Nho học bị loại ra ngoài thế-cuộc bởi Âu học do người Pháp hướng dẫn. Ngoài ra Âu học lại còn sắc bén hơn Nho học biết bao về phương diện khoa học, kỹ thuật, tiện nghi và phương tiện sinh hoạt hàng ngày ! Chỉ hiếm một nỗi là những gì chúng ta được hưởng thụ về phương diện vật chất hay về danh về lợi, chúng ta đã phải trả bằng một giá

quá đất, bằng sự suy sụp của tinh thần dân tộc. Nhưng hội nghị liên tiếp ở hội trường Diên-Hồng ngày nay đâu còn thấy di tích sự đoàn kết và ý chí bảo vệ dân tộc của hội nghị Diên-Hồng thời Trần-Hưng-Đạo ?

Cho hay, không nên quá ham mê cái sắc bén của thời-đại đến mức độ phải hy sinh cả những sự kiện văn-hóa đã xây dựng cho Tiền nhân chúng ta thành một dân tộc đủ sức mạnh và sáng suốt để tự vệ. Trong những sự kiện lịch-sử đó cần nhớ rằng tinh thần « Diên-Hồng » nhà Trần đã có lần biểu lộ từ xưa xa nữa, ấy là tinh thần « Khuông-Việt », nên vua Đinh-Tiên-Hoàng mới hàng phục được Thập nhị xứ quân. Xét theo tinh thần đó mới thấy được cái « Vinh » và cái « nhục » lịch-sử.

Phân giải Tâm-lý khoa-học

Như trên là những nhận xét về sự kiện lịch-sử cho thấy vì quá ham mê cái sắc bén mới lạ đến nỗi lãng quên mất truyền thống, cho nên tinh thần dân tộc chúng ta cứ suy nhược lần lần. Tiếp đây là một vài sự kiện khoa học khấn cho chúng ta muốn tìm sự bền bỉ của cá tính dân tộc cũng phải đi sâu về quá khứ.

Khoa « phân giải tâm lý học » (Psychanalyse) ngày nay đã tiến đến mức độ cho phép nói rằng : mỗi cá nhân vừa chịu ảnh hưởng rất nhiều nơi hoàn cảnh xã hội đương thời, vừa bị chi phối nặng nề bởi mối liên quan mật thiết với quá khứ, đến không thể dứt được. Tuy giác quan của con người nói chung không khác nhau bao nhiêu,

nhưng những nhận thức không thể đồng đều : Ý thức của mỗi người không thể tách rời ra khỏi cái kinh nghiệm của bản thân và kinh nghiệm của giòng giống, của dân tộc. Kỹ-thuật khoa học có thể tạo ra những hoàn cảnh đặc biệt để gây nên những phản ứng theo điều khiển như trong trường hợp dạy các con vật làm trò xiếc. Nhưng muốn cho người ta thay đổi quan niệm cần phải đi sâu vào tiềm thức (quá khứ đã quên đi). Phải phá những thành kiến cũ để thay vào đó những cái mới (phương pháp tẩy não của C.S.). Tuy nhiên làm gấp rút thì kết quả không vững. Vì bên dưới cái tiềm thức của cá nhân lại còn có cả những lớp « vô thức công cộng » (inconscient collectif) mà cá nhân có thể chưa bao giờ được biết những gì trong đó, nhưng đó là của chung của gia đình, của dân tộc, của cả nhân loại, do không biết bao nhiêu trăm ngàn năm, thế hệ ấy qua thế hệ khác, đã xây dựng lần lần. Những gì chứa đựng trong vô thức đó ảnh hưởng vào tiềm thức cũng như tiềm thức vẫn ảnh hưởng vào ý thức. Bởi vậy, những thành kiến của cá nhân do học thức tạo cho mỗi người còn có thể thay đổi chứ đến những thành kiến chung của gia đình, của gia tộc, của dân tộc ... thì dường như có phá đi được trong một thời rồi cũng có thời khác nó lại « mọc lên », với một thể thức khác ! Gốc rễ càng sâu xa thì « thành kiến » càng bền bỉ. Tỷ dụ cái thành kiến và mặc cảm « quốc-gia dân tộc » chẳng hạn.

Truyền thống dân tộc và nhân loại

Những biến chuyển quốc-tế ngày nay, xét tổng quát, cho thấy hai sự

kiện rất rõ ràng. Một là các cường quốc đang tranh dành nhau kịch liệt, để bành trướng cái thế lực truyền thống của mình, nhất là bành trướng trên địa hạt các tiểu nhược quốc. Trong cuộc tranh dành đó, đồng thời dùng võ lực, họ còn tuyên truyền kích động tâm lý khiến cho dân tộc các tiểu nhược quốc bùng lên mà tranh đấu, khiến một số đế quốc cũ đã bị phân tán và nhiều nước nhỏ thu hồi được chủ quyền; đó là sự kiện thứ hai. Cả hai sự kiện đều cho thấy, lớn cũng như nhỏ, các dân tộc đều hướng theo truyền thống dân tộc, vì quốc gia dân tộc cả. Thậm chí có hai quốc gia lớn cùng theo một chủ nghĩa quốc tế cũng chẳng vì chủ nghĩa mà chịu nhường cho «đồng chí» mình quyền lãnh đạo chủ nghĩa quốc tế. Chưa có thể đặt một chủ nghĩa nào trên những quyền lợi quốc gia, nhất là trên những mặc cảm truyền thống dân tộc.

Đối với một tiểu nhược quốc như chúng ta, vấn đề đặt ra là làm sao thoát khỏi tay đế quốc cũ mà không rơi vào vòng kiểm tỏa một đế quốc mới. Đành rằng còn yếu kém thì còn phải nhờ sự viện trợ của các nước bạn. Nhưng điều quan hệ nhất là phải biết dùng những viện trợ thế nào cho dân tộc vững mạnh lên. Dùng cách nào? Muốn trả lời được đúng cần phải có một tinh thần dân tộc khá vững và khá sáng suốt. Nghĩa là, theo lịch sử và khoa học như trên đã trình bày, phải trở về truyền thống mà thẩm nhuần lấy cái «Vinh» và cái «nhục» của Tổ - Tiên để rút kinh nghiệm mà tránh lỗi lầm. Nhờ viện trợ được thêm phương tiện hành động mà không

tránh được lỗi lầm lịch sử thì chỉ khiến cho dân tộc càng thêm suy nhược.

Lại đối với một nước nhỏ, tinh thần dân tộc chẳng phải chỉ là điều kiện tối cần để tự vệ mà thôi. Nó còn là một yếu tố để góp phần xây dựng Nhân đạo cho cả loài người, nhất là cho các cường quốc. Trong việc bang giao quốc tế, trước hết, một dân tộc nhỏ nhưng biết tự vệ, bao giờ cũng khiến cho địch thủ phải kiêng nể. Thứ là, ngay đối với các nước bạn, dân tộc đó cũng ngăn chặn được khuynh hướng lấn áp của «bạn». Nếu một chính khách nước nhỏ mà vì quyền lợi riêng tư cá nhân hay bè phái lại «bám» lấy một thế lực ngoại bang để khuynh loát đồng bào, thì không có gì khuyến khích hơn «ông bạn» nào đó nẩy ra hay nhớ lại tham vọng từ địa vị «bạn» bước lên địa vị «chủ nhân ông». Thái độ thiếu căn bản dân tộc của chính khách kia như vậy có tác dụng kêu gọi tham vọng đế quốc, khuyến khích sự tranh dành giữa các cường quốc, rốt cuộc là giúp cho « cá lớn nuốt cá bé », nghĩa là củng cố cái «luật rừng rú» giữa loài người. Rõ ràng là tinh thần dân tộc của nước nhỏ, khiến cho các cường quốc phải tôn trọng quyền tự chủ của mình, là một yếu tố xây dựng hòa bình và Nhân đạo cho nhân loại.

Những chủ nghĩa quốc tế không còn phình gạc được người biết suy nghĩ.

KẾT LUẬN

Để kết luận, theo những lý do đã kể trên, thuyết trình viên quan niệm cuộc cách mạng mà chúng ta đang cổ

gắng thể hiện ngày nay phải có những đặc điểm cần lưu ý như sau :

1. — Ngược lại với chánh sách «chia để trị» của những nhà cầm quyền kiểu thực dân xưa, chúng ta phải sáng suốt tìm ra đường lối hành động thế nào để gây được cảm thông giữa đồng bào mới mong tiến tới đoàn kết thực sự.

2. — Lịch sử cho biết sự đoàn kết đó, dân tộc chúng ta đã thực hiện được nhiều lần rất rõ rệt từ xưa. Tinh thần «Khuông Việt» và Hội nghị «Diên Hồng» còn được ghi lại đó. Điều tiên quyết để tiến tới là đừng tham dùng những «chiến lược, chiến thuật tân kỳ» như trong bang giao quốc tế, mà phải được thấm nhuần những «Vinh» và «nhục» lịch sử để biết theo truyền thống mà xử sự với nhau.

3. — Khoa học đã chứng minh cái truyền thống đó vẫn sống độ ngời sâu xa trong tâm hồn mỗi người. Cần phải lắng tâm tưởng niệm lại mà dùng làm căn bản đoàn kết mới vững. Không nên để cho quyền lợi nông cạn chi phối mà dễ bị những tiểu khí vụn vặt, những nghi kỵ vu vơ, những ghen ghét thói phồng lên tàn phá.

4. — Biết đoàn-kết để bảo vệ sự sống còn của dân tộc còn là góp phần xây dựng hòa bình cho thế giới và Nhân đạo cho loài người. Bởi vì không gì khuyến khích tham vọng đế quốc xung đột nhau và bành trướng hơn là thái độ vong bản của mấy chính khách tiểu nhược quốc.

5. — Cần phải thấm nhuần sâu xa những sự kiện đó mới được bình tĩnh

và sáng suốt nhờ gặp cơn khủng hoảng. Không nên quá lo sợ những thay đổi, những bất an, đến cả những tai họa lớn. Phạm điều bất hạnh, nhỏ hay lớn đều có khía cạnh thức tỉnh con người giác ngộ. Nói ngay vụ thiên tai vừa tàn phá miền Trung. Nên mong rằng nỗi đau khổ của đồng bào bị nạn phải đủ kích thích tình thương đến tận đáy lòng mỗi người trong chúng ta. Tai họa đó còn cho thấy «khôn dại» chẳng giúp ai thoát nạn; giàu nghèo hay sang hèn chẳng đáng kể; đáng kể chỉ có cái «biết» hay «giác ngộ» được mỗi liên đới giữa toàn thể đồng bào mà thôi. Nếu không có sự cảm thông đó thì những lời kêu gọi giúp đỡ có ăn thua gì ?

Giữa nhà giáo chúng ta, mỗi cảm thông có thể là «thanh thế nghề thầy». Muốn gìn giữ «thanh thế» đó thì với cuộc cách mạng ngày nay, chúng ta nên tránh ý vào cái «khôn» vì nhiều kiến thức kỹ thuật, để khai thác cái «dại» của kẻ thất học hay của tuổi trẻ. Cái học và cái hành của chúng ta phải là những cố gắng để «tự giác, giác tha» cho ai nấy đều «giác ngộ» được mỗi liên đới giữa các tầng lớp trong xã hội và giữa các thế-hệ trong dân tộc. Bởi vì, phải nhờ sự «giác ngộ» hay cái «biết» đó dân tộc mới sống và tiến lên được.

Phải chăng hơn bao giờ hết, ngày nay chúng ta đang được thấy rõ ý nghĩa của câu sấm ký truyền khẩu từ lâu :

«Khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ biết mới sống» ?.

NGUYỄN-GIA-TƯỜNG

Những đòi hỏi cách - mạng trong các nước mới độc-lập

Vũ-Bảo

NGUỜI ta không biết cái nắp
vung sẽ bật ra lúc nào. Đó là cảm
tưởng của Tây Phương khi nhìn thấy
một số lớn các nước cựu thuộc địa
giống hệt như một nồi nước sôi sục,
hơi xì tứ phía. Ai nấy đã chờ đợi các
nước này sau khi thấu hời độc lập
và qua một thời gian chuyển tiếp sẽ
mau chóng ổn định được tình thế và
bắt tay ngay vào việc xây dựng
kinh tế, giúp cho dân chúng thoát cảnh
nghèo đói, ra khỏi tình trạng chậm
tiến hòng đuổi kịp Tây Phương.
Nhưng Tây Phương đã sốt ruột thấy
ở các nước đó tình thế luôn luôn
bất ổn định và các nhà cầm quyền
chỉ lo nghĩ những vấn đề gì đâu
đâu không mấy liên quan đến sự phát
triển kinh tế. Nhiều sự việc xảy ra

gần như thiếu cả lý tính nếu không
nói là vô lý. Và nếu Tây Phương
có đánh bạo khuyên nhủ các nước đó
đừng có nóng nảy, và nên dành ưu
tiên cho các vấn đề kinh tế thì lập
tức sẽ gặp một phản ứng mãnh liệt
của những người bức tức vì thấy
Tây Phương không hiểu nổi mình.

Và tình trạng ấy còn kéo dài chưa
biết đến bao giờ. Một số đế quốc
cũ ngoái nhìn lại các thuộc địa với
nụ cười thương hại mỉa mai như
muốn phân bua cùng thế giới : «Đấy
chúng tôi mới bỏ ra về mà đã hỗn
loạn như thế đấy.» Một số nước
khác thì cho đó không phải chuyện
mình, đèn nhà ai nhà nấy rạng. Một
số nữa thì kiên nhẫn đợi chờ hi vọng

một ngày mai sáng sủa khi các cựu thuộc địa kia già dặn hơn về chính trị. Một số nước có phương tiện thì lo viện trợ kinh tế, cho rằng công cuộc viện trợ này sẽ công hiệu như một loại sinh tố đa năng cho những thân hình còm cõi.

Đi tìm nguyên nhân của tình trạng bất ổn định trong các cựu thuộc địa, Tây Phương thường đưa ra hai lối giải thích và cả hai đều quá sơ sài, hoặc cho rằng đó là tình trạng tất yếu của những nước ham chuộng tự do bị Cộng-Sản phá rối, hoặc cho rằng đó là kết quả sự xung đột giữa độc tài và dân chủ. Thực ra không phải sau khi thâu hồi độc lập, mới bắt đầu nảy ra những bão tố đó. Trái lại chính những hờn đau mặc cảm do hàng thế kỷ bị trị đã dặt nên cái bối cảnh cho những loạn động sau này. Tình trạng bất ổn định đó là cả một cuộc diễn tiến lịch sử của sự vùng dậy.

Nó mang trong lòng nó bao nhiêu quần quai đau đớn và cũng vì thế mà nó chứa đựng sức nổ của một cuộc cách mạng.

Lẽ tự nhiên đó là một cuộc cách mạng của bất mãn. Đối với một số người thì là bất mãn với quá khứ nặng nề, đối với một số người khác thì là bất mãn với hiện tại mỏng manh. Cả quá khứ đó lẫn hiện tại này đều làm người ta thấy tủi hổ. Và con người có thể chịu đựng được đủ mọi thứ trừ tủi hổ. Một số người trẻ thì bất mãn với sự vô vị của cuộc sống. Họ muốn lao mình vào một cái gì say sưa hơn là sống lay lắt. Có đau khổ chăng nữa thì cũng đau khổ vào những chuyện được việc.

Tất cả những khát vọng đó không phải lúc nào cũng được nói lên một cách rõ ràng, nhiều khi nó mơ hồ, nhiều khi nó chỉ là thúc đẩy của trực giác. Hơn nữa tính chất của cuộc cách mạng «bất mãn» đó khác nhau tùy nước và cũng tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố địa phương. Tuy nhiên, nếu muốn phân loại một cách thô kệch thì người ta có thể nói được rằng về mục tiêu, các cuộc cách mạng đó nhằm đòi hỏi:

- phẩm cách
- hiệu năng
- và công bình.

Sự dồn ép của 3 mục tiêu đó như là 3 con sông nhánh đổ dồn vào một sông lớn làm cho tốc vận và khối lượng của dòng nước lũ cách-mạng theo đó mà thay đổi. Nếu do những điều kiện lịch sử 3 con sông nhánh chảy êm ả hay con sông lớn có một lòng rộng đủ chuyển vận các ngọn nước đổ vào thì nước cựu thuộc địa đó sẽ có thể thực hiện được một cuộc cách mạng ít đảo lộn mà vẫn sâu xa. Trái lại ở trường hợp những nước ít may mắn hơn dòng thác phần nộ có thể cuốn đi cả những con đê vững chắc nhất, reo rắc tàn phá và đau thương như một trận lụt lớn.

Cách mạng đòi phẩm cách

Cuộc cách mạng này nhắm xác nhận nền độc lập mới thâu hồi. Mọi mặt thì phải gột bỏ cho kỳ hết các mặc cảm tự ty, một mặt thì minh-định quy chế mới của mình trong cộng đồng quốc tế. Các nước mới thâu hồi độc lập muốn cho

thiên hạ biết đến «thể căn cước» mới của mình không ngần ngại chọn những việc làm nhiều tính cách phô trương, khai chiến với mọi kẻ thù của nền độc lập mới, kẻ thù thật lẫn kẻ thù tưởng tượng, quét sạch những di tích của thời lệ thuộc. Các nước này rất chú ý đến các biểu hiệu bề ngoài của «quy chế mới». Có khi phải chi tiêu tốn kém như đặt các đại diện ngoại giao ở các nơi ngay cả tại những chỗ chưa cần thiết, tổ chức đi viếng thăm chính thức các nước với những đoàn tùy tùng đông đảo. Có khi thì xáo trộn cả thứ tự ưu tiên của các công tác để cho «quy chế mới» được nổi bật lên, như xây những dinh thự có máy điều hoà không khí trước khi đặt cổng rào thoát nước cho các đô thị, trưng bày các hoả-tiễn điều khiển bằng vô tuyến tại các cuộc duyệt binh trong khi trong nước chưa chế tạo được xà-bông v.v. Cũng có khi thì những dấu hiệu độc lập đó được người ngoài mang tặng cho, thí dụ như một lá phiếu bầu ở một tổ chức quốc tế hay một chỗ ngồi tại các cường quốc.

Qua những giai đoạn đó các nước mới độc lập bắt đầu nghĩ tới gây ảnh hưởng, nào tổ chức các hội nghị quốc-tế địa-phương, nào thành lập các khối và dành nhau vai trò lãnh-đạo, nào tranh chấp về biên-giới với các nước láng giềng, tuyên chiến trên các làn sóng điện. Tất cả chỉ để rửa hờn cho phẩm cách đã từng có lúc bị tổn thương.

Sự đi tìm một chỗ ngồi mới trong cộng đồng quốc tế cũng có khi mang nặng tính chất chủng tộc vì chiêu bài đó dễ làm cho người ta say sưa hơn.

Cũng có khi thì là dưới khía cạnh văn hoá, đi tìm trong kho tàng dân tộc những thứ gì tiêu biểu nhất, không ngần ngại cả những chuyện vá víu hay chấp nối lai căng.

Tất cả những sự xác định quy chế nhằm phục hưng phẩm-cách này động viên rất nhiều năng lực nhưng cũng gây được nhiều rung động làm người ta tạm quên được sự thúc bách của các vấn đề vật chất. Và người ta cũng tìm thấy những thỏa mãn thực sự y như là được ăn no, mặc ấm vậy.

Cách mạng đòi hiệu năng

Các nước mới độc lập cần phải làm hai việc : một mặt thì phá bỏ những cơ cấu trước đây đã được thiết lập cho những nhu cầu của bọn người tới thống trị, một mặt khác phải thiết lập những cơ cấu mới thích ứng với nhu-cầu và đặc tính của dân tộc.

Người ta có thể so sánh những việc trên với những cố gắng của một gia đình phải lo sinh sống bình thường trong khi ở trên đầu thì thợ đang phá cái mái nhà và ở tầng dưới thì thợ đang xây lại các căn buồng trong khi chính gia đình đó cũng còn phân vân chưa biết lựa chọn kích thước, hình dáng hay cách trang hoàng ngôi nhà mới. Công việc lại còn khó khăn hơn ở chỗ trong gia đình không có sẵn những tay thợ khéo hay những kiến trúc sư rành nghề và ở giữa tình trạng hỗn độn đó một vài người trong nhà đã không tự kiềm chế nổi và rơi vào những hành động đáng tiếc như

vô-kỷ-luật hay là hối lộ, ăn cắp của gia đình.

Cái gia đình đó lại còn đau đớn nhận thức rằng cả thế giới đang nhìn họ loay hoay xoay sở, đôi khi một vài tiếng cười chế nhạo lại vang bên tai họ. Họ không thể để cho chạm tới thể diện của họ, và họ càng dễ có những quyết định vội vàng hay khinh suất. Và lại không quyết định ngay làm sao được khi cả cái sườn nhà cũ kỹ đang đe dọa sụp trên đầu họ.

Vấn đề đặt ra là phá đến đâu và giữ lại những gì để khỏi phương hại tới việc xây dựng những kiến trúc mới.

Nhưng nói đến thay đổi qui chế tức là nói đến thay đổi cơ cấu chính trị. Những cơ cấu nào sẽ lãnh nhận cái gia tài cũ, để cho vừa thích ứng với nhu cầu mới vừa đem lại hiệu năng tối đa ? Sau những bình phong của chính thể đại-nghị, một số lớn các nước mới độc lập thực ra đang sống ở một trong hai loại chế độ độc tài. Một là độc tài để duy trì, củng cố địa vị và quyền lợi hiện có, hai là độc tài để có thể phế trừ các đặc quyền đó mà canh tân. Giữa cái thực trạng độc tài đó, làm thế nào thiết lập được dân-chủ ? Quyết định về cơ cấu chánh trị rồi sẽ còn phải làm nhiều sự chọn lựa khác. Thí dụ giữa một nền kinh tế chỉ huy và một nền kinh tế hỗn doanh, chọn thứ nào để phát triển mau lẹ ? Trong chính sách đầu tư, khuyến khích đến mức nào và cưỡng-ché đến mức nào ? Làm thế nào dung hòa được sự cần thiết phải đón chào vốn ngoại quốc tới đầu tư với lại sự chống

đối của dân chúng không muốn cho quyền lợi kinh tế rơi vào tay ngoại nhân ? Làm thế nào lập được một sự quân bình giữa sự tôn trọng các đặc tính địa phương với nhu cầu trung ương tập quyền để gia tăng hiệu năng ?

Người ta phải trả lời tất cả những câu hỏi đó và bao nhiêu câu hỏi khác. Sự giải đáp nào cũng phải là một sự canh cải nhằm mang lại nhiều hiệu năng hơn. Và vì vậy sự giải đáp nào trong tính chất của nó cũng là một cuộc cách mạng.

Cách mạng đòi công bình

Đòi xác nhận quy chế độc lập hay đòi gia tăng hiệu năng là những khát vọng của cả một dân tộc. Nhưng diễn tả những khát vọng đó thường do các tầng lớp trung-lưu hay do giới trí thức. Khi xét đến yếu tố thứ ba trong tình trạng bất ổn định của các nước mới độc lập, nghĩa là xét đến nhu cầu cách mạng đòi công bình thì người ta lại thấy rằng không phải các tầng lớp trên mà chính quần đại quần chúng mới nói lên những đòi hỏi thiết tha nhất về công bình xã hội.

Khi viện trợ kinh tế cho các nước kém mở mang người ta thường lý luận như sau : sự nghèo đói lan rộng trong các nước đó, ai nấy đều mong mỗi nâng cao mức sống chung, như vậy đem lại sự viện trợ là có thể phát động được sự mở mang kinh tế. Nhưng đối với trên một tỷ người dân quê túng thiếu của những nước này thì lý luận như vậy bây giờ còn là mơ hồ.

Đã đành là hầu hết những người dân quê của Châu Á, Châu Phi hay Nam Mỹ đều sống khổ cực và không mong gì hơn là được thấy mức sống vật chất của họ được nâng cao. Nhưng những phản ứng của họ trước sự túng thiếu kinh niên mà họ thường chịu đựng không giống như những dự trù của các nhà kinh tế học hay những tính toán của các kế hoạch gia. Trong nhốn quan của họ họ chú ý đến sự phân phối những thứ hiện có nhiều hơn là đến những cách tăng gia các thứ đó. Thiếu thốn không khổ bằng thấy những người chung quanh có nhiều hơn mình. Tăng năng xuất của thửa ruộng họ đang cấy mướn không quan trọng bằng chủ điền chia luôn với họ một phần lớn hơn trong sự thu hoạch hiện thời. Không thể nào sao lãng cái nhu cầu công bình xã hội đó, cái nhu cầu cách mạng đó nếu muốn huy động cả cái khối đông đảo trên vào công cuộc phát triển có lợi ích chung.

Ở những nước mà trình độ phát triển đã khả quan thì viện trợ kinh tế quả là một kích-thích-tổ hữu hiệu nhưng ở những nước chậm tiến, bệnh nhân còn đòi ở kích thích tổ phải chữa các bệnh kinh niên khác nữa. Và đó là khuôn khổ cách mạng của vấn đề.

Tùy hoàn cảnh mỗi nước

Ba yếu tố cách mạng trên đang sôi sục tại các nước cựu thuộc địa mới thâu hồi độc lập. Lẽ tất nhiên các hoàn cảnh địa phương đã ảnh hưởng rất nhiều tới các khuynh hướng chung. Cuộc cách mạng nói trên đã đi theo những đường lối khác nhau, những tốc lực khác nhau,

những cường độ khác nhau tùy theo đặc tính của mỗi nước, tâm lý và lịch sử của mỗi dân tộc.

Cuộc cách mạng đòi phẩm-cách chẳng hạn tại các nước Nam Mỹ đã độc lập trên một thế kỷ nay không mãnh liệt như là tại các nước Châu Phi mà phẩm giá gần đây còn bị chà đạp. Ngay tại Ấn-Độ cuộc cách-mạng đó cũng không sôi nổi vì người Ấn-Độ trong một thời gian khá dài trước khi được độc lập, đã được tham dự vào nội trị ngoại giao và được thực tập nắm chính quyền. Thái-Lan là nước duy nhất của Đông-Nam-Á không bị Đế quốc cai trị nên cũng không bắn khoăn quá đáng về « phương diện quốc gia » như ông bạn láng giềng Cambodge.

Trái lại, cuộc cách mạng đòi hiệu năng được đặt ra tại hầu hết các nước cựu thuộc địa. Việc thiết lập các cơ cấu dân chủ đang là mối ưu tư chính của những nền độc lập mới. Nhưng sanh cải xã-hội đang thay đổi bộ mặt của Nam-Mỹ hay Phi Châu. Các quan niệm đối chọi nhau về tổ chức Liên bang hay Trung ương tập quyền đang là những đề tài tranh luận ráo riết tại các nước có một địa dư đặc biệt như Nam-Dương quần đảo. Tất cả là đi tìm những phương thức nào có hiệu năng nhất. Và cũng vì đi tìm hiệu năng, muốn chấm dứt một tình trạng hỗn loạn quá dài, một số nước đã không chống nổi quyền rũ muốn đi tìm một « người hùng » trong quân đội.

Do tính chất của nó, cuộc cách mạng đòi công bình chứa đựng nhiều

phần nộ nhất. Nhưng ở các nước có một quốc hội thực sự thì nhiều đạo luật hợp thời đã làm thỏa mãn được nhiều đòi hỏi và làm nguôi lạnh được nhiều khí thế hung hăng. Trái lại ở những nước như ở Nam Mỹ mà các tầng lớp hưởng nhiều quyền lợi lại không có một thái độ hiểu biết hay ở những nước mà các đặc quyền phong kiến lại còn hưởng thêm được những tài nguyên khác của thiên nhiên như các mỏ dầu chẳng hạn thì những cuộc nổ bùng hung dữ rất dễ xảy ra.

Tây-Phương phải có thái độ nào ?

Tới nay Tây Phương vẫn bị dư luận tại các nước cựu thuộc địa gán cho ý định muốn duy trì hiện trạng, không muốn đứng vào phía cách mạng. Sở dĩ Tây Phương chịu một hình ảnh « kém tiến bộ » như vậy là vì khi rút khỏi các cựu thuộc địa, Tây Phương không thể nào tranh được một số phản ứng tự vệ. Sau đó, những phản ứng trên vẫn kéo dài vì Tây Phương phải đối phó với chiến tranh lạnh của khối Cộng-Sản. Trái lại phe Cộng-Sản lại đóng vai có cảm tình với cách mạng, sẵn sàng giúp đỡ những ai muốn thay đổi hiện trạng vì theo chủ thuyết của họ mỗi một thay đổi là một bước tiến tới gần «thiên đường» của họ.

Thành ra trong khi các nước mới độc lập muốn thay đổi cơ cấu, Tây Phương đã đứng vào một thế bất lợi là thiếu thiện cảm với những đòi hỏi cách mạng,

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

— Đại-Nam Nhất-Thống-Chí, quyển 6 : **Tỉnh Quảng-Ngãi** soạn giả: Cao-Xuân-Dục, Lưu-Đức-Xứng, Trần-Xán, dịch giả Nguyễn-Tạo, do Nha Văn-Hóa gửi tặng. Sách dày 108 trang có phần phụ-lục bằng chữ Hán. Giá 25đ.

Dạy đọc và dạy viết cho trẻ con của Đoàn-Nhật-Tấn do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 65 trang, giá 25đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

Có thể nói một cách tổng quát là các nước mới độc lập đều muốn thay đổi cơ cấu trong ba lãnh vực.

— Muốn được sự ủng hộ của đại đa số nông dân thì phải nghĩ cải cách điền địa, hi sinh các đại điền chủ.

— Muốn xây dựng một nền kinh tế quốc gia thì phải hi sinh những giới chuyên sống bằng việc nhập cảng các đồ của Tây Phương hay xuất cảng các nguyên liệu trong xứ.

— Muốn giải quyết vấn đề nhân công khiến dụng, muốn canh tân canh nông thì phải kỹ nghệ hóa xứ sở.

Về cả 3 lãnh vực đó, Tây Phương đều bị coi là có một thái độ trì hoãn. Đại điền chủ là người đại diện địa phương cho cái hiện trạng mà Tây Phương muốn duy trì, các giới xuất

nhập cảng thì liên hệ mật thiết với các quyền lợi kinh tế, tài chánh của Tây Phương, còn như kỹ nghệ hóa thì Tây Phương lại ngại ngừng sẽ gặp những sự cạnh tranh mới trên thị trường quốc tế.

Những tư tưởng chống đế quốc lúc đầu còn tập trung vào cường quốc đã từng đô hộ mình, sau đó lan ra tất cả các nước đã có thuộc địa, và sau cùng nhắm cả vào toàn khối Tây Phương bất kể là thực dân hay không.

Những sự chống đối đó chắc chắn còn âm ỉ còn lâu. Tây Phương không có lợi gì mà để cho nó kéo dài, thứ nhất là có những nước sẵn sàng tìm cách cho nó bùng nổ. Tây

Phương chỉ có thể có một thái độ. Đó là chấp nhận các cuộc cách mạng nổi trên. không những đã không thờ ơ mà còn cộng tác thành thực cho sự diễn tiến cách mạng đi mau chóng. Làm như vậy để rút ngắn thời gian xáo động và chóng đi tới sự ổn định cần thiết cho mọi tiến bộ thực sự.

Đó là một thái độ thực tế nhất vì nếu các cuộc cách mạng đó tất yếu phải có thì khôn ngoan nhất là Tây Phương đóng vai đồng minh của những cái gì không thể tránh được.

Viết theo Tibor Mende

VŨ-BẢO

• SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

nhân bài

« Bầu Tổng-Thống Hoa-Kỳ »
của Vũ-Bảo

L. S. T.— Sau khi đăng bài « Bầu Tổng Thống Hoa-Kỳ » trên B.K. số 188 ngày 1-11-64, có một số bạn đọc gửi thư yêu cầu tác giả bài đó vui lòng giải đáp đề làm sáng tỏ thêm một vài điểm trên trong bài đây. Chúng tôi xin trích mấy câu hỏi đầy đủ nhất của một bạn đọc ở Nha-Trang và đăng tiếp những câu trả lời của bạn Vũ-Bảo, ước mong sẽ làm hài lòng các bạn đọc gửi thư về tòa soạn đã có những thắc mắc tương tự.

HỎI

1) Thượng nghị viện Hoa-Kỳ gồm có 100 vị thượng nghị sĩ được đắc cử trong một nhiệm kỳ 6 năm, nhưng cứ mỗi hai năm (năm chẵn) lại bầu lại 1/3.

Vậy trong cuộc bầu lại **lần đầu tiên** của hai năm đầu, biết bầu lại 35 vị nào hay biết bầu lại 35 vị của tiểu bang nào? xin ông giải thích hộ cho rõ ràng hơn.

2) Ông viết (B. K. số 188 trang 14 và 15): «... bầu lại hai vòng có thể xảy ra trường hợp bất công là vị Tổng Thống được đa số cử tri đoàn có khi lại thua số phiếu của dân chúng...»

Chúng tôi quan niệm rằng dân đi bầu cử tri đoàn và liên danh được sẽ phải

bầu cho ứng cử viên của họ như vậy thì làm sao:

a) từng cử viên «được một số nhỏ về phiếu của dân chúng trong những tiểu bang đông dân cư» mà lại được đa số phiếu của cử tri đoàn?

b) các tiểu bang ít dân số lại lo ngại bị các tiểu bang lớn lấy số đông đề bực (vì dân đông thì có nhiều đại diện là công bằng)?

Vậy xin giải thích cho 5 điểm trên bằng vài tỷ dụ cụ thể bằng con số (chiffre). Nếu có thể xin cho biết ngay trường hợp hai ông Cleveland và Woodrow Wilson mỗi ông được bao nhiêu phiếu của dân và bao nhiêu phiếu của cử tri đoàn?

TRẢ LỜI

● Trả lời câu hỏi 1.

«Hiến Pháp Hoa-Kỳ, Điều 1, đoạn 3, 20/ ghi rằng :

«Ngay trong phiên họp, liền sau cuộc tuyển cử đầu tiên, các thượng nghị sĩ sẽ chia ra một cách thật đều nhau làm 3 lớp, lớp đầu sẽ hết nhiệm kỳ vào cuối năm thứ hai, lớp thứ hai vào cuối năm thứ bốn, lớp thứ ba vào cuối năm thứ sáu...»

Hiến-Pháp Hoa-Kỳ cũng không nói rõ làm thế nào để chia cho đều. Như vậy các thượng-ng nghị-sĩ sẽ phải liệu thu xếp với nhau và không bảo được nhau thì rút thăm.

● Trả lời câu hỏi 2.

Lẽ tất nhiên trong một tiểu bang, một đảng có được đa số phiếu của

dân chúng thì danh sách cử tri đoàn của đảng ấy mới được chọn để đi bầu cho ứng viên Tổng Thống của họ. Nhưng vì đa số trong mỗi tiểu bang lớn nhỏ khác nhau, nên thắng nhỏ (về phiếu dân chúng) ở một tiểu bang to (cử tri đoàn đông), rồi sau đó thua đậm (về phiếu dân chúng) ở một tiểu bang bé (cử tri đoàn ít người) thì vẫn là thắng về cử tri đoàn tuy rằng cộng số phiếu dân chúng lại ít phiếu hơn địch thủ.

Để trình bày rõ ràng hơn xin dẫn ra đây thí dụ có con số. Để cho có vẻ «thực» hơn, những số này đã lấy đúng số người đi bầu và số cử tri đoàn trong cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa-Kỳ năm 1960. Bây giờ, ta thí dụ có 2 ứng viên A và B và ta chọn 2 tiểu bang California và Michigan.

Tiểu Bang	Tổng số người đi bầu	Số người trong cử tri đoàn	Tổng số phiếu của dân chúng		Tổng số phiếu cử tri đoàn	
			A	B	A	B
Californie	6.506.578	32	3.254.013	3.252.565	32	—
Michigan	3.318.097	20	1.125.043	2.193.054	—	20
			4.379.056	5.445.619	32	20

Chúng ta thấy rằng A đã thắng về số phiếu cử tri đoàn (32 phiếu) trong khi B chỉ được có 20 phiếu.

Nhưng về số phiếu dân chúng thì A đã thua B vì A được 4.379.056

phiếu trong khi B đã được 5.445.619 phiếu.

Sau đây lại xin dẫn chứng một trường hợp khác: A thua ở tiểu bang lớn nhưng thắng đều đặn ở các tiểu bang khác.

Tiểu bang	Tổng số người đi bầu	Số người trong cử tri đoàn	Tổng số phiếu của dân chúng		Tổng số phiếu cử tri đoàn	
			A	B	A	B
New York	7.291.079	45	2.644.327	4.646.752		45
Texas	2.311.845	24	1.305.782	1.006.063	24	
Illinois	4.757.409	27	2.593.468	2.163.941	27	
			6.543.577	7.816.756	51	45

Ứng cử viên A thua ở tiểu bang New York, nhưng thắng đều ở 2 tiểu bang khác, nên mặc dầu thua số phiếu dân chúng vẫn thắng số phiếu cử tri đoàn.

Không phải là những trường hợp trên cứ xảy ra luôn, nhưng cũng đủ để cho cuộc tranh cử thỉnh thoảng có những pha hào hứng, làm người chờ mong kết quả rất hồi hộp.

Năm 1888 ông Harrison đã thua số phiếu dân chúng (5.444.337 phiếu) nhưng đã thắng số phiếu cử tri đoàn (233 phiếu) nên đã thắng ông Cleveland (5.540.050 phiếu dân chúng và 168 phiếu cử tri đoàn).

Nhưng đến năm 1892 thì Cleveland đã trả được hận đó: Tuy thua số phiếu dân chúng (Cleveland được 5.554.414 phiếu trong khi phe địch được trên 6 triệu phiếu) nhưng ông ta đã thắng cử vì được nhiều phiếu cử tri đoàn hơn (Cleveland 277, phe địch 167).

Về trường hợp Woodrow Wilson năm 1912 cũng vậy (Wilson 6.286.214 phiếu dân chúng, 435 phiếu cử tri đoàn

trong khi phe địch trên 7 triệu phiếu dân chúng mà chỉ có 96 phiếu cử tri đoàn)

VŨ-BẢO

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được:

— **Tập san quân y Việt-Nam** số 11 tháng 9-64 do Y-sĩ Đại tá Nguyễn-Quang-Huân làm chủ nhiệm, và Đại úy Lê-Phước-Thiện làm chủ bút, và tòa soạn đặt tại trường quân y Q.Đ. V.N.C.H, K.B.C. 4-493.

— **Tiểu-luận về Bồ-Đề Đạt-Ma** (Bo-dhi Dharma) của Phạm-Công-Thiện do Tân-Ý-Thức xuất bản và Thư-viện Phật-Học-Viện Trung-Phần Nha-Trang gửi tặng. Sách dày 102 trang, bản đặc biệt không đề giá bán.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Tập-tục của người Hồi-Giáo

● DOHAMIDE

III.— Giá thú Hồi-Giáo

(xin xem B.K. từ 181)

Hồi-Giáo luật định nghĩa giá thú là một khế ước, thiết lập giữa một người đàn ông và người đàn bà, một quy chế pháp lý, nhận chịu sự chi phối của những quyền lợi xã hội có tánh cách luân lý và tôn giáo.

A.— Hình thức giá thú.

Lễ cưới của người Hồi-Giáo về đại cương cùng theo một quy luật nhưng về chi tiết, khác nhau từ nước này sang nước khác, vì mỗi địa phương, chịu ảnh hưởng ngoại cảnh tại chỗ, lễ tục mang những màu sắc riêng biệt.

Người Hồi-Giáo thuộc trường phái Sa-phê-Y áp dụng Ru-Kun ni-

Kah đòi hỏi một lễ cưới phải có những yếu tố sau đây:

- 1) Wa li, tức là vị đứng chủ hôn đàn gái, để thực hiện lễ cưới
- 2) 2 người chứng.
- 3) một người con trai tức chú rề.
- 4) một người con gái tức cô dâu.
- 5) lời nói của vị Wa-li.

Trên nguyên tắc, một lễ cưới Hồi-Giáo không bắt buộc phải có sự hiện diện của một chức sắc Hồi-Giáo nào cả.

Người ta chỉ cần có mặt hai nhân chứng, làm tăng tánh cách long trọng của lời xác nhận ý chí chung

sống với nhau. Khiếm khuyết điều kiện này, giá thú bị xem như vô hiệu, nhân chứng phải hội đủ những điều kiện sau đây :

- trưởng thành
- không phải người nô lệ
- sáng suốt
- người Hồi Giáo
- nam phái

Một lễ cưới hợp thức phải có sự trao đổi ưng thuận, đúng theo giáo luật.

Sự ưng thuận cần được biểu lộ rõ ràng bằng lời nói minh bạch không gây nên một nghi ngờ gì, đối với những người hiện diện, chứng kiến.

Đối với người Chăm Hồi-Giáo Châu-Đốc, người ta thường tập cho chú rể thuộc lòng câu nói trước, đề khi làm lễ chú rể ngồi đối diện với vị *Wa-li*, có thể nhận lễ một cách suông sẻ.

Không có một công thức nào được áp dụng riêng cho sự trao đổi ưng thuận này, tuy nhiên thường người ta nói như sau :

Wa li : Ta gả cho người... (tên người con gái), con của ... (1), với số tiền đồng là....

Chú rể : Dạ tôi chịu nhận... (tên cô dâu), với số tiền đồng....

Cần chú ý là trước khi có sự trao đổi ưng thuận này, các nhân

chứng thường kiểm điểm lại cho đúng số tiền cưới quy định đặt bên cạnh. Sau đó, một vị am hiểu Giáo luật tuyên đọc *Khut-bah*, tức một bản văn đề cập ý nghĩa của lễ cưới, nghĩa vụ vợ chồng v.v...

Ngay khi lời nói suông sẻ của chú rể vừa chấm dứt, mọi người đồng đưa hai bàn tay lên *a-min* hòa theo bài cầu nguyện (*đu-a*) của một bồ lão, chấm dứt buổi lễ Đạo bắt buộc.

Tiếp theo đó có thể tùy địa phương, người ta thường tổ chức những cuộc vui, những đám rước dâu, đưa rước v.v... nhưng đây chỉ là những cuộc lễ có tánh cách thế tục.

Riêng về sự ưng thuận của hai phối ngẫu, người ta nhận thấy có vài điểm ngoại lệ Chẳng hạn như đối với một trinh nữ thì sự ưng thuận chỉ cần thiết khi người giám hộ nhìn nhận người con gái đã trưởng thành.

Một nụ cười hay sự im lặng của người trinh nữ được xem như tiêu biểu cho sự ưng thuận. Tuy nhiên, *ha-dit* BU-KHO-RI khuyến cáo người ta cần phải cho người con gái rõ ý nghĩa của nụ cười hay thái độ im lặng trước đã.

Nếu sự ưng thuận do một người cầm, thì người ta có thể dùng dấu hiệu, miễn là những dấu hiệu này không thể tạo nên một ý nghĩa khác được.

Người con gái chọn một người thụ ủy gọi là *wa-li* như trên, trong

(1) Nếu vị *Wa-li* cũng đồng thời là cha của người con gái, thì nói là con của mình.

số các thân thuộc bên nội (*a-sab*) gần nhứt, đề đứng chủ hôn cho mình. Trong trường hợp, người con gái nhờ một thân thuộc xa làm *wa-li*, thì người bà con gần hơn có thể phản kháng giá thú được, dù rằng *wa-li* chỉ là người thụ ủy, chỉ biểu lộ thỏa hiệp trong giá thú theo những điều kiện do người con gái ưng thuận.

B.— Điều kiện của giá thú.

Ngoài việc phải làm đúng lễ tục do Giáo luật quy định kể trên, giá thú người Hồi Giáo, muốn hữu hiệu, cần có những điều kiện sau :

1.— Không bị ngăn trở do liên hệ thân tộc.

Về trực hệ, *Xu-rat IV, a-yat 27 Cur-An* cấm cưới con gái «do chính mình tạo ra ».

Về bàng hệ, cấm giá thú giữa anh chị em, cháu trai và mợ, thím, cháu gái và chú bác, cậu, tức là không phân biệt do liên hệ bên nội hay bên ngoại.

Trong Hồi-Giáo luật, đứa trẻ được xem như con của người nuôi vú và người chồng của vú nuôi được xem như cha ruột đứa bé. Do đó, đứa bé lớn lên sẽ không được cưới người vú nuôi, con gái, cháu gái, cô, thím của người này và ngược lại, người vú nuôi cũng không thể cưới người cha cùng thừa kế của đứa bé nữa (2).

Theo Trường phái *Ma-lê-Ki*, liên hệ thân tộc giữa người vú nuôi

và đứa bé có từ lúc cho bú và không cần xem cho bú nhiều hay ít, miễn là trong vòng 26 tháng, sau khi đứa bé ra đời.

Trường phái *Ha-nê-Phi* định trong vòng 24 tháng ; còn Trường phái *Sa-Phê-Y* thì miễn là cho bú năm lần cũng đủ, không cần đề ý đến khoảng thời gian.

Trong nhân thuộc (tức liên-hệ giữa một phối ngẫu và thân thuộc của người phối ngẫu kia) thì về trực hệ, cấm giá thú giữa người chồng và mẹ vợ, dù rằng giá thú trước đã bị tiêu hủy rồi cũng vậy.

Cũng cấm giá thú giữa người chồng và con gái riêng của vợ, nhưng điều cấm này không hiệu-lực, nếu 2 vợ chồng đã không sống với nhau từ khi cưới.

Về phía người đàn bà thì cấm lấy người cha hoặc con của chồng, dù là sau khi tiêu hôn, hoặc hai vợ chồng đã không bao giờ chung sống với nhau.

Về bàng hệ, giá thú bị cấm giữa người chồng và chị em của vợ, do đó, không thể cưới một lượt hai chị em được.

Giá thú cũng bị cấm giữa chồng và cô, thím, bác, mợ hay cháu gái của vợ, nhưng sự cấm đoán bị giải tiêu, nếu giá thú còn vị toại.

Có một vài khác biệt nhỏ giữa các Trường phái về quan niệm nhân thuộc.

Sa-Phê-Y chủ trương sự đi lại bất chính, vụng trộm không tạo nên

(2) *Cur-An, xu-rat IV, a-yat 27.*

liên hệ nhân thuộc, nên không cấm giá thú theo điều kiện trên. Trái lại, *Ha-nê-Phi* không phân biệt sự bất chính hay không bất chính, nên hề có đi lại là tạo nên nhân thuộc.

2.— Có ưng thuận của người phối ngẫu.

Trên nguyên tắc, người nào trưởng thành cũng đều có thể ưng thuận trong giá thú. Sự ưng thuận này không cần bổ túc bởi sự ưng thuận của người khác trong gia đình như cha mẹ, giám hộ hay ông bà.

Tuy nhiên, yếu tố tôn giáo có thể gây ngăn trở phần nào, vì lẽ phụ nữ Hồi-Giáo chỉ có thể lấy chồng Hồi Giáo mà thôi (3) nếu không người con gái sẽ bị ảnh hưởng và có thể sẽ bị lôi cuốn theo đạo của chồng.

Trái lại, người đàn ông Hồi Giáo được giáo luật cho phép cưới những người con gái theo đạo tin Cựu hay Tân Ước Kinh. (4)

Al Na-Wa-Wi, thuộc Trường phái *Sa-Phê-Y* khuyến cáo tín đồ nên hỏi ý kiến người con gái về người chồng tương lai của cô đó.

Theo Trường phái *Ma-lê-Ki* và *Sa-Phê-Y*, người con trai chưa thoát quyền, lúc chưa trưởng thành, có thể bị cưới hay gả mà không cần được hỏi ý kiến. Nhưng đến khi trưởng thành rồi thì sự ưng thuận của y cần thiết. (Được xem như trưởng thành khi những dấu hiệu dậy thì xuất hiện, tức là vào khoảng 18 tuổi trở lên).

Về phía người con gái, nếu là trinh nữ (*bikr*) thì không có gì thay

đổi dù đã trưởng thành. Chỉ được thoát quyền khi người con gái lúc cưới đã mất trinh do một cuộc hôn nhân trước đó. Vì vậy, việc bị hãm hiếp hoặc sự thông dâm, đi lại bất chánh không được kể tới. Tuy nhiên, nếu người con gái đã sống bên nhà chồng một năm thì dù hai vợ chồng có thực sự sống với nhau hay không, vẫn kể là người đàn bà ấy đã có chồng.

3.— Tiền cưới.

Mọi cuộc hôn nhân đều có tiền cưới và tiền cưới đó phải có thực sự. Đó là một số tiền hoạt một động sản, một bất động sản đánh giá bằng tiền.

Thời tiền Hồi-Giáo, tiền cưới này sau đó thuộc cha mẹ đã thỏa thuận hôn nhân.

Hồi-Giáo đã cải thiện địa vị phụ nữ và đã định rõ (5) tiền cưới thuộc người con gái, dù cuộc hôn nhân đó có sự ưng thuận của y hay không cũng vậy.

Sau đó, dù cuộc hôn nhân có bị tiêu hủy do một ngăn trở tìm được về sau, tiền cưới đó vẫn thuộc người đàn bà hưởng trọn và trong trường hợp giá thú vô hiệu, nó sẽ biến thành số tiền bồi thường thiệt hại cho người. Điều kiện đòi hỏi; chỉ là phải thực sự ăn ở với nhau, còn nếu không, thì người đàn bà vẫn không được quyền hưởng.

(3) *Cur-An, xu-rat II a-yat 220.*

(4) *Cur-An, xu-ra V a-yat 37.*

(5) *Cur-An, xu-rat IV, a-yat 3, 28.*

C. — Sự tiêu hôn.

Trong xã hội A-Rập tiền Hồi-Giáo tập tục rẫy vợ rất thanh hành, người chồng chỉ cần tuyên bố một câu biểu lộ thái độ dứt khoát, là liên hệ hôn nhân không còn nữa.

Na-Bi Muhammad, trước tề trạng đó, đã hạn chế quyền độc đoán của người chồng bằng cách đặt điều kiện khả bãi cho quyết định thôi vợ (hay rẫy vợ) để người chồng có thể trở lại với vợ sau những lúc nóng nổi giận hờn.

Để được hiệu lực, sự *thôi vợ khả bãi* này phải duy nhất (*ta-lak I*) và xảy ra ngoài thời kỳ kinh nguyệt của người vợ.

Quyết định thôi vợ như trên sẽ đưa đến hậu quả ly thân và người vợ sẽ phải ở vậy tại cư sở hôn nhân. Trong thời kỳ ở vậy này, người chồng lúc nào cũng có thể trở lại với vợ, sống cuộc đời xưa cũ.

Tuy nhiên nếu đến ngày mãn thời kỳ ở vậy, người chồng có thể biểu lộ quyết định rẫy vợ lần thứ nhì (*ta-lak II*) và hai vợ chồng sẽ tiếp tục ly thân một thời hạn nữa. Nếu người chồng im lặng không nói gì cả, thì giá thú sẽ bị tiêu hủy, người vợ có quyền tái giá ngay không cần ở vậy thêm nữa.

Sau quyết định lần thứ nhì, nếu người chồng lại rẫy vợ lần thứ ba (*ta-lak 3*) thì giá thú sẽ tiêu hủy vĩnh viễn, và người vợ chỉ có thể trở lại với chồng cũ, sau khi đã lấy chồng khác rồi bị người này tuyên hủy giá thú (6).

Na-Bi Muhammad có lần đã nói : « Sự tiêu-hôn là điều xấu xa nhất trong những điều hợp pháp » (7). Người Mĩ-Lai có câu « *U-pah chi-na bu-ta* » và người Chăm Châu-Đốc nói « *Pah lo đa-kloh* » có nghĩa là *mướn chú chệt đui*, để chỉ việc *ta-lak 3* kể trên, ngụ ý sau khi *ta-lak 3* rồi mà muốn trở lại với vợ cũ, thì người đàn ông chỉ có thể mướn chú chệt mù, thì y mới chịu cưới giùm vợ của mình, rồi quyết định thôi, để mình cưới lại lần nữa !

Trên thực tế, người Hồi Giáo nhiều nơi đã soay sở Giáo-luật và đã gộp chung vào một công-thức rẫy vợ 3 cấp để có hiệu lực bất khả bãi ngay.

Tất cả những thẻ thức rẫy vợ đều đòi hỏi người chồng phải trưởng thành và sáng suốt.

Riêng về phía người vợ, để tiêu hủy giá thú, thì chỉ có phương thức xin ly dị. Lý do thường nại ra hữu hiệu là lý do người chồng khiếm khuyết bốn phận của một tín đồ Hồi-Giáo, chẳng hạn như không chịu cầu nguyện hoặc làm những điều cấm như uống rượu, bài bạc v.v... Vị chức sắc hữu trách tại địa phương (*Co-Đi* hay *Ha-Kim*) sẽ cho mời người chồng đến khuyên răn. Nhưng nếu quá 3 lần mà người chồng vẫn giữ tật cũ thì người vợ có thể trả tiền cưới lại và được quyền thôi chồng. Sự đánh đập tàn nhẫn, sự điểm nhục... tức là những gì khiến

(6) *Cut-An*, xu-rat II, a-yat 230.

(7) *Cut-An*, xu-rat II, a-yat 235.

họ sống chung không chịu được cũng có thể giúp người đàn bà xin ly dị như trên.

Sau khi giá thú tiêu hủy, người đàn bà phải ở vậy một thời gian, mục đích tránh hỗn loạn tử tức.

Người đàn bà bị bỏ, bắt buộc ở vậy (*id-dah*) trong ba kỳ kinh nguyệt (7), nhưng được miễn, khi giá thú còn vị toại.

Vì cần phải tỏ ra tôn kính người quá vãng, nên dù là giá thú vị toại góa phụ vẫn phải tôn trọng thời kỳ cư tang bắt buộc là bốn tháng mười ngày (7).

Sau khi tiêu hôn, dù người đàn ông có gian ý trong khi kết ước, vẫn hưởng phụ quyền đối với đứa con. Do đó, không có giá thú hư vô trong Hồi-Giáo luật.

..

Những tập tục trình bày trong các đoạn trước, phần lớn dựa vào Hồi-Giáo luật.

Nhưng như người ta thường nhận thấy trong xã-hội học, không phải những quy định gắt gao luôn luôn được người ta tuân hành đúng đắn nhất, dù sự tuân hành đó có tác dụng biểu lộ lòng tin của con người. Do đó, một người Hồi-Giáo rất có thể, vì lý do nào đó, khiếm khuyết phần nào bốn phận

cầu nguyện hằng ngày (*sgo-lah*), vốn là bốn phận căn bản của mọi người Hồi-Giáo, nhưng nhất quyết là người Hồi-Giáo nào cũng suốt đời không bao giờ nếm được một chút mùi vị thịt heo.

Đối với lễ tục cắt da quy đầu cũng vậy, hầu như không bao giờ có một người Hồi-Giáo nào mà không chịu lễ này, nhưng lễ tục này thực sự chỉ là một Sun-na, quy định trong *ha-dit*, chứ không phải trong Thánh Kinh Cur-An, thế mà lại có uy-lực rất quyết liệt.

Hồi-Giáo, cũng như mọi tôn giáo khác, là một tổng hợp giáo-thuyết, chỉ lớn mạnh khi tác hợp với những ảnh hưởng xã hội khác. Và các ảnh hưởng này phải tìm cả trong toàn thể nền văn hóa Hồi-Giáo. Phải trộn lẫn vào đó quá khứ và hiện tại của cuộc sống xã hội Hồi Giáo, người ta mới nhận thấy tôn giáo là một yếu tố, nhưng không phải là yếu tố chánh yếu, vì xét ra, nó rất khác biệt với thực tế sống động và thực tế cũng có những quy lệ riêng của nó, đôi khi lại tác động mạnh bạo hơn cả lý thuyết nữa. Giữa những nguyên nhân phức tạp, người ta nhận thấy chính những đòi hỏi khẩn cấp của cuộc sống kinh tế và xã hội đã định hướng phát triển thực sự cho con người Hồi-Giáo.

(Còn tiếp một kỳ)

(7) Cur-An, xu-rat li, a-yat 235.

BÀI HỌC LỊCH SỬ : MỘT KHI CHÍNH QUYỀN SUY YẾU

NGUYỄN - PHƯƠNG

Jean Dupuis

một thương nhân Pháp

đã làm mưa gió ở Bắc-Kỳ

(xin xem B.K. từ số 190)

Jean Dupuis tung-hoành ở Bắc-Kỳ

Với sẵn ý-định giúp Dupuis trên đường từ Bắc-Ninh về Cửa Cấm, Senez ghé lại Quảng-Yên mời Kinh-lược Lê-Tuấn xuống tàu *Bourayne*. Ngày 18 tháng 11, ông hội-đàm với thương-gia Pháp và cũng ngày đó cho chiếc xà-lúp *Sơn-tây* đi đón quan Kinh-lược. Khi Lê-Tuấn đến, 9 giờ sáng ngày 19, Senez đã có sẵn cả một chương-trình tấn-công vị đại-thần Việt-Nam về vấn-đề mở sông Hồng-Hà. Không lạ gì mưu thâm của người Pháp và rất biết phản-ứng của triều đình trước một đề-nghị táo-bạo như thế, quan Kinh-lược giữ một thái-độ hết sức nhã-nhận nhưng cũng vô cùng dè-dặt. Cái gì quan cũng cố trì-hoãn,

lấy có phải đợi quyết-định từ Huế gửi ra, mà quyết-định này đòi phải có thời-gian để thành hình và để chuyển-đạt !

Cồ-nhiên một thái-độ như thế chọc tức những kẻ đã quen ngang-dọc như Dupuis, nhất là sau khi đã được Senez truyền cho sự hồng-hách đối với chính-quyền Việt-Nam. Senez ra đi rồi (ngày 20 tháng 11), Dupuis bằng lòng đợi 15 ngày để chờ lệnh triều Huế, nhưng khi hạn đó đã qua mà lệnh chưa có, lại nhận thấy phía trên, các quan đã bắt đầu cấm cừ chắn sông, ông tự ý nhổ neo ngày 4 tháng 12 để ngược sông Thái Bình, rồi vì không biết đường, phải lui lại ngược sông Hồng-Hà, và ngày 23 tháng đó, lúc ba giờ rưỡi chiều đến Hà-Nội.

Ở đây hai điều nên chú-ý, là Dupuis được sự ủng-hộ hoặc trực-tiếp, hoặc gián-tiếp của Hoa-kiều, và thái độ của Dupuis trở thành tự chủ, khiêu-khích. Về điều thứ nhất người ta không nhất lấy làm lạ. Hoa-kiều gặp Dupuis, có thể nói được, như người đồng-hương gặp nhau ở xứ lạ. Dupuis là người Pháp, nhưng ông nói tiếng Tàu giỏi và lúc đó lại còn giữ một chức quan Trung-Hoa, hơn nữa ở dưới quyền Dupuis có Lý-Ngọc-Trì, một viên quan Trung-Hoa. Đàng khác, Hoa-kiều ở Hà-Nội là thương-gia, mà Dupuis là một nhà kinh-doanh lớn có thể đem lại cho họ nhiều mối lợi. Bấy nhiêu khiến cho Hoa-kiều cấu-kết với Dupuis, bày mưu lập kế cho Dupuis.

Với lực-lượng Hoa - Kiều làm hậu-thuân, Dupuis vừa đến Hà-Nội đã lên mặt chủ-nhân-ông. Không còn chỉ là vấn-đề xin phép thông thương, mà việc chính là đòi quan Tổng - đốc Nguyễn-Trần-Thường phải cung-cấp thuyền để ông chở hàng-hóa lên Vân-Nam. Để đáp lại, các quan nói rằng phải đợi lệnh của triều Huế, đồng thời cấm các thuyền bè không được chở hàng-hóa cho Dupuis. Không muốn đợi, Dupuis cũng buộc lòng phải đợi, vì bấy giờ là mùa nước cạn, tàu lớn của ông không thể lên được xa hơn. Trong lúc chờ-đợi như thế, ông lấy xà-lúp đi dò thám các nơi bắt được một số thuyền, và ngày 18 tháng 1 năm 1873, lúc bảy giờ sáng, ông lên đường đi Vân-Nam. Đoàn thuyền của ông gồm chiếc xà-lúp

và ba ghe chở khí-giới, hàng-hóa. Người thì gồm có : 9 người Âu, 30 người Tàu, Lý-Ngọc-Trì và gia nhân. Millot ở lại Hà-Nội coi sóc tàu bè.

Từ khi Dupuis rời Hà-Nội cho đến khi trở về (ngày 30-4-1873) kể có gần ba tháng rưỡi. Trong thời gian đó, Dupuis và Nguyễn-Trần-Thường, cả hai người đều hoạt-động. Phần Dupuis, ông đến Vân-Nam-Sảnh ngày 16 tháng 3, hội đàm với các vị quan cao-cấp, nhất là với Mã-Đại-Nhân. Mọi người đều thấy những nguồn lợi kếch sù hiện-hình ra trước mắt qua đường sông Hồng-Hà và qua hoạt-động của Dupuis. Ai cũng ủng hộ ông. Mã đề-nghị gửi ba ngàn quân xuống chiếm giữ đường sông cho khỏi bị nhà cầm quyền Việt-Nam ngăn-trở, nhưng Dupuis không chịu. Cuối cùng ông chỉ chọn 150 người trong đoàn quân cận-vệ của Mã đem theo về Hà-Nội với ông. Các quan chủ tỉnh Vân-Nam cũng hết lời binh-vực ông với quan Tổng - đốc Lương-Quảng. Nói tóm lại, ông đề-nghị gì với họ là họ bằng lòng nghe theo.

Và kết quả là khi ông trở về đến Lao-Kay, vào lĩnh-thổ Bắc-kỳ, ông có tám thuyền đầy quặng mỏ thuộc nhiều thứ kim-loại và nhiều thư giới thiệu với các quan Việt-Nam.

Không thể để cho Dupuis thành-công trên sự khinh-mạn chủ quyền đất nước, quan Tổng-dốc Nguyễn-Trần-Thường bắt giam chủ nhân những chiếc thuyền chở hàng-hóa

cho Dupuis. Các chủ nhân này bị khảo tấn nặng, một người đã phải chết. Những Hoa-Kiều cung-cấp vật thực hay tiếp tay cho Dupuis cách này cách khác cũng bị làm khó dễ hay bị giam. Chính quyền Hà-Nội còn viết thư cho tuần-phủ Quảng-Tây trách cứ về việc các tướng Trung-Hoa ở Bắc-Kỳ ra mặt ủng hộ công việc của Dupuis.

Vì vậy, khi Dupuis về đến Hà-Nội, hai bên không sao tránh được một cuộc va-chạm nặng-nề. Dupuis đòi quan Tổng đốc phải thả những kẻ quan đã bắt giam. Chẳng những ông ta nhận ngôi nhà Phụng-Tử-Tài giao cho — ngôi nhà này là của chính quyền Việt-Nam dành cho vị tướng Tàu ở mỗi khi ông đến Hà-Nội — mà ông ta còn thuê hai nhà khác gần đó cho binh lính Tàu ông đem từ Vân-Nam về đóng. Ông lại tự-tiện bắt giam quan Phòng thành Hà-Nội (ngày 4-5), và ngày hôm sau, ông cho đem lên đất hai khẩu đại-bác để tấn-công các quan, bắt phải thả tù-nhân. Hơn nữa, khi Nguyễn-Trần-Thường đã cho tù-nhân về, Dupuis cho dán yết-thị báo-cáo cho dân-chúng Hà-Nội biết rằng vấn-đề tù-nhân không quan-trọng đến nỗi phải dùng đến võ-lực chống lại các quan và kêu gọi mọi người yên-tĩnh làm ăn. Đàng khác hai đại bác đã đem lên đất, ông đề đó, mặc cho quan Tổng-dốc phản-đối.

Dupuis còn dự-tính đi Vân-Nam chuyển nữa, và lần này chở muối. Ai cũng biết thuế muối là một nguồn lợi lớn cho nước Việt-Nam. Vậy mà tên Pháp-thương tự thị

mua 12 thuyền muối để định chở đi Vịn vào lý-do muối không được kê-khai trong sổ hàng hóa mà quan chức Tàu xin thông thương, nhà cầm quyền Việt-Nam nhất quyết cản-trở, Nguyễn-Trần-Thường ở Hà-Nội cản-trở, Hoàng-Kế-Viem ở Sơn-Tây cản-trở và nhất là khâm-sai Nguyễn-Tri-Phương cản-trở.

Triều Huế thấy tình-trạng Bắc-Kỳ càng ngày càng rối-ren, bèn sai Nguyễn-Tri-Phương ra Bắc, với chức Khâm-sai Đại-thần. Quan Khâm-sai quyết-định làm dữ, một mặt ra lệnh cấm-đoán nhân dân hợp-tác với Dupuis, mặt khác chuẩn bị lực lượng để đối phó. Nhưng nếu quan Khâm-sai cố tình đuổi Dupuis cho kỳ được, thì Dupuis cũng cố tình chống quan Khâm-sai. Khi quan Khâm-sai, ngày 28/5 cho niêm yết lệnh cấm, lệnh có lọng che đề bày tỏ tâm quan trọng của nó, thì Dupuis đã không sợ lại cho người đi xé, rồi trống kèn kiệu qua các đường phố để chế riếu. Ngày 2/6, khi quan phòng thành mới (vì quan cũ đã bị phạt về tội không cương-quyết trong việc chống lại Dupuis) đi tuần để bắt những kẻ lo việc buôn muối cho tên thương gia Pháp thì quan đó liền bị tên này nắm được và đem xuống tàu giam. Sau cùng Dupuis cho 8 thuyền muối ngược sông Hồng-Hà đi Vân-Nam, nhưng quan Khâm-sai đã ra lệnh cho binh sĩ bắn vào các thuyền đó, nên khi đoàn thuyền muối lên phía trên Sơn-Tây, thì bị bắn mạnh và phải quay trở lại (ngày 14/6). Biến-cố này càng làm cho hai bên thêm thù giận.

Vào giữa tháng sáu, quan phòng thành được thả, nhưng các quan Việt-Nam vẫn không thôi tìm nã những kẻ nhúng tay vào vụ buôn muối. Ngày 19-6 Dupuis bèn ra lệnh cho thuộc hạ ông ra đường bắt đánh tất cả những người lính Huế muốn bắt những kẻ làm việc cho ông. Bọn đó chẳng những đánh lính Huế mà còn bắt về cho Dupuis một ông quan. Chính quyền Hà-Nội phải tha 4 tên tù viên quan này mới được trả tự do sau khi đã bị đánh! Ngày hôm sau, chính Dupuis thấy một viên quan đi vòng bên bắt đánh và xé vòng đi và ngày 22/6 ông truyền cho thuộc hạ dùng khí giới coi việc canh-sát phố-phường Hà-Nội.

Thế chưa đủ, ngày 25-6, trong một câu chuyện với ông huyện Thọ-Xương, khi ông huyện nói đến việc các quan trên yêu cầu ông đừng chiếm nhà trên đất nữa, ông đã ngạo mạn đáp:

« Các quan có lẽ phải bỏ thành mà đi hơn là tôi bỏ các ngôi nhà chúng tôi đang ở ». Như vậy chúng ta thấy được tên lái buôn Pháp đã trở thành một tay gian hùng. Theo lời của ông thuật lại, thì ngày 2-7 ông truyền thuộc-hạ ra đường gặp bất cứ ai có vẻ khiêu khích, hãy giết đi « như giết chó », và bắt giam tất cả những kẻ có dấu quan chức, hay có mang khí giới. Chính ngày đó một lý-trưởng đã bị giết. Độ trung tuần tháng Bảy việc kiểm soát Hà-Nội đã nằm hẳn trong tay Dupuis đến nỗi, ngày 13-7, khi Nguyễn-Tri-Phương nhận được một thư của Dupré gửi ra về vụ Dupuis,

nhà cầm quyền Hà-Nội cần phải mượn một người Tàu liên lạc xin Dupuis cho phép một viên quan mang thư đến. Đô-đốc Dupré yêu cầu ông rút khỏi Bắc-Kỳ, nghĩa là, theo ý ông, đô-đốc muốn thử xem chính quyền Việt-Nam hèn yếu đến chừng nào (Dupré có ý nói: nay Dupré tỏ ra không ủng hộ Dupuis nữa, đề cho Dupuis tự đương đầu lấy với Việt-Nam, và như thế nếu Việt-Nam thua, thì càng chứng tỏ rằng Việt-Nam hết sức suy nhược). Vì vậy, ngày 19-7 ông bước thêm bước nữa và lên tiếng đòi triều Huế phải bồi thường tổn thất cho ông vì đã giữ tàu bè ông lại. Số tiền ông đòi: hai trăm ngàn lượng bạc.

Sở dĩ Dupuis hống hách một cách ương gàn như thế, là vì kể từ 5-6, ông đã sai Millot chở hàng hóa lấy được từ Vân-Nam sang Hương-Cảng bán, và rồi vào Saigon để đại-diện ông thương-lượng với Dupré. Dupré ăn cần nghe thuật những chuyện Dupuis làm ở Hà-Nội, ở Vân-Nam. Chẳng những không phản đối, đô-đốc lại đồng ý về việc bắt triều Huế phải bồi thường về thiệt hại mà Dupuis đã phải chịu vì không thông thương được. Khi nghe rằng Dupuis có thể sẽ nhờ đến vốn nước ngoài để kinh-doanh, vì tư-bản Pháp không cộng-tác, Dupré không ngần-ngại ký giấy cho Dupuis vay ở *Hong-kong and Shanghai Banking Corporation* số tiền 30 000 đồng. Số tiền này, theo ý Dupré, sẽ được trả lại bởi số tiền bồi thường của triều Huế. Như thế, hỏi Dupuis

còn phải sợ gì những lời khuyến cáo của súy-phủ Sài-Gòn ?

Đi với Millot trong dịp này có Lý-Ngọc-Trì. Ông này có bốn phận phải thuyết-phục Tổng-đốc Lưỡng-Quảng trong việc ủng-hộ Dupuis. Với tất cả mánh-lời của một người chạy việc lành-nghề, Trì đã thành-công và đã mang về Hà-Nội cho Dupuis những chứng-thư cần-thiết. Trong thư gửi cho nhà cầm quyền Việt-Nam, viên Tổng-đốc Tàu có nói : « Tôi vừa viết cho các quan Vân-Nam... rằng ông Dupuis sẽ không còn gặp phải khó-khăn với quan chức của ngài nữa khi ngài đã chính-thức biết rõ sứ-mệnh của ông ta. Tôi cũng có gửi một thư cho ông Duquis biết việc đó ».

Đã quen coi chủ quyền Việt-Nam như không, hồi từ nay Dupuis còn kể ai ra gì ? Do đó không còn là một sự lạ khi thấy ông ta, ngày 24-9, bắt ông huyện Thọ-Xương nội 24 tiếng đồng-hồ phải ra thông-cáo, tuyên-bố mọi người đều được tự-do giúp việc cho ông ta, và bắt ông huyện phải chuyển tới hậu thư đó cho các quan trong thành. Ngày 1/10, nhận thấy các quan không trả lời, Dupuis đến huyện-ly, bắt ông huyện về tàu giam và phá huyện đường, đề tận-diệt dấu-vết quyền bính của triều Huế trên phố-phường Hà-Nội.

Trước những hành-động xác-xược lỗ-lăng như vậy, triều Huế càng tỏ ra túng-rối. Dùng sức lực để đuổi ư ? Triều Huế mặc dầu có nhiều người, nhưng thực-lực

không có được bao nhiêu. Mà cứ rán chịu một tên gian-mạnh làm nhục mãi ? Cũng không thể được. Còn một lối thoát nữa, nhưng là thoát vào hang cọp, đó là yêu-cầu súy-phủ Sài-Gòn can-thiệp. Như buồn ngủ gặp chiếu manh, chính quyền Pháp ở Nam-kỳ liền nhân chính cơ-hội tốt đẹp đó đề ra đánh Bắc-kỳ.

NGUYỄN-PHƯƠNG

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

Của chuột và người (Of mice and men) nguyên tác của John Steinbeck, bản dịch của Hoàng-Ngọc-Khôi và Nguyễn-Phúc Bửu-Tập, do Giao-Điểm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 14 trang, giá 44 đ.

— **Với Thượng-đế** tập thơ Thanh-Thanh do Xây-Dựng xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 70 trang, gồm 19 bài thơ. Giá 50 đ.

— **Chân dung** tập thơ của Cẩm-Hùng, do Vũ Trụ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang, gồm 27 bài thơ. Giá 40 đ.

— **Tiếng hát Việt-Nam** thơ của Chu - Vương - Miện do Khuôn Mặt Thời Gian xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in Ronéo dày 10 trang, gồm 19 bài thơ không đề giá bán.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.

Siège social : 16 Bd des Italiens-Paris 9^e

SAIGON

36 Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 24.902 — 3 Lignes

135 Đại-lộ Nguyễn-Huệ
(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. No E-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom

(ex Dondart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F. A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la union, à Djibouti, à Addis-Abeba : Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagoos : Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bale (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Vấn đề

số 1 của thời đại

● NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Sự tấn bộ về kỹ thuật còn một hậu quả quan trọng này nữa mà ông Fourastié cũng như mọi nhà kinh tế học khác đã nhận thấy là nó làm cho sự tranh đấu giữa các giai cấp giảm đi tại những quốc gia tiên tiến. Trong đoạn kết cuốn «La civilisation de 1975» ông viết «Giải cấp thợ thuyền» sau một cuộc phát triển lâu dài, bắt đầu suy rồi ; tình trạng vô sản phát sinh trong thời đại quá độ (1) sẽ biến mất cùng với thời đại đó ».

Như chúng ta đã biết tại Huê-Kỳ, Pháp, Anh, mức sống của giới lao động xưa kia rất thấp rồi lần lần cao lên và hiện nay sự cách biệt giữa họ và giai cấp chủ nhân không còn bao nhiêu (một số thợ thuyền cũng có máy thu thanh, máy viển thị như chủ, cũng lái xe hơi đi nghỉ mát cuối tuần như chủ) ; chỉ trong một vài thế hệ nữa, họ sẽ được sung sướng y như giai cấp trên vì tư

sản mỗi ngày một mất giá mà sức lao động mỗi ngày một tăng giá, một bên lợi tức sụt dần, một bên mãi lực cao lên, thế nào cũng tới lúc mức sống của hai bên ngang nhau lối sống của hai bên như nhau Raymond Aron trong cuốn L'Opium des intellectuels (Calman Lévy-1955) bảo hiện nay ở Thụy-Điển đã mất quan niệm về giai cấp rồi.

— Bớt sự cách biệt thì bớt sự tranh đấu, cho nên ta thấy một nước kỹ thuật càng tiến bộ bao nhiêu, mức sống của dân chúng càng cao bao nhiêu, thì sự tranh đấu của giai cấp lao động càng giảm đi bấy nhiêu mà thế lực của đảng Cộng-Sản cũng càng yếu đi bấy nhiêu. Ở Huê-Kỳ đảng đó yếu hơn ở Anh, ở Anh yếu hơn ở Pháp,

(1) Tức thời-dại kỹ-nghệ, thời-dại hiện tại bắc cầu cho hai nền văn minh sơ đẳng và tam đẳng.

ở Pháp yếu hơn ở Ý. Ở những nước đó, thợ thuyền đã hóa ra bourgeois ; họ thấy họ sướng hơn thợ thuyền Á, Phi nhiều quá, nếu vì tinh thần giai cấp mà đoàn kết với thợ thuyền Á, Phi, thì họ chỉ thiệt chứ không lợi, cho nên đảng Lao động Anh mới ủng hộ chính sách đế quốc của chính phủ Anh để giữ Mã Lai (miền rất phong phú về thiếc, cao su), còn thợ thuyền Pháp có phản đối gì quyết liệt trong vụ đế quốc Pháp muốn tái chiếm Việt-Nam năm 1946 đâu : đảng Cộng Sản Pháp thời đó chỉ lên tiếng cho khỏi thẹn với lương tâm, còn đảng Xã hội mà Léon Blum, Marius Moutet, cầm đầu thì chủ trương đánh mạnh, y hệt chính sách của thực dân De Gaulle.

Chúng tôi không biết rõ tình hình ở Nga ra sao, nhưng cứ theo tin tức trên báo chí của Pháp, Huê Kỳ, thì thợ thuyền Nga đương đòi một mức sống cao hơn nữa (hiện nay mức sống đó vào hạng trung bình, thua Pháp nhưng hơn Ý), cao bằng Anh, Huê Kỳ kia vì họ đã ngán phải hy sinh liên tiếp trong nửa thế kỷ nay rồi. Xưa họ hy sinh được vì họ còn nghèo, còn yếu, còn lo chống cự với các nước tư bản, chống với Đức hồi thế chiến, chống với Huê-Kỳ hồi sau thế chiến để khỏi bị đè bẹp ; ngày nay họ đã mạnh, biết rằng Huê-Kỳ không thể thắng họ được nữa thì họ cũng muốn được hưởng thụ như dân chúng Huê-Kỳ ; cho nên nhà cầm quyền của họ phải thay đổi chính sách, đưa vấn đề cải thiện mức sống lên hàng đầu, cởi mở cho dân chúng được tự do

hơn một chút, xích lại gần khối tư bản hơn một chút.

Rồi đây hai ba chục năm nữa, thợ thuyền Nga sẽ sung sướng, sẽ bourgeois như thợ thuyền Anh, Pháp. (1) chưa biết chừng họ sẽ bỏ rơi đàn em Á-Phi, như Đảng Lao Động Anh đã bỏ rơi, Mã-Lai Đảng Xã Hội, Pháp đã bỏ rơi Việt-Nam. Nhân tình như vậy. Cùng là anh em ruột thịt với nhau mà những kẻ giàu thân với nhau, những kẻ nghèo đoàn kết với nhau, nói chi là các dân tộc khác nhau về chủng tộc, ngôn ngữ, văn hoá .. Là vì người giàu có lối sống, lối suy nghĩ, lối cảm xúc cách hành động cách xử sự của người giàu, họ có một nhân sinh quan, một triết lý riêng ; mà người nghèo cũng vậy, cho nên giàu nghèo ít khi thân với nhau được. Một anh bần cố nông hôm trước hôm sau nhảy lên ghế chủ tịch làng, tuy vẫn là nghèo nhưng đã có những quyền lợi riêng thì lối sống, lối suy nghĩ của anh cũng đã khác hẳn : anh cũng muốn có cây viết máy, chiếc đồng hồ đeo tay, đã muốn có cái ngôn ngữ của kẻ cả, lại muốn kiếm một cô vợ con ông Chánh ông Bá hay con một thầy Ký, thầy Thông nữa. Anh chưa bỏ hẳn giai cấp của anh, nhưng anh đã muốn ngồi khai chiều với họ. Cho nên Trung-Cộng rất uất ức về chính sách « Chung

(1) Năm 1960, trong một hội nghị ở Bucarest, một đại diện của Trung-Cộng là P'eng Chen đã bảo Kroutehev chỉ là một tên «Bourgeois bé con không theo chủ nghĩa Lê-Nin » (Edgar Snow The Other side of the river. Random House New York-1962).

sống hòa bình của Nga, đang tìm cách liên kết các quốc gia Cộng-Sản nghèo để chỉ huy khối này mà chống lại khối Cộng-Sản tương đối giàu là Nga và vài nước khác ở Trung Âu. Ta có thể tin rằng địa vị lãnh đạo của Nga sau này sẽ chuyển qua Trung-Cộng và lúc đó Trung-Cộng sẽ là kẻ thù của cả Huê-Kỳ lẫn Nga-Sô. Sự nứt rạn trong khối Cộng do tình trạng giàu và nghèo, do lẽ Nga đã có mức sống gần bằng Tây-Âu mà Trung-Cộng thì vẫn còn là một nước kém phát triển. Theo tôi nguyên nhân chính là ở đó. Mà theo Edgra Snow (sách đã dẫn) thì một sử gia Nga cũng nhận như vậy: « Chúng tôi, tức Nga có một mức sống cao hơn họ (tức Trung-Cộng) dân tộc chúng tôi có nhiều nhu cầu phải thỏa mãn hơn và ngày nay nhà cầm quyền của chúng tôi không thể bắt dân chúng hy sinh nhiều như dân chúng Trung-Hoa được nữa. Phải cho họ xả hơi một chút. Nhà cầm quyền Trung-Hoa không hiểu điều đó».

Vậy sự tấn bộ về kỹ thuật một mặt làm cho sự tranh đấu giữa các giai cấp giảm đi ở các nước tiền tiến thì một mặt lại tạo ra sự mâu thuẫn giữa các quốc gia phát triển và các quốc gia kém phát triển, giữa các quốc gia giàu và các quốc gia nghèo. Hội-nghị Bandung là sự biểu lộ của mâu thuẫn đó.

Ông Fourastié đã viết phần đầu cuốn *Histoire de demain* để bàn qua về tình hình các quốc gia mà ông gọi là « thiếu phát triển » (*pays insuffisamment développés*) hoặc « khổ cực » (*pays de la misère*)

Nhiều tác giả khác cũng đã nghiên cứu vấn đề kém phát triển như Yves Lacoste trong cuốn *Les pays sous-développés* (P.U.F.), Alfred Sauvy trong cuốn *De Malthus à Mao-Tse-Toung*, De Noél, P. Moussa trong cuốn *Les nations prolétaires* (P.U.F.) Riêng nhà Gallimard ở Pháp đã cho ra hai loại sách: *Travail humain* và *Tiers Monde* chỉ để nghiên cứu vấn đề số 1 đó, vấn đề bi đát nhất của thời đại chúng ta đó, vấn đề các xứ nghèo, các xứ kém phát triển.

Hai khối lớn tranh giành nhau ảnh hưởng chính là ở trên lãnh thổ các xứ kém phát triển, mầm chiến tranh lạnh hay nóng phát sinh cũng là ở trên lãnh thổ cái xứ đó, tương lai nhân loại ra sao phần lớn cũng tùy tình trạng các xứ đó, những xứ mà nhân số chiếm trên hai phần ba dân số thế giới (1) mà lợi tức chỉ chiếm 18% tổng số lợi tức trên thế giới, những xứ trong số đó phải kể nước Việt-Nam của chúng ta.

Vì vấn đề mới đặt ra từ hai chục năm nay nên danh từ chưa thống nhất: có người gọi là *pays insuffisamment développés* (xứ thiếu phát triển), có người lại gọi là *pays en voie de développement* (xứ đang phát triển) hoặc *pays prolétariat* (xứ vô sản) hoặc *pays arriérés* (xứ lạc hậu).

... Từ đây trở đi, chúng tôi dùng danh từ thông dụng nhất: xứ kém phát triển: *pays sous développés*.

(1) Năm 1955, thế giới có hai tỉ rưỡi người thì các nước nghèo chiếm tới một tỉ sáu trăm triệu người.

THẾ NÀO LÀ MỘT XỨ KÉM PHÁT TRIỂN

Tiêu chuẩn của một xứ kém Phát triển ? (1)

— Về câu hỏi đó, ý kiến còn phân vân. Có người cho những xứ kém phát triển là những xứ trẻ trung. Có người lại cho những xứ kém phát triển là những xứ mà tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác hết nếu có người lấy tình trạng dân cư thừa thớt làm tiêu chuẩn thì ngược lại cũng có người lấy tình trạng nhân mãn làm tiêu chuẩn t ý kiến nào cũng không hoàn toàn trúng. Ông Alfred Sauvy đã đưa ra 10 tiêu chuẩn, Ông Yves Lacoste muốn đầy đủ hơn đưa ra 14 tiêu chuẩn, nhưng trong số đó cũng có nhiều tiêu chuẩn không thực quan trọng và định nghĩa thế nào cũng vẫn chưa đầy đủ.

— Nếu chỉ chú trọng về phương diện kinh tế thì những điểm sau đây có thể coi là những tiêu chuẩn chính của một xứ kém phát triển :

— Sự sản xuất còn ở giai đoạn sơ cấp mà năng xuất lại thấp.

— Kỹ-thuật chưa tấn bộ, kỹ nghệ chưa phát triển mà tài nguyên thiên nhiên nhiều nơi chưa dùng tới ;

— Cũng vì sản xuất kém nên dân chúng các xứ kém phát triển đa số là thiếu ăn.

— Vì thiếu ăn nên thiếu học.

— Nhân số tăng gia rất mau (gây khó khăn cho việc nâng cao mức sống).

*.

Các nhà kinh tế học không đồng ý với nhau khi định những tiêu chuẩn của một xứ kém phát triển, nhưng đều nhận được dễ dàng một xứ nào là kém phát triển.

Họ cho rằng hết cả Châu Á (trừ Nhật-Bản, Do-Thái), hết cả Châu Phi (trừ Nam Phi) hết cả Nam Mỹ (trừ Vénézucla, Argentine) là những xứ kém phát triển.

Nhật - Bản, Do - Thái, Nam - Phi, Vénézucla, Argentine và vài nước ở Âu như Hi-Lạp, Ý, Bồ-Đào-Nha, Y-Pha-Nho là những xứ đang phát triển (1)

Còn những xứ đã phát triển thì phải kể Huê-Kỳ, Gia-Nã-Đại, Anh, Úc, Pháp, Đức ... nghĩa là đa số các nước ở Bắc-Mỹ và Tây-Âu.

*.

Nguyên nhân sự kém phát triển

Về nguyên nhân sự kém phát triển thì vẫn chưa ai tìm ra được.

— Nhìn bản đồ thế giới, người ta thấy tất cả những xứ đã phát triển mạnh đều ở miền ôn đới và có người

(1) L.T.S. Phần này đã được tòa soạn rút gọn sau khi có sự đồng ý của tác giả.

(2) Cũng có tác giả gọi những xứ này là kém phát triển và như vậy họ chỉ phân biệt ra hai hạng : kém phát triển và phát triển, hạng trên chiếm từ 80 đến 82% tổng số dân số thế giới.

đưa ra giả thuyết này : miền đó khí hậu thích hợp với sự làm việc, kích thích tinh thần và thể chất con người làm cho con người ưa hoạt động, mạo hiểm, có sáng kiến ; lại thêm đất đai cũng phì nhiêu, cây cối tươi tốt, vì vậy mà Anh, Pháp, Huê-Kỳ đã phát triển mau hơn những miền khác.

Nhưng nào phải chỉ Anh, Pháp Huê-Kỳ là ở miền ôn đới ; Trung-Hoa cũng ở miền ôn đới, đã có một thời văn minh, rồi sao ngừng lại, không tiến nữa và bây giờ thành một xứ kém phát triển. Và lại chính Bắc Mỹ cũng ở miền ôn đới mà sao phải đợi đến khi người Âu di cư qua rồi mới được khai thác mà tiến mau như ngày nay. Hơn nữa, Ý, Y-Phe-Nho, Bồ-Đào-Nha ở sát với Pháp mà sao không phát triển được như Pháp ?

— Có người cho rằng các nước tiến tiến thuộc về giống da trắng còn cái nước chậm tiến (trừ Nhật) thuộc về các giống da vàng, da đen.

Nhưng các nhà nhân loại học, di truyền học, nhân chủng học, xã hội học trong Tổ chức Văn Hóa của Liên Hiệp Quốc đã nghiên cứu vấn đề chủng tộc và năm 1951 đã công bố một bản tuyên ngôn đại ý như sau :

- không có gì chứng thực được rằng giống người này bẩm sinh có nhiều khả năng tinh thần hơn giống người khác,

- cùng trong một chủng tộc, có những sự tương dị quan trọng hơn những sự tương dị giữa chủng tộc này và chủng tộc khác,

- những biến đổi quan trọng đều có tính cách xã hội mà không di đôi với những biến đổi có tính cách chủng tộc ; nghĩa là một trẻ em da đen hay vàng mà được sinh trưởng đào tạo trong một xã hội da trắng thì cũng sẽ phát triển về tinh thần, thể chất y như một trẻ em da trắng.

Tóm lại, chỉ những kẻ có thành kiến mới tin rằng bạch chủng hơn hoàng chủng hay hắc chủng. Và lại, bạch chủng gồm nhiều dân tộc mà sao chỉ có Anh, Pháp, Đức là tiến sớm hơn cả ?

Một số người nữa đưa ra nguyên nhân tôn giáo : dân tộc nào thờ những tôn giáo (hoặc trọng những triết lý) tin ở mạng trời thì thường có tinh thần an phận, không cầu tiến nên không phát triển được, còn dân tộc nào theo đạo Tin Lành (Anh Mỹ) thường có tinh thần phấn đấu nên tiến mạnh hơn cả (1)

Nhưng đạo Hồi-Hồi cũng dạy tín đồ phải chiến đấu về cả hai phương diện về vật chất lẫn tinh thần mà sao các dân tộc theo đạo đó ngày nay cũng đều là dân tộc kém phát triển ? Đặt ngược lại vấn đề thì có phần đúng hơn : khi một dân tộc ngừng phát triển, bắt đầu suy rồi thì mới có tinh thần tiêu cực và mới tin ở thiên mạng mà không chiến đấu nữa. Đương lúc quốc gia phát triển mạnh thì dù Thánh Kinh có dạy người ta an bản lạc đạo nên lo phần hồn hơn phần xác, người ta cũng nghĩ rằng lời đó là để dạy các nhà tu hành xuất thế, còn

(1) Nhà cách mạng Phan-Bội-Châu tin thuyết này nên trong cuốn Thiên hồ Đế hồ đề cao đạo Tin Lành.

hạng tín đồ xử thế thì vẫn nên làm giàu, miễn là đừng gian trá, đừng bóc lột kẻ khác, vì có giàu thì mới có thể cất chùa chiền, giáo đường, giúp cho tôn giáo phát triển được. Cho nên ta thấy hiện trạng có vẻ như ngược đời này: tôn giáo mặt sát sự làm giàu mà những tín đồ giàu có bao giờ cũng được nể. Là vì không có một tổ chức nào trên thế giới mà không cần tiền, những tổ chức từ thiện, giáo hoá như các tôn giáo lại càng cần nhiều tiền hơn cả, bao nhiêu cũng không đủ.

— Giả thuyết sau đây có phần vững hơn: những xứ phát triển mạnh là những xứ có giai cấp Trung lưu đông đảo, mạo hiểm, giỏi kinh doanh, như giai cấp bourgeois ở Pháp, Anh. Ta thấy Alfred Sauvy và Yves Lacoste đều chủ trương như vậy, nên đều cho sự thiếu giai cấp trung lưu đó là một tiêu chuẩn của hiện trạng kém phát triển.

Quả thật cuộc cách mạng kỹ nghệ của Anh, Pháp là công lao của giai cấp bourgeois: họ có học, có sáng kiến, có chí phấn đấu, ham làm giàu, chịu mạo hiểm bỏ vốn ra lập những xí nghiệp để áp dụng những phát minh của khoa học vào công việc sản xuất. Nước nào cũng có những hạng người như vậy, nhưng ở Trung-Hoa, Việt-Nam thời xưa, hạng người đó không được trọng, hoặc chưa gây được nhiều ảnh hưởng uy lực để được tôn trọng, mà những giai cấp cốt cán của xã hội chỉ gồm sĩ và nông. Nhưng tại sao ở Anh, Pháp giai cấp đó mới đông? Ở Ý, Bồ-Đào-Nha, Hòa-Lan, Tây-Ban-Nha trước hồi cách mạng kỹ nghệ, giai cấp đó cũng đã tiến, tại sao sau lại ngừng?

Vấn đề thực phức tạp. Có lẽ ta nên tạm nhận rằng sự phát triển của Anh trong thế kỷ trước sở dĩ tiến mau được là nhờ nhiều cơ hội thuận tiện xuất hiện cùng một lúc: họ có một giai cấp bourgeois đông đảo và nhiều sáng kiến, họ lại gặp lúc khoa học đã đủ tấn bộ để biến đổi hẳn kỹ thuật sản xuất, mà họ lại may mắn hơn Pháp, tìm ngay trong xứ được những mỏ than để khai thác (Pháp lúc đó chưa tìm được những mỏ than ở phương Bắc, phải khai khác những mỏ nghèo ở miền Massif central), họ lại có nhiều thương thuyền, nhiều vốn liếng mà tình hình chính trị sau cuộc cách mạng 1688 lại được ổn định hơn Pháp... Nhờ vậy, Anh tiến trước rồi tới Pháp, Đức. Huê-Kỳ lúc mới lập quốc, hầu hết cũng là người Anh, Pháp, Đức di cư qua cả.

..

Nỗi khó khăn của cái xứ kém phát triển.

Tóm lại, dù chưa tìm được nguyên nhân hiện trạng kém phát triển, chúng ta cũng có thể rút ra được kết luận dưới đây.

Một dân tộc muốn phát triển, cần:

- Có tinh thần tiến thủ, tin ở sức mình chứ không tin ở thiên mạng,
- Có óc sáng kiến, mạo hiểm.
- Có tinh thần khoa học, áp dụng được những kỹ thuật mới,
- Có vốn để kinh doanh.
- Sống trong một xã hội ổn định về chính trị.

NGUYỄN HIẾN-LÊ

trích trong cuốn "Thế giới trong tương lai, Việt-Nam hiện đại"

với

LÊ-VĂN-SIÊU

(xem tiếp B.K. số 190)



Lê-Văn-Siêu tại Tây-Đức :

Anh được đi Tây-Âu hai lần, trong năm 1959, một lần với tư cách nhà báo, được chánh phủ Tây-Đức mời thăm, nhân chiến dịch Bá-Linh (Opération de Berlin) chiến dịch này có mục đích nói lên cho thế giới rõ cái ý chí muốn thống nhất của người Đức) một lần với tư cách nhà văn trong hội Bút-Việt cùng với chủ tịch là Đỗ-Đức-Thu, đi dự hội nghị Văn-

Bút quốc tế kì thứ 30 tại Francofort (Tây Đức).

Tôi chất vấn nhà báo trước :

— Anh có qua thăm Đông Bá-Linh chớ !

— Có, gần suốt một buổi sáng.

— Căm tưởng anh ?

— Buồn buồn. Thành phố ít xe cộ, ít người qua lại. Chỉ thấy những ông già bà cả. Ở đó, cái gì cũng công cộng cả, không có những cửa hàng tạp hóa hay quán ăn, giải khát như bên Tây-Đức, có lẽ vì thế mà thành phố kém phần hoạt động ở ngoài đường.

— Anh thấy người dân Đức như thế nào ?

— Tôi thấy người Đức họ quân bình hơn người Anh, người Pháp, người Ý mà tôi có dịp tiếp xúc

sau họ. Họ dung hòa được kĩ thuật tối tân với đời sống tâm tình phong phú của họ. Họ không là nô lệ, mà là chủ nhân ông của máy móc. Họ lại rất tế nhị trong cuộc giao tế. Như chương trình vạch sẵn là thế, song nếu ta tỏ ý muốn thay đổi đôi chỗ, thì họ cũng chiều ta, mặc dầu sẽ gây phiền phức cho họ. Như họ đến đón ta đi viếng một nơi nào đó, ta lỡ cạo râu chưa xong hay thay đồ chưa rồi, thì họ vui vẻ đợi năm, ba phút, không như người Anh, người Mĩ, ta mà trễ một đôi phút thì họ bực bội ra mặt, làm ta có cảm tưởng họ sống theo kim đồng hồ và một phút đi là đời họ mất đi một phần hạnh phúc.

« Cảm tưởng chung của người Đức là họ làm ra làm, chơi ra chơi, không trộn lẫn hai thứ. Và ý nghĩa đời họ là làm việc và thưởng thức Nghệ thuật, không như người Pháp : sống là hưởng thụ.

— Phần anh trong chuyến đi này có cái gì làm anh thích thú nhất ?

— Phần tôi trước có nghiên cứu và viết sách về hợp lí hóa, nay được nhìn tận mắt sự thực hiện của nó trong các nhà máy tối tân : tôi lấy làm thích thú lắm »

Tôi hỏi qua nhà văn :

— Trong chuyến đi dự hội nghị Văn-Bút quốc tế năm ấy có gì sôi nổi không ?

— Có một vấn đề đã gây nhiều sóng gió, là vấn đề thâu hồi hay

không trung tâm Hung. Hội nghị chia làm hai phe, phe tán thành, phe phản đối.

« Bên ngoài hội nghị, người ta phát diễn văn của ủy ban vận động giải phóng Tibor Déry (văn sĩ Hung bị chánh phủ Hung giam cầm) từ Paris gửi đến cho hội nghị, còn bên trong hội nghị thì cuộc thảo luận hết sức gay go.

« Ông André Chamson, chủ tịch : cực lực bình vực lập trường của phe ủng hộ : ủy ban có nhiệm vụ xem xét sự tổ chức hiện tại của trung tâm Hung, thấy nó hợp thức, còn phương diện tư tưởng của các nhà văn Hung là thuộc quyền tự do phát biểu tư tưởng của họ. Qui chế Văn-Bút quốc tế (P.E.N. international) vẫn nhìn nhận điểm này ; cũng cần phải có mặt nhau để lời nói đến được tai nhau, nếu vì một chút thất trực mà gạt người ta ra ngoài, gạt mãi, thì rồi còn nói cho ai nghe ? Ngay ở các tổ chức quốc tế, người ta cũng còn đề cho tiếng nói của người Cộng-Sản được hiểu rõ

ĐỊA LÝ

THẾ GIỚI SỬ (câu hỏi)

lớp ĐỆ-NHẤT

của giáo-sư Trịnh-Chuyết

vừa tái bản, đã phát hành khắp nơi.
Mua ở bầy nhà Sống-Mới hay
480/48, Nguyễn-Tri-Phương —
Chợ lớn.

lại ; và lại lúc này cần thắt chặt thâm tình giữa mọi người trên thế giới mà các ý thức hệ đã chia rẽ, và cần bắt đầu từ những con người cầm bút trước hết. »

« Ngược lại, văn sĩ lưu vong Paul Tabori và phái đoàn Áo thi cho rằng những người bàn tay còn dính máu vì vừa sát hại văn hữu của mình, thì không thể được ngồi chung với anh em văn hữu khác ; họ chưa hề can thiệp với chính phủ của họ để xin cho những nhà văn bị cầm tù.

« Cuộc bàn cãi kéo dài, sau phải đầu phiếu xem nên tiếp tục hay chấm dứt. Đa số bỏ thăm chấm dứt. Rồi đầu phiếu để biết nên hay không nên thu hồi trung tâm Hung. Đa số bỏ thăm nên ».

— Tôi còn nhớ đề tài được đem ra mổ xẻ ở hội nghị là : « Sự sáng tác Văn chương ở thời đại Khoa học », có ý kiến nào hay không anh ?

— Tôi có ghi lại những ý kiến chính của mấy nhà văn, đây anh xem.

Tôi đọc :

Paul Tabori (văn sĩ lưu vong) : « Là tác giả, chúng ta phải tự tôn lên vì loài người đã hạ giá chúng ta xuống. Anh em chúng ta ở khắp nơi đã lấy chính cuộc sống của mình để trả giá cho tự do. Tất cả những tưởng tượng cho loài người thiếu hạnh phúc đều phải kể là không hợp với thời đại »

Leon Edel (Mĩ) : « Sách vở lúc nào cũng bị đốt, trong hết thảy các thời

đại, và trước khi các tỉnh thành bị đốt phá thì văn sĩ bị đốt trước cùng với tác phẩm của họ.

— Khoa học là một tên đồng minh kì quặc và kinh sợ của chúng ta. Nó tấu nhạc mà không soạn nhạc. Sức tưởng tượng của con người tạo ra Văn chương và Khoa học. Khoa học không thể tạo ra tưởng tượng ».

Rudolf Hagelstange (Đức) : « Một liều dưỡng khí rất cần thiết cho loài người hiện thời là tự do phát biểu tư tưởng. Đó là cái luân lí mới nó thay đổi không khí nhân loại đương đắm mình vào ».

Alberto Moravia (Ý) : « Trước sự tiến triển của khoa học thực tiễn, thì Văn chương sẽ ra sao ? Một cái bóng điện mà sợi dây chói sáng nhờ hai luồng điện ở ngoài dẫn tới ».

..

Hoàng hôn lên dần. Chúng tôi xách ghế ra ngồi trước sân, ngắm mấy đợt cau còn lưu luyến nắng chiều. Hà-Nội xa xôi được chúng tôi nhắc đến. Tôi chợt nhớ đến nhà tổng phát hành Phương-Đông, hoạt động trước ngày toàn quốc kháng chiến vài tháng.

— Tôi lúc ấy có ở Hà-Nội, một anh bạn văn người Nam có dẫn tôi đến thăm các anh. Dường như anh làm quản lí cho tổ chức phát hành này.

— Đúng vậy. Anh em thấy tôi có óc tổ chức nên giao tôi đảm nhiệm vai trò này.

— Có phải trụ sở là một biệt thự có sân khá rộng ở đường Quan-Thánh không, anh?

— Anh nhớ đúng đấy. Phương-Đông của chúng tôi ở trên nhà xuất bản Đời-Nay không mấy xa. Cái gì khiến anh nhớ lại nhà tổng phát hành này?

— Vì nó dính lứu đến nhóm Hàn-Thuyên và đến anh. Tôi còn giữ một kỉ niệm tốt sau cuộc viếng thăm thân hữu nói trên. Tôi nhớ những kho sách đầy, việc làm có qui củ và nhất là sự cởi mở của anh em. Chắc các anh làm nhà tổng phát hành Phương-Đông này là để đối phó với hội Văn-hóa cứu quốc?

— Nói đối phó thì quá đáng. Đề tìm một lối thoát... cho sách ứ đọng thì đúng hơn. Hẳn anh còn nhớ đoàn ca vũ nhạc kịch của anh Võ-Đức-Diên và Thế-Lữ « Nam-tiến » tới Qui-Nhơn rồi trở về. Sách báo lúc bấy giờ cũng đi tới đó, mà rất khó khăn. Vì sự giao thông khó khăn mà cũng vì mặt trận Văn hóa cứu quốc muốn chiếm độc quyền cho sách của mình. Các nhà xuất bản đứng riêng rẽ thì sẽ bị « gãy » lụn như từng chiếc đũa rời. Hợp lại là một sức mạnh đáng kể. Nhóm Hàn-Thuyên chúng tôi đứng ra đảm nhiệm việc kết hợp các nhà xuất bản lại; các nhà xuất bản lớn như Hàn-Thuyên, Đời-Nay, Tân-Việt, Đời-Mới, Thời-Đại, Công-Lực... đều sốt sắng hưởng ứng. Nhờ việc tổ chức khoa học và chu đáo, sách đến tay người

đọc ở các tỉnh mau chóng và đầy đủ hơn trước. Kết quả rất khả quan. Các nhà xuất bản giao sách cho Phương-Đông đều hài lòng. Cơ sở phát hành có cơ thịnh vượng. Chính hội Văn hóa cứu quốc cũng ngó ý nhờ chúng tôi phát hành giùm sách của họ. Nhưng rồi ngày 19 tháng 12 đến. Đạn, lửa ngập Hà-Nội. Một năm sau, tôi hồi cư. Không còn gì cả.

..

Tôi ngần ngại hồi lâu mới nhờ anh cho biết những điều về nhóm Hàn-Thuyên, nhóm mà tác phẩm đã ảnh hưởng một phần thế hệ thanh niên 1940-45, nhóm mà mới đây, chịu một dư luận không hay : nó là *con đẻ của tên trùm mật thám Pháp Cousscau*, tức là một công cụ trong tay thực dân ở nước ta khi « nước mẹ » bị Đức chiếm đóng. Chỉ mới có một tiếng chuông.

Dư luận, ác độc kia, anh cũng được biết. Anh không lên tiếng vì nhận thấy nó chỉ có thể bắt nguồn ở hai nơi cần phải xét lại : hoặc từ Nguyễn-Đức-Quỳnh, người trong nhóm, hiện ở đây, nhưng thực ra anh Quỳnh không có dự gì vào việc chỉ đạo toàn diện cơ sở mà biết thực rõ cách tổ chức, điều hành cơ quan xuất bản sách, báo Hàn-Thuyên, haặc từ một bài của Đỗ-Phồn, cũng ở trong nhóm, nhưng một bài viết thuộc loại thú tội của một kẻ đầu hàng, lại đương nằm trong hỏa ngục Đỏ, thì bài ấy có giá trị gì?

Vậy, anh trả lời tôi là đề iảm vui lòng một người bạn muốn tìm biết sự thật về một nhóm nhà văn từng đóng một vai trò nào đó trong lịch sử văn học và tư tưởng nước nhà, ở một giai đoạn đặc biệt, chớ không phải đề « phân bua » với dư luận không chính đáng trên kia.

Cơ sở Hàn-Thuyên không phải dựng lên do sự góp vốn của anh em trong nhóm, còn cho rằng Cous-seau cấp giấy báo và tiền đề thành lập Hàn-Thuyên, là một điều vu cáo.

Cơ sở này vốn là của riêng của anh vợ Trương-Tửu là Nguyễn-Xuân-Tái, do chính ông nhạc Trương-Tửu cấp vốn. Mục đích chính và thiên cặn của ông là để cho trường nam mình có công việc làm ăn, nghĩa là mục đích của cơ sở Hàn-Thuyên hoàn toàn thương mại. Người đã khéo léo lái và lợi dụng được cơ sở vào việc phục vụ Chính trị và Văn hóa, chính là con rề trong nhà, là Trương-Tửu.

Khi mới thành lập, năm 1939 chưa có Nguyễn-Đức-Quỳnh. Khởi đầu cũng gian nan lắm. Nguyễn-Xuân-Tái mua lắm chữ ăn cắp của nhà in Rạng-Đông mà bị bắt giam. Lúc đầu, chỉ in đồ lật vặt (travaux de ville) cùng in mượn cho người ta. Sau nửa năm, công việc không đủ để sống, Trương-Tửu mới bày ra việc xuất bản, và bấy giờ mới khởi sự in những sách của anh em quen biết, như *Chiếc lư đồng mắt cua* của Nguyễn-

Tuân, *Một chuỗi cười* của Đỗ-Phồn, *Ngổ hēm* của Nguyễn-Đình-Lập, *Một sức khỏe mới* của Phạm-Ngọc-Khuê, *Thanh niên và thực nghiệp* của Lê-văn-Siêu, *Thằng cu so* của Nguyễn-Đức-Quỳnh.

Như thế kéo dài cho đến năm 1941 vẫn chưa thành nhóm, mà chỉ là một nhà xuất bản, in sách của anh em thôi. Khi chế độ kiểm duyệt chỉ nói rộng ra với báo chí, (nghĩa là kiểm duyệt nhanh và đều hơn) thì Hàn-Thuyên xin ra báo Văn-Mới, xuất bản mỗi tháng hai kì, và bấy giờ mới thành nhóm, với những sách xuất bản theo một định hướng rõ rệt, và dưới hình thức báo.

Thấy nhóm Hàn-Thuyên có ảnh hưởng khá lớn trong giới trí thức và giới thanh niên, vài đảng chánh trị hoạt động bí mật lúc ấy mới tuyên truyền bí mật để cho rằng nhóm Hàn-Thuyên là phần hoạt động công khai của đảng mình. Cho thêm phần uy tín !

Thật ra, nhóm Hàn-Thuyên chỉ viết sách phổ biến những tư tưởng mà nhóm cho rằng cấp tiến nhất thời ấy, chớ không phải là một tổ chức chánh trị đảng phái hoạt động công khai. Một nhận xét : Hàn-Thuyên mà là cơ quan của Đệ-Tứ ; thì tất cả người trong nhóm đã bị Đệ-Tam làm cỏ cả, khi họ nắm được chánh quyền ; có đâu đến nay, người chủ chốt của nhóm — Trương-Tửu — vẫn còn được sống trong gian san của họ.

Trong nhóm, không hề có *Lương Đức - Thiệp*, *Nguyễn - Tế - Mỹ* (hai anh này bị *Đệ - Tam* sát hại) là những chiến sĩ công tác quần chúng và vận động chính trị. Họ chỉ viết khi nào cần, và chỉ coi *Hàn - Thuyên* như một cơ quan bạn để lợi dụng công tác công khai ấy mà gây uy tín ở vòng bí mật.

Cũng lại không có *Hồ - Hữu - Trường*, vì họ *Hồ* chỉ đến tháng 6 năm 1945 mới ra Bắc, thì tình hình chính trị cũng đã bắt đầu dồn *Hàn - Thuyên* vào thế khó khăn rồi. Lúc ấy, họ *Hồ* cộng tác với cả các nhóm, không riêng gì nhóm *Hàn - Thuyên*, và sách họ *Hồ* xuất bản ở *Hàn - Thuyên* cũng như ở *Tân - Việt*, ở *Minh - Đức*.

Càng không có *Đặng - Thái - Mai* nữa, *Mai* là người chỉ cho in mỗi một quyển « Văn học khái luận » khi *Đệ - Tam* chưa có cơ sở xuất bản công khai. Đến khi họ có thì ông ta không viết gì cho *Hàn - Thuyên* nữa. Và hồi lộn xộn sau cùng, ông ta đã phải đi trốn với *Võ - Nguyên - Giáp*, sợ *Nhật* hay *Pháp* bắt.

Nguyễn - Đức - Quỳnh không hề bao giờ là người lãnh đạo nhóm *Hàn - Thuyên*. *Quỳnh* ở *Sầm - Sơn* dạy học, viết sách gởi về in, thỉnh thoảng về *Hà - Nội* thảo luận đường lối, chương trình. Hoặc có cần đến giao thiệp với *Cousseau* — giám đốc sở Thông tin, Báo chí và Tuyên truyền (Information, Presse et Propagande, viết tắt : I.P.P) thì anh em điện ra *Sầm - Sơn* gọi, vì *Quỳnh* với *Cous-*

seu có tình bạn học cũ ở trường tiểu học *Hưng - Yên*, nên được *Cousseau* nể nang hơn.

Vai trò của *Đỗ - Phồn*, khi *Hàn - Thuyên* ngưng xuất bản sách sáng tác, thì chỉ còn là trông coi sửa bài nhà in, giao thiệp với nhân viên kiểm duyệt cùng với *Nguyễn - Đình - Lạp* « làm việc » theo đúng cả hai nghĩa ăn và chơi để lấy dấu kiểm duyệt cho nhanh chóng. Trong hồi cờ sắp tàn ấy, sách đã được kiểm duyệt ở nhà cô đầu và bên bàn đèn thuốc phiện, các tặng phẩm cũng được trao ở chỗ phù dung và nhan sắc chan hòa này. Những công việc vận động ở hạ tầng như thế thì chỉ có *Phồn* và *Lạp* là đủ tài ứng biến, xoay sở, cũng như vận động ở thượng tầng thì chỉ có *Quỳnh* lo.

Sau này, nhóm *Đệ - Tam* không hiểu mảnh khoé ra sao mà in được nhiều sách như thế, lại toàn những sách không có mùi gì là phong kiến, thực dân thì đồ diệt là tay sai của đế quốc, là thực dân đã tiếp tay cho tiền, cho giấy, v.v. . .

Cần phải dài dòng về *Cousseau* và *Hàn - Thuyên*. *Cousseau* giữ chức giám đốc sở Thông tin, Báo chí và Tuyên truyền ở Bắc, thiết lập ở ba kì hội chánh phủ *Pétain* để kiểm duyệt báo chí, sách vở, cho phép xuất bản và cấp bông mua giấy nhứt trình.

Nhưng cấp bông mà nhiều khi cũng không có giấy để mua nữa, trừ các nhà báo hằng ngày và các cơ quan xuất bản của chính quyền

Pháp, như nhà xuất bản Alexandre de Rhodes, chẳng hạn. Các nhà xuất bản tư đã phải in sách bằng giấy bản nội hoá và chính cả các báo hàng tuần như Tri-Tân, Trung-Bắc chủ-nhật, Thanh Nghị cũng phải in bằng giấy bản. Rất nhiều sách của Hàn-Thuyên đã in ruột bằng giấy bản và bìa bằng giấy gói hàng, hiện ở Sài-Gòn nhiều người còn giữ. Nếu được Cousseau biết đái thì sao lại phải như vậy ?

Chế độ chánh trị thuộc địa của Pháp, dù bị thảm bại ở chính quốc, cũng vẫn chặt chẽ lắm. Và qui chế công chức của họ cũng không lỏng lẻo đến độ phá kỉ luật như lối một ông bác sĩ giám đốc sở Nghiên cứu Chính trị mà lại giữ quyền sinh sát về Mật vụ trong toàn quốc.

Dưới chế độ thuộc địa cũ, những giám đốc chính trị vụ cạnh Toàn quyền Đông-Dương đã có, những giám đốc sở Mật thám đã có, thì một người công chức giữ chức vụ giám đốc sở Thông tin, Báo chí và Tuyên truyền sẽ được ngồi đầu đề làm tròn mật thám nữa ?

«Tôi sức nghĩ đến người nhà quê của mình hồi trước trông một anh lính Đoàn người Pháp cũng tưởng hẳn có quyền như một viên công sứ vậy !»

Có thể rằng Cousseau giúp đỡ phần nào cho chính trị vụ. Nhưng không thể nào ông ta lại nắm quyền sinh sát như những nhân vật ở thời loạn sau này.

Đồng tiền của ngân quỹ trung

ương hay địa phương của chế độ thuộc địa Pháp thuở ấy, cũng không được bỏ ra một cách quá dễ dàng, như óc tưởng tượng của những người sống ở thời loạn sau này.

Cho nên bảo rằng Cousseau cấp vốn cho Hàn-Thuyên là không đúng.

Mà nếu quả thực có sự cấp vốn thì điều kiện phải rõ ràng là ca tụng công đức của « Mẫu quốc », sự nghiệp của « Thống chế », như trước kia Nam-Phong ca tụng công đức của Pháp vậy. Hàn-Thuyên đâu có mang « vết bản » này. Mà chính Nam-Phong cũng chỉ được trợ giúp bằng cách bắt các phủ huyện mua, và đến cuối cùng, không đủ sức in cũng phải dẹp.

Những điều trên đây, anh trình bày với một giọng điềm tĩnh, nhưng ở vài chỗ, anh không kiềm được nổi bất bình.

..

Trong nhà đã lên đèn Vài chú muỗi bắt đầu vo ve. Tôi đề tay lên vai anh :

— Chuyện chưa đầy ba chục năm, mà còn có người hiểu sai như thế. Huống chi là « ba trăm năm lẻ về sau nữa »...

9-XI-64

NGUYỄN NGU-Í

Nhắn tin

Chị Lê-Văn-Trương. — Xin chị cho biết địa chỉ mới. Có việc cần đến tác phẩm của anh.

Nguyễn-Ngu-Í

QUÀ TRANG NHÀ

BẠN ĐỌC HÃY TÌM CHO ĐƯỢC :



BÁCH - KHOA

ĐÔNG TẬP

8 NĂM : 23 TẬP

(188 SỐ)

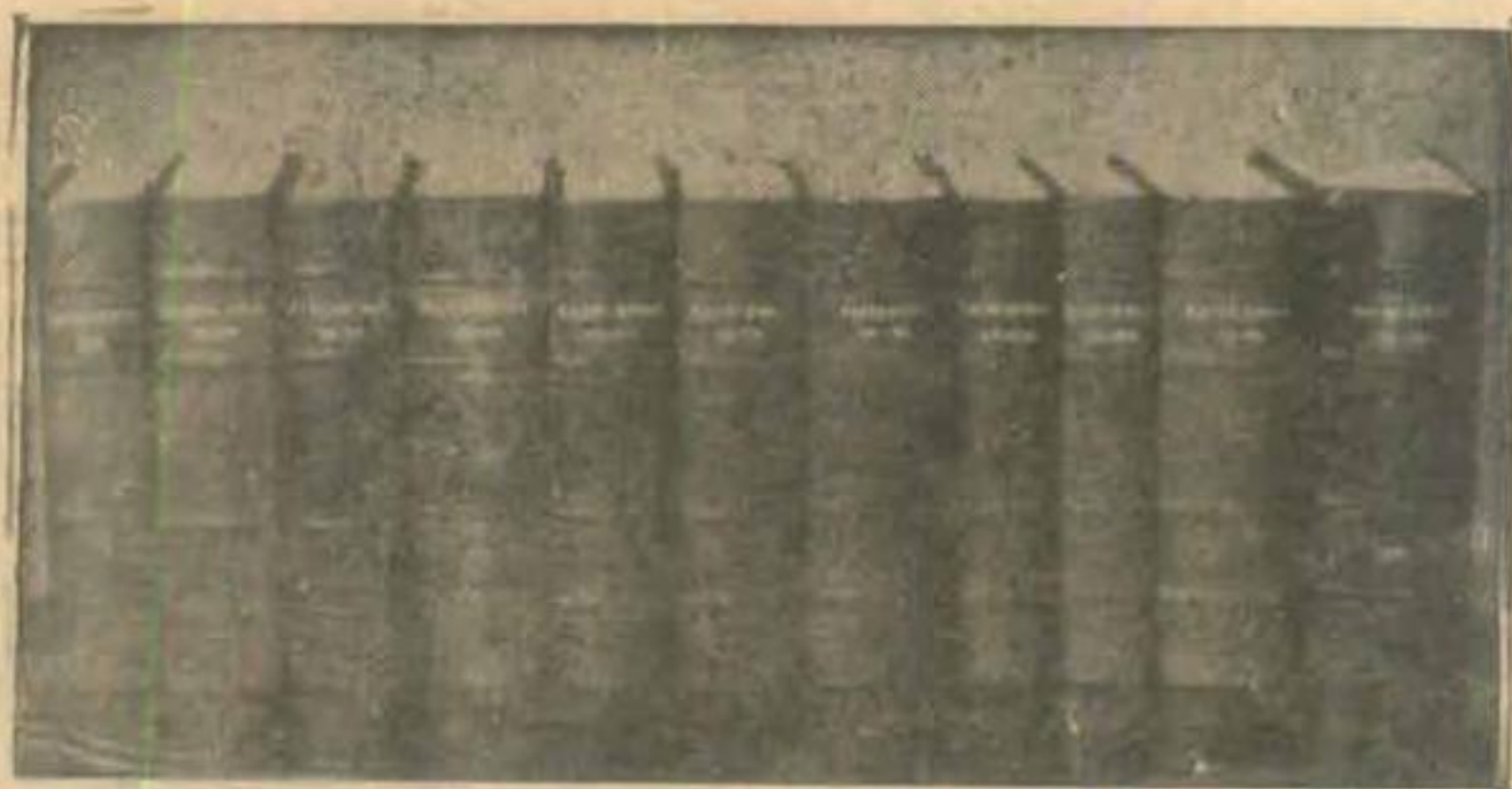
8 TẬP (1957 — 60) MỖI TẬP 12 SỐ (giá 1 tập 110).

15 TẬP (1961 — 64) MỖI TẬP 6 SỐ (giá 1 tập 65).

(ở xa thêm cước phí)

MỘT BỘ BÁO CUNG ỨNG TÀI LIỆU MỌI MẶT,
VỚI TRÊN 1600 BÀI BIÊN KHẢO VÀ TRÊN 1000 SÁNG
TÁC VĂN NGHỆ ĐỦ LOẠI CÙNG 3 CUỘC PHÒNG VĂN
LỚN VỀ VĂN NGHỆ VÀ HỘI HỌA

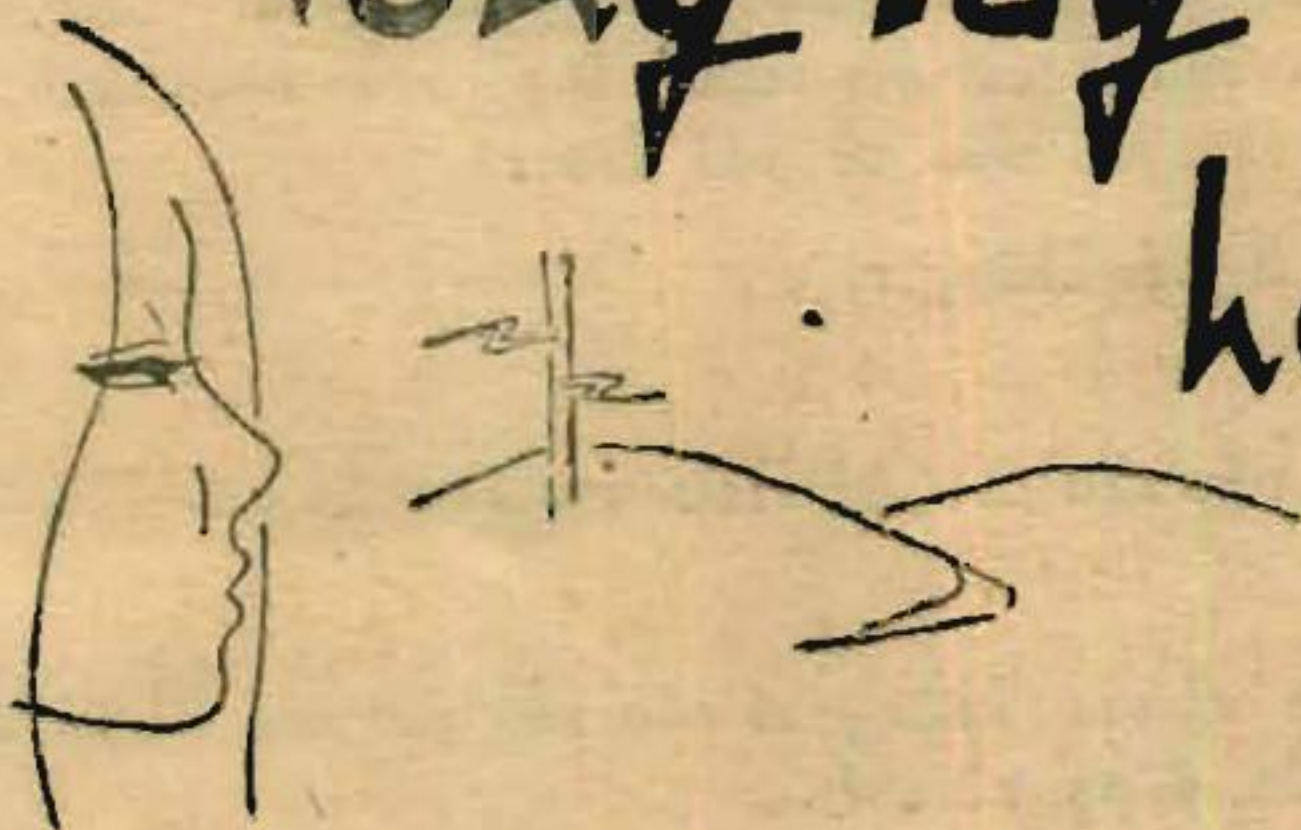
MỘT BỘ BÁO
LỢI ÍCH CHO
MỌI GIA ĐÌNH



XIN HỎI TẠI CÁC HIỆU SÁCH VÀ TẠI TÒA SOẠN
BÁCH-KHOA 160, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SÀI-GON

Vòng tay

học trò



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem BK từ 169)

PHẦN THỨ BA

5 | LÃO Bá ngồi xuống bậc thềm đá, ném cái mũ lác rách lên bãi cỏ rồi nhăn mũi hít những bông hồng đỏ nâng niu trong tay. Một cái gai nhọn đâm vào da làm lão buột miệng chửi đổng : « Mẹ kiếp, nắng một tí cũng héo mất rồi ». Lão đặt hoa xuống mặt cỏ và nhoài tay ra đằng sau vịn người dầm lưng. Lão dẩy cỏ và xới đất suốt cả ngày hôm nay, chưa một miếng cơm, một hộp rượu vào bụng. Người trưởng ấp đưa cho lão mấy chục bạc trả tiền công, nhưng lão trả lại và chỉ xin mấy bông hồng nhung, đem về biếu cô giáo. Thường thường lão chỉ biếu hoa cho Trâm ngày chủ nhật, vì Trâm muốn thế. Hôm nay thứ mấy rồi, lão không biết, nhưng không là ngày chủ nhật vì ban sáng không có chuông nhà thờ đổ, và không có bóng người đi lễ ngoài đường. Sáng nay lão gặp Trâm đi chợ, thật sớm, mang theo nhiều xách, giỏ. Đoán là Trâm có tiệc tùng khách khứa gì đó, nên lão đem hoa về, lẽ tất nhiên, không phải cho khách của Trâm, mà cho mình Trâm.

Mùi bơ cháy từ trong nhà bếp cô giáo thoảng thoảng bay ra ngào ngạt. Con đói cồn cào xoắn lấy dạ dày của lão. Mọi hôm cứ đói là lão xách cái hộp sắt Tây tròn qua cô giáo xin cơm. Nhưng giờ có hoa trên tay, lão thấy ngần ngại. Lão không muốn cô giáo tưởng mình đem hoa này về để đổi lấy miếng ăn. Dù với lão, hoa chẳng nghĩa lí gì hơn một nắm đất, nhưng cưỡng cò. Những thứ đó không giúp lão được gì. Còn miếng cơm, Lão nhớ đến những buổi chiều mưa trở về thật muộn, đói lả người trong cái lạnh xê thịt cắt da của Đalat đầu đêm, lão lên vào trong cánh cửa bếp của Trâm sáng chói ánh đèn. Buổi chiều Trâm thường nấu món xúp đó. Cái vá sáng bóng nhúng vào

nồi xúp mọng vàng những mỡ và bơ trên mặt, khoảng lên những cà rốt, khoai, đậu cắt từng viên nhỏ hình vuông, lẫn lộn giữa những cuống mì cong vàng nuột. Lão tò mò nhìn Trâm múc xúp ra cái đĩa men trắng có in hình cảnh trúc bạc óng ánh. Trâm ngừng tay và cười hiền từ với lão :

— Ông Bá ăn xúp La Strada không ?

— Xúp gì tên kỳ vậy.

— Xúp thằng Zampano nấu cho con bé Gelzomina ăn đó mà.

— Ngon không cô ?

— Ngon chứ. Cho nên về sau không ai nấu xúp cho con bé ăn nữa, nó buồn, nó chết. Nó ôm cái kèn đồng nó chết..

Lão Bá chẳng hiểu cái quái gì cả. Mà cô giáo cũng không cần người nghe hiểu mình hay không. Lời nàng như hương tới khoảng không, như những chiếc lá, những sợi lông gico xuống mặt biển im lìm phẳng lặng. Cô giáo thường nói những chuyện kì cục không đâu đó. Có lúc lão nghe tiếng cười khúc khích và tiếng nói thì thào trong bếp. Lão gõ cửa bước vào, thấy Trâm đứng một mình trước bếp lửa hồng, đang nấu thức ăn. Trâm nói một mình. Như nói với một kẻ vô hình nào đó. Như lão vẫn lăm bắm một mình trên con đường vào rừng mỗi buổi sáng mặt trời chưa dậy.

Những sợi khói mong manh xám nhạt vươn lên từ mái nhà nâu thẫm gợn gợn từng vết rêu mốc lâu đời. Nắng chiều vàng thắm trải dài mênh mông từ thung lũng lên đồi cao. Cỏ cây rục rờ như những tấm thảm nhung dạt kim tuyến. Tiếng một con chim cu văng vẳng từ sau rừng vọng lại như từng nốt đàn mơ hồ, thánh thót đệm vào ca khúc vi vu mơn trớn của gió chiều trong rừng thông.

Lão Bá đứng dậy phũ quần phanh phạch, cầm hoa đi vào sau bếp nhà Trâm. Lão đặt bó hoa lên thành bể nước ngoài cửa và lẳng lặng quay ra. Những cánh cửa mở và cô gái tươi cười gọi lão lại :

— Ông Bá về đó à ? Đem đồ sang tôi chia phần ăn cho nào.

— Ăn xúp khuya đói lắm cô giáo.

— Hôm nay không nấu xúp. Nhiều thức ăn lắm. Vậy là cho ông ăn trước chúng tôi đây nhé.

— Cô có khách à.

— Không, khách nào, cô giáo với học trò như mọi hôm thôi chứ.

Lão Bá nhìn một lượt những thức ăn la liệt quanh căn phòng nhà bếp.

— Hai người ăn mà làm nhiều thế cô giáo.

— Mấy ngày cuối, ăn thật no cho những ngày nhịn đói sau này.

— Cô định đi đâu à ?

— Định vậy, nhưng chưa ai biết.

— Sao vậy.

— Không biết. Nhưng có lẽ không ở đây nữa.

— Còn học trò, còn nhà tự tay cô sửa chưa lấy... Cô bỏ đi à ?

—Ừ, bỏ hết.

— Đừng đi, cô giáo. Cô không chờ đâu có trái à ?

— Không có trái đâu mà chờ.

— Không mong trái, sao cô làm cô, cô vỡ đất ?

— Lúc đầu thì thế. Tôi tin là việc gì cũng làm được, cũng có được.

Nhưng bây giờ...

Đang buồn rầu, tự nhiên Trâm tươi tỉnh và tíu tít :

— Chiều rồi, mau chứ. Nào ông Bá lấy thức ăn đi cho tôi còn dọn cơm ăn nữa. Đói rồi đây.

Lão Bá đưa bó hoa cho Trâm. Nàng áp những nụ hoa vào má và lão Bá nhận ra cô chủ nhà hôm nay tô môi son và mặc bộ áo ngủ màu hồng mới viền ren trắng.

Nàng đưa cho lão cái soong đầy áp thức ăn và xuýt xoa như đuổi lão :

— Thôi ăn đi ăn đi nguội cả bây giờ.

Trâm đẩy lão Bá ra ngoài và chốt cái then cửa bếp lại.

Cắm vào bình, những đóa hồng nhung thắm như tươi hẳn lên, Trâm nghiêng đầu ngắm bình hoa lộng lẫy giữa chiếc bàn tròn phủ khăn trắng. Căn phòng không còn vẻ bừa bãi và lạnh lẽo của những ngày tháng trước. Trâm đã bỏ cả ngày hôm nay để dọn dẹp, sắp đặt lại những đồ đạc, sách vở và trang hoàng lại căn phòng lò sưởi, Tất cả như sửa soạn cho một cuộc đời mới, những ngày tháng và dự định mới. Nhưng chỉ mình Trâm âm thầm biết rằng còn có một đêm nay, ngày mai nữa là hết. Là hết. Trâm đã tính toán suy nghĩ đắn đo từ bao nhiêu đêm thao thức để tìm ra một lối thoát, cho mình, cho đời mình. Chỉ còn có một cách đó : không thể làm thế nào khác. Nếu Đà-lạt là một cõi tiên, nếu một ngày bình yên ở đây bằng một trăm ngày của một thành phố khác, nếu đời xưa kia trong cổ tích có bao chuyện hoang đường, bây giờ Trâm mới hiểu thấu vì sao có những nàng tiên ước mơ trần thế nhọc nhằn để bỏ lìa thiên đường vĩnh cửu trên kia. Vì sao con người khước từ hiện tại ảm đạm phẳng lặng, để phiêu du về những tương lai sóng gió. Vì sao Eva cắn vào trái cấm cho đổ vỡ cả Thiên đường, để từ đó tạo nên từng chuỗi số kiếp nhọc nhằn tội lỗi lan tràn mặt đất. Trước phút quyết định là những vò xé giằng co não nuột. Trâm muốn hỏi, Trâm muốn kêu. Muốn làm một cái gì để trở lại nhịp đời bình thường cũ, tìm lại thăng bằng trí não, gầy dựng lại những dự định dở dang. Nhưng Trâm yếu là như một cành lau sau cơn

gió. Lả xuống nhưng còn nhận ra nỗi yếu đuối khốn khổ của mình, và nhìn thấy màn chót thê thảm của một bi kịch nếu mình nấn ná ở lại chờ khi vỡ tường chầm dứt. Điều Trâm nuôi dưỡng, bám víu trên đời không phải là một niềm tin, một cửa cải, một chỗ ở hay một sức mạnh nào cả. Mà một vẻ đẹp nào đó. Tìm kiếm, bắt gặp rồi là chạy trốn. Chạy trốn tức khắc. Nếu dừng lại với một nghiêng mình xao xuyến, một vươn tay nhẹ nhàng, một hơi thở phập phồng nao nức, là thôi, ảo ảnh vỡ tan. Hay thoát bay đi như một cánh bướm chập chờn. Chạy trốn bởi tự biết còn ở lại, vẻ đẹp đó một phút giây nào cũng rạn vỡ, được cũng như mất. Không ai đủ can đảm sống cô đơn với một đám tang tình ái cho đến hết đời buồn tủi. Chạy trốn như một tự thú tuyệt vọng. Một hoảng hốt cầu xin để thoát ra khỏi vùng bóng cháy của tâm tư mình thiêu đốt? Lại đi dạy, soạn bài, chấm bài. Ăn ngủ. Đếm tiền đầu tháng để hết ba mươi ngày không còn gì trên tay. Như làm cu li cho cuộc đời lì lợm để đổi lấy miếng cơm hằng ngày. Một cu li buồn nản giữa bao nhiêu cu li háo hức giành giật đua tranh. Để làm gì vậy. Cơn mỗi một như thắm vào xương tủy, làm tê điếng cả làn da, và, Trâm rung mình nhận ra nỗi chán nản vô lý của mình chỉ có thể chữa bằng một thứ độc được cuối cùng là nỗi đam mê núi lửa nào đó. Để sau đó, buồn nản hơn, chán ngấy hơn, ghê tởm hơn cả mọi người, cả cuộc đời và nhất là chính mình nữa. Cho nên xin nhường chỗ lại cho các người, tôi ra đi. Đi đâu không biết, nhưng tôi ra đi. Vì không muốn ai nhìn thấy mình, một mai kia, còm cõi già nua ở cuối đời trong vai trò giả dối đó, hay trong lột rã rời ma quỷ của con phù thủy sau phút điên mê... Một nơi nào khác đó, tôi sẽ đổi thay trong những màn thay đổi không ngừng của một sân khấu đời rộng lớn. Có thể thắm tươi hơn. Mà cũng có thể tàn rữa hơn. Nhưng sẽ mãn nguyện đã chiếm cứ một quãng đời rực rỡ thần tiên ở nơi này. Dồn kỷ niệm đẹp của hôm nay cho những tháng ngày mai sau thiếu vắng.

Trâm rút một bông hoa trong bình đặt lên nền drap trắng phủ nệm rước lò sưởi rồi quì gối nhìn ra khung cửa sổ. Ngoài trời tạnh tắt từ bao giờ. Vòm cao còn lơ mờ ánh sáng. Bóng cảnh thông già in một nét sạm mờ hồ lên vách tường và Trâm nhận ra một vùng ánh trắng non trong vạt dịu dàng toả khắp phòng. Đêm nay có trăng. Tự nhiên Trâm mỉm cười nhớ đến câu tán dóc ngộ nghĩnh của thằng bạn sinh viên hồi còn đi học : « Mỗi lần có trăng tôi lại nghĩ đến Trâm mà đến nay có trăng đêm mai có trăng, bao nhiêu đêm còn trăng nữa... »

Có tiếng xe gần lại trước đường. Trâm lắng nghe. Tiếng xe lướt qua, xa dần rồi mất hút. Trâm nhìn đồng hồ tay và bắt đầu sốt ruột : « Sao Minh về muộn thế. Hay xem bát rồi còn đi chơi ». Một thoáng nghi ngờ nhóm lên và Trâm bằng lòng đã từ chối không nhận hai giấy mời của gánh hát chiều nay Minh đem về. Minh nài nỉ Trâm đi cho xem cho bằng được từ chiều hôm qua, Trâm từ chối, lý do giản dị là không muốn gặp lại Thúy, không muốn gọi

nhớ những ngày Sài-Gòn vui chơi cũ, những khuôn mặt quen xưa, những âm thanh rộn ràng huyền ảo của một đoạn đời không bao giờ Trâm trở về tham dự nữa. Giấu chỗ ở chỉ vì muốn đoạn tuyệt với những ngày tháng cũ, cho nên nàng đã căn dặn Tuấn đừng chỉ nhà nàng cho Thúy, cho những người quen ở Sài-Gòn, Trâm sợ họ như người dưỡng bệnh sợ khách khứa vào thăm, mang theo bao nhiêu dấu tích, kỷ niệm ngoài đời đánh thức cơn đau của một vết thương chưa lành. Nhưng ban chiều lúc Minh đã đi và trở lại cùng với Hải để thay giày và áo khác, ngắm nghía trước gương lâu hơn thì nàng đoán hiểu điều gì đã xảy ra, điều gì sẽ xảy đến với Minh trong chương trình xem hát đó và nàng cương quyết, thân nhiên từ chối lời mời của Minh đã bốt hăng hái. Điều xảy đến cho Minh cũng tất nhiên và hợp lý như điều gì đã đến giữa nàng với Minh. Có gì lạ khi một trái tim đập mạnh vì một trái tim khác phái. Khi một người con gái yêu người con trai. Một thằng con trai mê một con đàn bà. Có mở màn thì sẽ có diễn tuồng, và hạ màn sau đó ghê tởm nguyên rủa hay tôn thờ lý-tưởng-hóa cũng không thoát ra khỏi ba nhịp tiến hóa tất nhiên của lòng-dạ-con-người.

Bây giờ Trâm không muốn suy nghĩ điều gì và không cần khám phá một sự thật nào nữa. Cát gì có xảy ra, một mất mát đổ vỡ ghê gớm thế nào, nàng cũng không cần, không cần gì nữa. Bởi nàng đã xé bỏ tên tuổi mình trong danh sách những kẻ chạy đua, về mọi phương diện. Dù gượng gạo, dù chán chường hoài nghi bao nhiêu, Trâm cũng muốn cho thật vui tươi, thật đầy đủ rõ ràng những phút cuối cùng trong hiện tại. Cho nên Trâm chờ đợi Minh về. Chờ đợi và chưa bao giờ nôn nao đến thế. Nàng tưởng đến lúc Minh nhảy tung tung xuống những bậc thềm ngoài kia, gõ gấp rút cánh cửa bếp, chạy ào vào nhà như mỗi buổi chiều đi học về, như mỗi lần đi xa hai ba hôm trở lại. Tiếng chân dồn dập ở thang lầu. Rồi tiếng cười. Tiếng huýt sáo.

Có tiếng gõ cửa gấp rút dưới lầu thật, Trâm thông thả từng bước một xuống thang lầu. Cửa mở. Minh vào, cúi đầu, đi lướt qua mặt Trâm vào phòng một thoáng rồi trở ra.

Trâm hỏi Minh, lơ đãng, giả tạo :

— Minh ăn cơm chưa ?

Minh cúi mặt tránh cái nhìn soi mói dò xét của Trâm, giọng nhỏ như không muốn nói :

— Thôi em không ăn kịp. Đi ngay đây giờ.

Trâm vẫn dịu dàng, nhẫn nại :

— Gấp lắm sao, cùng ăn đã chứ.

Minh tránh hẳn những câu chất vấn của Trâm bằng cách đi thẳng lên lầu. Một lúc sau, Trâm còn đứng im sững tựa vào cầu thang, Minh đi xuống.

— Minh đi đấy à ?

— Đêm nay... đi không về.

Ánh trăng xanh nhạt bỗng chảy ủa vào phòng, hắt bóng Trâm lơ mơ bất động lên bức tường trước mặt, giọng Trâm chột u uất huyền hoặc như vọng âm từ một bức tượng đá :

— Minh đi đâu ?

— Đi xa. Có lẽ đi Blao.

Mỗi một lời nói ra phát đó là mỗi một nhát cuộc đào sâu thêm đáy huyết, nhưng Trâm không còn là Trâm nữa.

— Sao không đi từ sớm hoặc để sáng mai đi ?... Có ai cùng đi với Minh chứ.

— Đi xe nhà với bác mà. Việc gấp lắm không thể chờ đến mai.

Trâm quay mặt đi, lặng lẽ cười nhạt, nhưng nàng vẫn cố «kịch» cho Minh yên chí lớn bỏ đi, làm như nàng «hết lòng» tin Minh và ủng hộ hoan nghênh cả bốn vó. Đến một độ nào đó, bị kịch đột biến thành hài kịch, vết thương đau trở nên vô nghĩa trên một làn da tê buốt vô tri sau những cơn đau đớn rã rời. Cho nên lòng Trâm chột cứng lại, lạnh ngắt như một tảng băng khuất bóng mặt trời. Một thoáng, cả bao nhiêu hiềm妒 đoan trang, bao nhiêu ý tưởng vị tha tốt đẹp như bị tước đoạt hết trong lòng Trâm. Bầu độc được phù thủy bị khuấy động trong tâm hồn quần quai của người đàn bà và Trâm nghĩ rằng từ phút đó về sau, nàng không còn tin có một cái gì tốt đẹp nữa trên đời này để yêu thương và hi vọng.

Minh có vẻ lúng túng bức bối muốn chạy vụt ra cửa. Nhưng Trâm muốn giữ Minh lại, xem sự đối trá còn khôi hài đến đâu. Sự im lặng đè nén xuống và cả hai như nghẹn thở.

— Thôi đi. Xe chờ.

Nhưng Trâm gọi giật lại :

— Minh này. Chờ một tí nào.

— Gì nữa cô ?

— Lên đây.

Trâm thoăn thoắt lên thang lầu và Minh lẻ từng bước nặng nề lên theo ; vào phòng lấy cái ví tay trở ra ngồi bên bàn, Trâm gọi Minh lại :

— Minh hết tiền tiêu rồi phải không.

— Nhưng... tối nay không cần tiêu gì cả...

Trâm cười nhạt :

— Đi đường xa phải mang tiền theo chứ, nhớ ra...

Nàng mở ví lấy mấy tờ hai trăm trao cho Minh :

— Không tiêu thì mai sáng về trả lại tôi. Nhớ là phải trả lại tôi.

Rồi Trâm nghiêng đầu ngắm nghía :

— Đề nghị Minh thắt cravate vào và thay bộ complet đi. Đi chơi sao ăn mặc lôi thôi thế.

Minh nhìn Trâm, vẻ sững sốt thoáng lên đôi mắt bối rối. Rồi Minh vuốt cổ áo :

— Thế này được rồi.

— Không được. Phải có tiền trong túi, và ăn mặc đẹp, nghe không, Minh.

— Đi có việc mà.

— Thì tôi nói với em đi chơi đâu. Nhưng phải đằng hoàng tử tể.

Trâm đứng lên :

— Thôi Minh đi đi, còn cần gì nữa không.

Minh nhét tiền vào túi áo chemise, vò tóc, lắc đầu rồi quay đi.

— Cô xuống khóa giùm cửa.

— Được, để đây.

Bước chân Minh uể oải xuống thang lầu. Đột nhiên, Trâm đứng phất dậy, chân không chạy vụt ra khỏi phòng. Minh đã xuống đến cửa bếp, nghe tiếng động quay lại. Dưới cầu thang, trong vũng sáng trắng huyền ảo, tóc xòa dài xuống mặt, cổ, vai, hai tay buông thõng, Trâm đứng đó sững sờ thảng thốt trong một nỗi cảm lạnh náo nức.

Minh vắt cái áo lên lên vai bước đến bên Trâm :

— Còn muốn em ở nhà không ?

Hai con mắt Trâm mở lớn long lanh nhìn Minh nửa bàng hoàng ngạc nhiên nửa buồn rầu tức giận. Đầu Minh cúi gần lại và môi Minh gần chạm vào vai Trâm. Nhưng bàn tay người đàn bà đã đặt nhẹ lên ngực áo Minh và đẩy ra xa :

— Thôi đi đi.

Thấy Minh còn dứng dằng, Trâm quát mắt :

— Đi đi mà. Tôi bảo đi ngay đi.

Tiếng giày Minh xa dần ngoài ngõ, mắt hút trên đường. Gió đêm cuốn ánh trăng lạnh leo vào khắp tòa nhà trống trải, Trên lầu, những cánh cửa sổ quẹt vào vách vang lên những tiếng kót két ma quái. Mùi ẩm mốc từ một phòng bỏ trống sau thang lầu xông lên. Bất giác Trâm đưa mắt nhìn quanh và tưởng như vừa bị chôn sống trong một nhà mồ heo hút giữa những oan hồn yếu ma phảng phất.

Khóa cửa xong, Trâm trở lên lầu, nằm sấp xuống nệm, úp mặt vào cánh hoa hồng, một chiếc gai nhọn đâm vào má Trâm như một mũi kim, sắt. Lịm người trong cái đau nhói truyền khắp những mạch máu đường gân, nhưng đầu Trâm vẫn gục xuống, đôi môi mím chặt cuống hoa hồng lõm chồm gai. Và nước mắt nàng lặng lẽ dâng lên, ướt đầm những cánh hoa tươi tắn... Viên merinax đưa người đàn bà qua một đêm đen hèn tui.

Đến trưa, viên thuốc ngủ mới tiêu tan và Trâm bàng hoàng tỉnh dậy với cảm giác bơ vơ hoang vắng lạ lùng. Như một cơn bão nào đêm qua đã đi tàn phá miền thung lũng này và về bờ phờ tiều tụy còn in lên màu nắng hắt hiu lát lay từng bờ cây ngọn cỏ. Một khoảng cách mệnh mông đã mở ra ngăn chia giây phút bừng tỉnh đó với những ngày êm đêm cũ. Trâm như vượt qua một chặng đường đua mệt mỏi cả thể xác lẫn tâm hồn và bây giờ chỉ còn sự yên nghỉ trống không. Có cái gì thật đã vỡ tan, đã đổ ào sụp xuống trong đời, trong lòng Trâm đêm qua. Cơn bão tố xa rồi, giờ chỉ còn bãi cát hoang vu trải dài cảm nín in hình những dấu chân kỷ niệm lờ mờ. Trâm như thêm một lần thoát lốt để trở thành người đàn bà kiêu ngạo, đứng dựng tàn nhẫn của những tháng năm Sài Gòn huyền ảo.

Và lúc hai giờ trưa, Minh trở về, áo quần xê lệch, mặt mũi bơ phờ. Trâm chỉ lạnh lùng hỏi :

— Minh về đây à. Sớm thế.

Giọng Minh vương vương khó khăn :

— Chiều có giờ học.

— Học à. Thế sáng nay nghỉ cả buổi, đã sao !

— Thôi đi, cô đừng nói giọng đó.

— Ờ hay. Tôi nói gì mặc tôi. Minh làm gì mặc Minh. Mai Minh dọn đi và bốn phận tôi cũng hết rồi mà.

Minh tránh không nhìn mặt Trâm, nhăn nhó đi thẳng vào phòng. Nỗi căm tức không đâu chèn lấy cổ, Trâm hếch mặt lên, bấu môi rồi đóng cửa lên lầu. Nàng đứng ở cửa sổ, nhìn ra đường, thấy Minh cầm quyển vở cuốn tròn trong tay, chạy băng lên bên kia đồi. Trâm kéo mạnh cánh cửa đóng ập lại :

— Gớm, học với hành.

Rồi nàng quay vào, ngồi xuống nệm, nhìn quanh phòng và ước có thể thu dọn kịp để bỏ đi ngay chiều hôm nay, không nhìn lại mặt Minh nữa, không chào hỏi một ai trước khi rời thành phố này. Và thế là màn hạ, yên thân. Nhưng Minh còn phải trở về, thu xếp đồ đạc của nó đem đi gửi và nàng đã hứa tối nay đi chơi với Minh. Đi chơi với Minh một lần cuối cùng. Như náu kéo một kỷ niệm đẹp cho dư âm vọng vang về những bờ thời gian xu vút về sau. Để bao

giờ cũng còn băng khuôn ngậm ngùi hoài niệm nhớ tiếc... Thế mà bây giờ... Trâm đốt diêm châm một điếu thuốc, ngửa cổ nhả một vòng khói tròn rồi bật lên cười. Âm thanh vỡ nát của tiếng cười sắc lạnh leo đưa Trâm vào những tiếng cười khác. Bốn bức tường như rạn vỡ lung lay. Và Trâm ngừng lại nhìn sững vào bóng mình lơ mờ in lên khuôn cửa kính :

— Thật khôi hài. Một cuộc khôi hài vĩ đại. Biển cả nó. Biển cả mình. Mây leo lên mây xanh và mây rơi tòm xuống thấy không, Trâm. Tình cảm. Tình cảm là cái thớ gì.

Một giờ sau Minh trở về. Ném quyển vở xuống sàn nhà nó kéo thùng sách ra, tung tất cả đồ đạc lật vạt vào đó rồi quì gối trên sàn nhà mím môi buộc một sợi dây. Về lắm lì, cầm nĩa hần học và ngưng nghịu của Minh làm lòng người đàn bà nao nao trùng héo xuống. Nàng ném bao thuốc về phía Minh :

— Để đây, tối hãy thu xếp. Giờ Minh đi ngủ một chốc cho tỉnh người ra đi. Có đói thì thức ăn dưới tủ. Xúp hay trái cây hay bánh hay trứng gà. Ăn gì thì ăn đi. Muốn rượu thì còn nửa chai Martini sau lò sưởi.

Rồi nàng xây lưng bỏ vào phòng riêng, đóng cửa lại. Một phút. Hai phút trôi qua căng thẳng như thời gian giữa một bài chiến trường đôi bên đang hăm hè chực nhả đạn.

Trâm buộc valise thì có tiếng Minh gọi bên kia. Nàng im. Minh gọi lần thứ hai. Rồi lần thứ ba. Trâm ra. Minh nằm sấp xuống nệm, hai bàn tay nắm chặt úp xuống sàn nhà như muốn đâm vỡ một cái gì vô hình đâu đó.

— Cô ngồi xuống em nói cái này.

— Đừng nói. Tôi dạy học, có phải là linh mục đâu mà đòi xưng tội. Và lại mình có catholique đâu. Đồ... vô đạo cả mà. Quên đạo của mình là vô đạo à ?

Minh sững sốt nhìn Trâm, cánh tay nhấc lên và để rơi xuống sàn nhà. Đầu người con trai dúi sâu vào mặt nệm, quần quai. Trâm vẫn cười nhạt :

— Đùa đấy. Tôi tạm nghe cũng được. Minh nói đi, nói cho nhẹ cho voi bớt đi. Căng thẳng quá đứt dây thừng ngay bây giờ.

Nàng nhìn khuôn mặt đỏ hồng của Minh gối nghiêng trên cánh tay và đứng lên mở rộng cánh cửa sổ. Giọng Trâm hát lên cũng lạnh lẽo và ào ạt như cơn gió đang lùa ngập căn phòng.

— Sao thế. Nóng lắm à. Sốt à. Sao thế. Nói đi chứ. Nói cho xong rồi còn nghỉ ngơi lấy sức. Tối nay đi phố, đi chơi, đi đâu thì đi. Tôi đã hứa thì nay đưa Minh đi chơi, hứa từ một tuần, mười ngày, từ một tháng trước rồi mà một lăm sao. Liệu tối có ra phố được không. Không nấu nướng, đi chơi, ăn ngoài phố, theo thủ tục thì ngày cuối cùng của tôi phải như vậy. Có phản đối khiếu nại gì không ?

— Sao cô thay đổi đi vậy ?

— Tôi hay Minh thay đổi. Nào, nào, nói đi.

— Muốn nói hết với cô. Nhưng . . . khó nói quá. Không nói thì ray rứt khó chịu lắm, mà nói ra thì sợ . . .

— Cái gì.

— Cô hứa đi. Nói cho cô biết, nhưng cô sẽ không thay đổi gì và tối nay vẫn đi chơi chứ.

— Tất nhiên như vậy, việc gì phải hứa hẹn lời thôi. Hay không nói thì thôi. Tùy.

— Cô giúp em với đi.

— Kỳ chưa. Muốn tôi làm sao hơn nữa ?

— Cô hỏi cho em trả lời.

— Chuyện đêm qua chớ gì ?

Minh bật lên như lò xo :

— Cô biết rồi à.

Trâm nói liêu :

— Biết, và thấy nữa. Tội nghiệp Minh thức suốt cả đêm qua. Thôi giờ thì ngủ yên đi.

Minh hét lên :

— Thằng Hải khốn nạn thật, nó nói với cô phải không.

Trâm lắc đầu bình tĩnh :

— Từ chiều hôm qua đến giờ không gặp thằng Hải.

— Thế ai bảo với cô.

— Tôi biết vì tôi biết thế thôi.

— Nghĩa là cô không biết và đoán liêu.

— Nhưng tôi biết rồi và không cần Minh phải nói nữa.

— Không, để em nói, em nói. Đêm qua em không đi Blao. Em nói dối cô . . .

Trâm giang tay bịt miệng Minh lại :

— Thôi thôi van em, tôi biết rồi, đừng nói ra điều đó. Im đi, im đi Minh.

Nhưng sẵn đà. Minh đã nói tuôn ra :

— Đêm qua em đi với con Phượng. Bích-Phượng.

Nhưng ngón tay Trâm bung ra, để soãi trên mặt nệm.

— Sao phải khai tên kỹ thế. Không nghe cô ta bao giờ.

— Bích-Phượng ở sân khấu Anh-Vũ.

— Vậy à. Nhảy hay hát ?

— Cả hai.

— Vừa xài quá nhỉ, nhưng sao đêm qua em không lấy thêm tiền, chừng đó tiêu làm sao cho đủ, thật mất mặt cho em quá. Phải tỏ ra hào phóng một chút chứ.

Minh xoay người móc túi lấy tiền ném ra sàn nhà.

— Tiền còn đó, không tiêu một xu. Đi với loại đó không phải mất tiền.

Trâm đau buốt trong lòng : « Thôi cầm đi, cầm đi, đồ đi trai ». Nhưng nàng chỉ lẳng lặng đứng lên :

— Gánh hát còn ở lại đây.

— Đi sáng nay rồi.

— Nếu còn, tối nay Minh nên đi chơi.

— Đi cả rồi. Đêm qua Thúy vừa hát vừa nhìn xuống khán giả như tìm kiếm ai. Nghe Thúy hát, nhớ cô quá : Không biết sao, mỗi lần nghe hay thấy Thúy là nghĩ đến cô. Cô có cái gì phảng phất của Thúy. Tiếng hát, vẻ buồn, và sự dịu dàng rất Huế. Em đã tính bỏ vẽ, nhưng chúng nó kéo đi. Rồi thì...

— Đẹp lắm à ?

— Phượng ấy à. Cũng không đẹp lắm, nhưng có một phút nào đó, thật quyến rũ...

Minh cúi mặt xuống nệm giọng trầm tức vắng lên :

— Trưa hôm qua em ở lại lữ quán với thằng bạn. Nó đi qua giường em. Đi qua đi lại nhiều lần. Nó mỉm cười, nháy mắt, rồi nó ngồi xuống đó. Nó chọc điên em lên, cô biết không. Cho đến tối thấy nó ăn mặc để hở cả bụng, uốn éo trong ánh đèn sân khấu. Xong màn vũ nó để nguyên cả bộ áo đó, xuống ngồi cạnh em ở hàng ghế đầu. Nó lại chọc em điên lên, cô biết không...

Trâm mím môi nhìn xuống khoảng cườm chân trắng nõn của Minh hé lên giữa ống quần và tất đen, băng khuôn hỏi :

— Không chắc. Cô ta chọc em hay em chọc cô ta trước.

— Em có làm gì đâu...

— Thì thế. Không gì cả, nhưng mà...

... « Em vô tình đánh thức cảm giác của người khác » Trâm định nói thế, nhưng nàng nén lại được, xoay sang chuyện khác :

— Thôi quên chuyện đó đi. Không sao cả. Minh vươn lên nín lấy bàn tay Trâm nhưng nàng giằng ra ngay.

— Em xin lỗi cô, xin lỗi cô...

— Sao lại xin lỗi tôi.

— Như vậy là em có lỗi với cô.

— Tôi chỉ buồn em đã nói dối. Còn chuyện em đi chơi không sao cả. Nhưng sao em lại nói dối tôi thế Minh. Sao thế Minh ?

— Em sợ... sợ mất cô.

Trâm thần thờ :

— Em mất tôi à. Tôi mất em chứ. Mất còn mà làm gì. Mai em đi rồi, Mai tôi đi rồi.

— Nhưng cô trở về chứ.

Trâm xoay mặt đi :

— Ừ trở về.

— Suốt mùa hè cô ở đây chứ. Em cũng không về nhà, em ở đây với cô. Cô dạy em Anh văn nhé. Mùa học năm sau cô còn đi dạy ở đây, em đi học ở đây và cô còn cho em ở trong nhà chứ.

— Ừ, năm sau cũng còn như năm nay. Không có gì thay đổi hết. Năm sau, năm sau nữa, sau nữa...

— Sao cô có vẻ lạ lùaag thế. Cô nói dối em phải không ?

— Thật chứ, không có gì thay đổi. Đời cũng còn mãi mãi như hôm nay, như những ngày mình đã sống ở đây. Mình sẽ xóa hết những chuyện buồn, bắt đầu lại niềm vui, trồng thêm hoa trong vườn, nghe Minh... Còn một buổi chiều nay, còn một đêm nay. Thôi em ngủ đi ngủ đi, tối mình đi chơi. Nhưng em phải thay áo, tôi không muốn thấy em như hôm qua nữa.

... Ánh trăng thượng tuần xanh xao vẽ những bóng cây rung động xuống con đường rừng vắng ngắt. Mới tám giờ tối, những nhà cửa bên kia ấp đã im lìm ngủ sớm không còn một đốm đèn, một tiếng động. Đến một chiếc cầu nhỏ bắc ngang cái lạch con dẫn nước vào ruộng dâu, Minh đứng lại chờ Trâm :

— Cô đau chân phải không.

— Không. Đi chậm cho con đường dài thêm một chút. Sao Minh đi nhanh thế.

— Ở đây nhiều người quen. Người ta thấy, phiền cho cô.

— Tôi đang mong gặp một ai để làm chứng nhân đây. Nếu phải che giấu lẫn tránh ai thì tôi đã không đi với em. Đi thế này thì làm sao đâu.

— Bọn nó khác nhau, vẽ rồng vẽ rắn thêm vào.

- Mặc. Mai Minh đi rồi.
 - Nhưng còn lúc trở về.
 - Cứ tưởng như đi không bao giờ về. Và đêm nay là cuối cùng..
 - Nhiều lúc cô liêu và buồn lặng.
- Trâm đứng dừng lại.
- Bây giờ vai trò thay đổi và Minh giáo huấn tôi đây à.
 - Thôi thôi xin cô giáo đi cho.

Rồi giữa hai người là một khoảng cách lặng lẽ. Trăng như một vành môi đang cười duyên với nốt ruồi trên cửa đêm là ngôi sao lấp lánh. Con đường trăng nâng lên cao lượn vòng như một dòng sông ngả qua những vùng đồi thoải thoải dốc xuống ruộng vườn chìm sâu vào bóng tối. Màu trăng mỏng và nhẹ phủ một lượt tơ vàng lên bờ cỏ bắt đầu loáng ướt sương đêm. Bước chân đi gõ nhẹ vào hư huyền tịch mịch. Gió lạnh lùa vào trong tóc khiến Trâm ngửa mặt nhìn lên, lòng lắng dịu trong một cảm xúc êm đềm thanh thoát bất ngờ. Nàng thì thào một mình như đáp lời tiếng suối róc rách chảy qua một bụi bờ nào bên lối đi :

— Đêm đẹp quá.

Nhưng tiếng Minh như một ngọn roi quất lên cho ảo giác tan tành :

— Đêm qua trăng đẹp hơn. Trăng khuya ngoài bờ hồ...

Bỗng nhiên Minh cảm thấy có gì đang rã tan như bọt sóng bên cạnh, và biết mình lỡ lời. Minh nói thêm :

— Đêm nay trăng không đẹp, vì trăng mờ hơn một người.

Câu «bức bối» không phải lúc như đổ dầu thêm vào lửa. Trâm quay ngoắt lại, vẫy chiếc xe ba bánh vừa chạy tới và từ đó ra đến phố, nàng không trả lời một câu hỏi cầu hoà nào của Minh, ngồi trơ như cột nhà.

Nhưng khi làn ánh sáng mờ mờ ập ập xuống bàn ăn phủ khăn trắng, khi bức tường vàng nhạt in hình Minh đầu cúi ngồi lặng yên trông qua Trâm, khi người bồi lễ phép nghiêng mình hỏi : Cô dùng gì, Trâm bàng hoàng tỉnh lại. Cái màn trắng xanh xao, trắng toát rung động những vầng sương lạnh lẽo vén lên từ từ. Những quầng đường chớp nối, những nét đời trùng điệp, những bước chân lơ đãng theo nhau, tất cả chìm hẳn vào bóng tối bên ngoài. Trong hồn Trâm lúc đó là cơn đau thức tỉnh, vết thương mở lóa và mỗi khắc nhìn nhau giữa người đàn bà, gã con trai là một nhát dao chém lún xuống lòng Trâm thì thào tuyệt vọng. Đâu đó phảng phất mùi khó thuốc. Nàng nhìn lên môi Minh tìm ánh lửa cháy đầu điều bastos. Nhưng Minh không hút, không xoay trở, không tỏ một vẻ gì nôn nao hay vội vàng bực tức hay khó chịu như thường lệ. Cả khuôn mặt Minh tằm đằm màu hồng diễm ảo của ánh sáng từ chao đèn tỏa xuống. Cặp môi hé mở. Vệt tóc rũ

xuống trán. Sợi dây chuyền ánh lên bên nét cổ trắng ngần. Vẫn là Minh những ngày tháng cũ. Không có gì khác. Nhưng cái nhìn của Trâm chiều dọi vào hình ảnh đó, đã đổi thay, đã hoàn toàn thay đổi, từ dò xét lặng lẽ ban đầu đến gửi trao khoắc khoải. Vì em không bao giờ hiểu. Không bao giờ hiểu những gì tôi nghĩ về em. Nhưng dự định âm thầm, những ước mong vớ vẩn, những đau đớn xót xa. Em không biết như em nhìn tôi mà chẳng thấy. Em nói như người diễn tuồng, học thuộc vai trò : Cô đẹp quá. Cô đẹp quá. Không, không bao giờ em hiểu về đẹp đích thực của con người tôi, không bao giờ em đi tới cái tuyệt đỉnh yêu kiều của một chân lý. Một tâm hồn. Một khát vọng. Em không biết gì hết. Và em ngồi đó. Em nhìn tôi. Em nhìn tôi không phải như tôi nhìn em, phút trước, phút này, cả ngày sau xa vắng nữa . . .

— Hai Martini.

Trâm nói vào khoảng không và cúi nhìn bàn tay mình mới sơn móng hồng đặt trên mặt bàn. Từng ngón vuốt thon nhỏ nhắn. Mỗi ngón vẽ lên một con đường heo hút chạy dài. Không biết về đâu, không biết đi đâu từ nay. Hình ảnh tương lai lằng đằng yêu ma vừa thoáng đến đã thoát biến đi rồi. Mớ tóc nàng xòa dài như một dòng sông đêm. Không một chuyển đồ ngang đồ dọc trôi về. Lềnh bềnh những vết hôn kỷ niệm, những khoắc khoải chờ mong. Và bao nhiêu cơn gió lốc. Bây giờ thôi hết. Chỉ còn bọt sóng tan lao xao. Tiếng thông reo vi vút ở phương nào khuya khoắt. Linh hồn rã mục như một cánh bướm sau bão táp gục xuống và chầm hết.

Người bồi đặt trước mặt mỗi người một cốc rượu hồng. Trâm lơ đãng gọi một món xúp thường ăn. Ngón tay dừng lại ở hai hàng chữ trên thực đơn. Và người bồi xoay lưng vào bếp. Mặt bàn rộng như một giòng sông. Bên này bên kia bờ nhìn nhau im lặng. Trong yên lặng đè nén đó Trâm cảm thấy hết tất cả nỗi tê buốt nghẹn ngào của cơn đau không còn cứu chữa nổi. Nàng nhìn vào đáy cốc. Mắt mỗi Minh lơ đãng trôi vào đó, những khuya trắng những sóng gió, những mưa chiều. Nàng ly lên môi, và nàng nhắm mắt. Rượu luồn vào thân thể như một luồng hơi lửa hồng má mỗi nàng, thấp sáng cả đôi mắt, Minh buồn rầu ngơ ngác nhìn lên. Bồi mang thức ăn đến. Trâm đặt cái muỗng vào chén xúp vi cá và nhận ra từ phút đó mình là khách của người đối diện, người đối diện là khách của mình. Tương quan ngược ngùng giả tạo như một nỉu kéo chơi vơi không còn những em tôi thân yêu dịu nhẹ ngày nào. Không còn những chè chiều cháo sớm, những săn sóc nâng niu, những nuông chiều nhõng nhẽo. Người lạ hiện đến đột ngột. Khoảng cách rộng thêm từng phút giây. Họ nhìn nhau và cùng cảm thấy mất mát quá nhiều.

Minh nhìn đắm đắm chút cạn rượu thừa trong đáy cốc :

— Quên chuyện đó đi được không cô.

— Có thể quên, nhưng thật mất cả rồi.

— Chuyện đùa, đâu có đáng gì.

— Một hòn sỏi làm ngã được cỗ xe, em biết không?

— Em xin lỗi cô rồi mà.

— Em không có lỗi. Tôi không có lỗi. Không ai có lỗi gì cả. Những điều xảy ra đều ở trong vòng tròn cuộc đời. Nhưng một lần em nói dối, một lần em phản bội, ảo tưởng tôi mong mang theo suốt đời đủ tan rã từ đây. Với em, tôi kiếm tìm và nuôi dưỡng vẻ đẹp tuyệt đối. Bây giờ là hết. Không lỗi ở ai cả. Như lá trên cành, không đủ diệp lục tổ nữa, úa vàng và tự rơi rớt xuống. Trong tình yêu, phần đầu hay bình diện nào của cuộc đời, mỗi người đều vâng chịu một định mệnh cô đơn. Điều mình nhận được của tha nhân nhiều hay ít, tùy ở chất liệu mình dâng trao gửi gắm. Tự ý em đã lià xa khỏi vùng hào quang ảo tưởng của tôi bằng một lần dối trá, một chuyển tách rời. Từ nay tôi lạ em. Chỉ còn kỷ niệm. Kỷ niệm phảng phất sau lớp sương mù ảo vọng.

— Có cách nào hàn gắn...

Trâm mỉm cười lạnh lẽo. Qua ngấn nước mắt mơ hồ và men rượu nồng nàn đến xót xa, Trâm nhìn bàn tay Minh thon dài buông soãi trên mặt bàn, bàn tay bây giờ đã hàng vạn dặm xa xôi...

(Còn tiếp 1 kỳ)

HOÀNG ĐỒNG PHƯƠNG



PHI-CƠ PHẤN-LỰC
VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

SAIGON-HONGKONG
SAIGON-PHNOUMPENH-BANGKOK } 3 chuyến mỗi tuần

bằng *Caravelle*
PHI-CƠ PHẤN-LỰC THĂNG-LỆ NHÚT THỂ-GIỚI

★ NHANH-CHÓNG
★ ỀM-ÁI
★ TIỆN-NGHI

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

BÁCH KHOA

Bản nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA

DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thẻ thức trả tiền _____

_____ ngày _____ tháng _____ 1962

Ký tên

Giá báo dài hạn :

Một năm : 200 \$

6 tháng : 100 \$

- Mua dài hạn Bách-Khoa
- Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.
- Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc chỗ nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.
- rả trước 200 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60\$ (22 số thường 220 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 = \$ 260 \$)
- Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhà trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chỉ phiếu hoặc gửi bưu phiếu.

VỀ GIÀ

TÔI ôm đàn đứng chờ đề qua đường. Người hầu bàn trẻ ngồi trong tiệm ăn, cứ mỗi khi nhìn thấy tôi là lại ngước mắt trông lên hành lang lầu ba căn nhà trước mặt. Hình như hẳn biết rõ tôi đến đây để làm gì. Chắc có nhiều lần hẳn đã nhìn thấy mấy ca sĩ đứng tỉ tay ở lan can.

Bao giờ tôi cũng là kẻ đến đầu tiên. Với một người già lại sắp hết thời, tôi trẻ giờ có thể được kể là rất nặng. Chiếc đàn nằm trong tay yên lặng và dễ thương như một đứa con ngoan. Nó sẵn sàng lên tiếng để nuôi niềm vui của mọi người và nuôi sống tôi. Sáng nay tôi phải chờ đằng sau chiếc xe cũ kỹ đứa con gái và đứa cháu ngoại : một người vợ không chồng và một đứa con không cha. Cây đàn nằm ngang trên tay lái xe. Trách nhiệm nặng nề quá. Đôi vai mình nhô cao dần để khả năng gánh vác thêm xuống thấp. Vốn liếng còn lại đôi bàn tay giá, khô, quần quai lướt trên dây đàn. Mười ngón tay mệt mỏi, cứng dần. Con đường băng qua mười sáu dây đàn đôi khi dài quá và đầy trở ngại. Tuổi già không về riêng với khuôn mặt. Tuổi già hẹn hò với từng đường gân, thớ thịt và làm hại nghề nghiệp của mình không ít.

Chủ căn nhà dưới cùng là một người Tàu nói giỏi tiếng Việt. Tất cả những người lạ bước qua cửa đều được ông cúi chào rất lễ phép. Tôi hỏi to để cho cái bắt tay đỡ nhạt :

— Có ai tới chưa ông ?

Ông ta lắc đầu muốn làm rơi cả kính :

— Chưa, chưa. Chắc họ sắp tới rồi.

Tôi ôm đàn bước lên thang. Phòng thu âm ở lầu ba. Sự ồn ào ngoài đường phố được chặn lại sau cánh cửa dày dưới chân thang. Vì thế, tiếng giầy của tôi vang lên, rõ rệt, vượn cao đủ bốn tầng lầu. Tiếng bước rời rạc, tưởng như nổi cô đơn, sự nghèo khó khăn nằm ngay dưới đế giầy.

Cửa phòng thu âm bật đèn đỏ. Một giọng ngân dài để dứt bài ca văng từ một nơi xa xôi nào lại. Tôi gõ nhẹ vào cánh cửa carton. Cửa mở cùng với cái miệng cười tươi của một nhạc sĩ trẻ mà tôi đã gặp nhiều lần. Tuy vậy, sự thân thiện chỉ vừa đủ khiến chúng tôi chào nhau mỗi khi gặp. Anh ta đang được người đời suy tôn, trọng vọng. Dưới ánh đèn sân khấu, anh ta xoa tóc ôm đàn Tây-Ban-Cầm. Tiếng hát làm chuyển động cả thân thể. Mỗi cử động là một nhấn mạnh cho sự lời cuốn của câu ca. Trên sân khấu anh ta đẹp man rợ, mỗi ngày lại kết nạp thêm được một mớ tín đồ. Bây giờ, tóc anh ta xoa xuống trên cái trán rộng ướt mồ hôi vá ửng đỏ vì quá nóng.

Tôi vừa bước vào anh ta đã đóng luôn cửa lại và ghé tai tôi nói nhỏ :

— Đang thu.

— « Vô đĩa » hả ?

— Không. Một chương trình cho đài phát thanh tỉnh X.

Phòng thu thanh có ba gian. Phòng chính giữa dài nhất là chỗ ngồi của ban nhạc. Chiếc dương cầm được đặt ở một góc nhà sát bên cửa kính phòng ca sĩ. Khắp phòng có rất nhiều ghế và micro. Các nhạc công có quyền chọn lựa chỗ ngồi tùy thích. Máy chiếc bàn gỗ được gói trong những tấm chăn dày. Tiếng động thô kịch đã bị chum chặn kín mít, muốn đặt đồ vật gì lên bàn cũng được. Tường và Trần cũng được lót carton. Chỗ nào cũng chỉ chít đinh. Âm thanh được đóng hộp để thu cho khỏi sót. Chiếc quạt máy độc nhất chỉ hoạt động khi mọi người nghỉ. Hai ngọn đèn sáng màu trắng đục, trải sữa lên những khuôn mặt nữ ca sĩ.

Phòng của các chuyên viên ở gần lan can quay ra đường. Máy móc và ánh đèn làm căn phòng thêm nhỏ, thêm trịnh trọng. Nhưng các tiếng động ở đây lại mất giá. Gần cửa ra vào có để một dãy ghế kê sát tường. Các ca sĩ, nhạc công lúc mệt có thể đến đó ngồi xả hơi, tán dóc hoặc cãi lộn. Âm thanh trên cửa miệng họ lúc đó cũng tầm thường như tiếng động ồn ào dưới đường. Khoảng tường sau mỗi chiếc ghế đều vàng ố. Người ngồi vào ghế khi đứng dậy chợt có cảm giác khó chịu là đầu mình và đầu thiên hạ đều bần thỉu.

Phòng dành cho ca sĩ ẩm cúng, kính đáo nhất. Ở đó, chỉ có máy vi âm làm bạn thân. Phòng nhỏ, hơi tối, vắng. Máy chiếc ghế cũng mang hình dáng già nua, ngồi lên là cảm thấy lạnh và buồn. Ca sĩ tha hồ tưởng tượng đề mà diễn tả. Không gian của bản nhạc phá vỡ bốn bức tường của căn phòng. Mây bay lưng trời, gió thổi về lồng lộng, rừng xanh vang tiếng chim kêu và sóng biển rạt rào. Hát rồi còn nghe tiếng mình hát quanh quẩn trong phòng. Chỉ phiền là bản nhạc ở hơi xa nên các ca sĩ yếu về nhịp hay đảo ngũ hát lang thang một mình. Thu đi thu lại vừa mất thì giờ vừa mệt. Những giọt mồ hôi vắt vắt làm vẻ thanh cao của nhạc cứ nặng nề dần.

Tôi định đi thẳng sang phòng chuyên viên, nhưng chuông báo « sửa soạn thâu » đã bắt đầu reo. Chàng nhạc sĩ trẻ giờ tay làm hiệu cho tất cả yên lặng, Tôi đành bước nhẹ chân trên tấm thảm lót sàn gỗ, và đến ngồi ở gần chiếc dương cầm. Người có phận sự ngược nhìn ngọn đèn hiệu. Người rảnh rang tiếp tục nói chuyện bằng dấu hiệu và cười côm với nhau. Đèn hiệu chợt gọn xanh ở trên khung cửa kính nhìn sang phòng chuyên viên. Ông nhạc trưởng vẫn tiếp tục xông xáo từ phòng ca sĩ sang phòng nhạc, nét mặt nhăn nhó không thay đổi. Tôi nhìn người nữ ca sĩ qua khung cửa kính. Cô ta đợi tiếng nhạc dạo đầu dứt đề bắt đầu cất giọng. Đứng một mình trong phòng với cái máy vi âm không có mắt, cô ta chọn một thế đứng cầu thả nhất. Một tay chống bên sườn, một tay vòng sau lưng, đó là thế đứng của một bà sửa soạn đánh ghen. Chỉ còn vài cử động nghiêng đầu, nhún nhảy được giữ vì quá quen thuộc.

Chàng nhạc sĩ đệm dương cầm còn trẻ tuổi và anh ta có vẻ nóng nảy nhất. Đáng lẽ công việc đã chấm dứt trước đây nửa giờ. Trán anh ta cau lại. Điều gì gây động như bị nhai. Khói thuốc bay lên lúc thừa lúc cuộn cuộn dày đặc. Nhưng bàn tay lướt trên phím vẫn mềm và đẹp. Chàng giữ màng cầm ngồi ngả người ra ghế, mắt mơ màng nhìn lên trần, hình như vừa đàn vừa ngủ.

Ông nhạc trưởng nhìn đồng hồ rồi đến trước khung kính lớn trông sang phòng ca sĩ. Ông đặt tay lên bụng mình và ra dấu cắt ngang. Bản nhạc sẽ chỉ được hát lại có một nửa cho kịp giờ.

Tiếng hát của cô gái bay qua khung cửa mở rộng nhất, thỉnh thoảng lại vang lên những âm thanh quá sắc. Sự rên xiết của lời ca làm rung động con tim giới trẻ nhưng lại làm điếc tai những người già. Ngồi giữa một đám đông đang làm việc, sao mình lạc lõng khôn cùng. Ý nghĩ lạc lõng bám lấy tâm hồn tôi như màu trắng lan dần trên tóc. Lạc lõng trên tuổi tác và lạc lõng trên cả cung đàn. Nếu mình chọn một món nhạc khi ồn ào có lẽ đời mình hẳn vui hơn. Tiếng đàn tranh nhỏ hơn tiếng gió, cần bay dài trong đêm không tiếng động, rớt rề như lời ca con gái cầm cung. Tôi và đàn thường phải đi riêng lẻ.

Tôi đặt đàn lên đùi và lim dim mắt nghĩ ngợi. Nhắm mắt thì đỡ mệt mỏi nhưng thời gian lại chạy chậm. Cái tật nhắm mắt không ngủ này của tôi đã khiến mấy đứa nhỏ nghĩ rằng tôi già và bắt đầu lẩn cẩn. Miễn là còn làm việc được đề trước khi xuống mồ khỏi phải mở mắt nhìn lại mà thương con cháu. Đứa nhỏ xem ra còn khôn hơn thằng bố sở khanh. Đêm nào cũng đòi ôm chân ông ngoại để ngủ. Đang ở tuổi ham khóc mà đã biết ngồi lặng yên nghe ông ngoại đàn. Mẹ nó khổ sở vì hơn nửa đời phải sống bám vào người cha nghèo nên ngược ngạo mỗi khi mở miệng. Quanh năm đối thoại với đêm trường bằng tiếng thở dài. Tôi thích tích trữ những đồng tiền các thỉnh thoảng lại trút sang túi đứa cháu duy nhất. Tưởng làm được như thế thì yên tâm hơn. Thằng nhỏ võ tút, bắt chước ông nó, đề nghe tiếng lác cắc, rồi cười. Cái túi nhỏ hết rỗng đã có vẻ giàu sang. Nhưng chỉ một lát sau thì anh bán cà-rem lại giàu sang hơn nó.

Sáng nay thằng nhỏ lỡ tay làm vỡ kính của ông ngoại. Mẹ nó thẳng tay đập cho mấy roi. Thành ra lúc ngồi sau xe nó không dám ôm lưng ông ngoại. Tội nghiệp quá ! Tôi vừa chăm chú giữ cái đàn trước mắt, trên tay lái xe, vừa thỉnh thoảng, quay lại nhìn nó. Mẹ nó không biết giờ tay bám chặt lưng chồng nên phải cô đơn. Khi có lỗi nó cũng có những cử chỉ chịu đựng, bơ vơ, nhận phần thiệt thòi như mẹ. Nó đặt cả cuộc đời thơ ấu lên đôi tay khẳng khiu của ông ngoại, ông ngoại tìm sự sống trên đàn.

Ánh đèn không sáng đủ. Đôi mắt già nhìn lâu thấy sương mù rơi trong phòng. Cả một khoảng không gian nhỏ hẹp như đọng lại thành một khối thủy tinh đục màu vàng, các màu xanh, đỏ, nâu nhảy nhót trong đó.

Tôi ngủ chập chờn giữa các âm thanh. Cho đến lúc chiếc dương cầm nhỏ giọt từng nốt nhạc trong vát và tiếng khâu cầm cuộn cuộn, nước lên, vút đi xa dần đánh dấu chấm hết cho bản nhạc cuối cùng, tôi tỉnh hẳn. Đoàn người thu một chương trình phát thanh đã xong nhiệm vụ. Họ thu xếp đồ đạc trong chóp mắt và hấp tấp ra về. Việc reo rắc âm thanh đôi khi khẩn cấp không thua gì việc chữa lửa. Các ca nhạc sĩ nổi danh phải chia đời mình ra làm năm sáu khúc để phục vụ các bản giao kèo. Suốt ngày phải vật lộn với thời gian mà đến đâu cũng được nghe kêu : « Đến trễ quá ! »

Tiếng guốc khua trên cầu thang nhanh và rộn vọng qua khung cửa mở toang của phòng ghi âm. Tôi nhận ngay ra bước đi của Hoàng Chi, một nữ ca sĩ nổi tiếng từ lúc nhỏ. Dáng bước còn hồn nhiên, tung tăng đầy dấu vết học trò. Vừa thấy người là đã thấy đôi mắt búp bê mở tròn, trong sáng. Hôm nay cô bé sẽ ghi vào đĩa một bản nhạc mang mang tình hoài cổ. Bản nhạc hay, và khó. Ít nhất cô bé cũng

sẽ phải đứng trong phòng dành cho ca sĩ vài giờ liền công việc mới hoàn tất được. Hoàng-Chi hỏi :

— Mới có mình bác tới sao ?

Trong chiếc áo màu da báo lốm đốm với chiếc jupe xanh lơ, Hoàng-Chi có vẻ bé nhỏ, xinh xắn không khác gì hai năm trước đây, lần đầu tiên nó đến hát trong ban nhạc này. Đôi cánh tay trần của Hoàng-Chi vung lên trong một cử chỉ tuyệt vọng khi tôi trả lời :

— Bác tới sớm nhất.

— Vậy mà cháu cứ tưởng trễ giờ rồi. Ai ngờ, cháu đứng hạng nhì.

Tôi mở bao đàn ra rồi đặt chiếc đàn tranh lên cái hộp kim loại, phía dưới có đặt máy vi âm. Hoàng-Chi ngồi xuống cái ghế đặt bên chiếc dương cầm, giờ bản nhạc, tập ngâm nho nhỏ. Mái tóc xõa che nửa khuôn mặt cúi xuống. Hai lọn tóc được buộc bằng hai sợi dây thun tỏa ra. Hai sợi dây trang điểm này vừa giản dị vừa ngộ nghĩnh. Cô học trò còn thẳng thẽ cô ca sĩ nhiều lắm.

Tôi vừa đặt tay lên dây đàn thì Hoàng-Chi đã đứng bật dậy :

— Thôi bác. Mình ra lan can đứng cho mát. Chờ mấy người tới rồi dượt lại. Trong này nóng quá.

Bỏ đàn, tôi theo Hoàng-Chi ra ngồi ở dãy ghế trong phòng chuyên viên, sát bên lan can. Dãy phố này phần nhiều người Tàu ở. Máy căn nhà ở trước mặt đều cao, kiến trúc kiểu cổ. Tầng nào cũng có năm sáu cây cột lớn chống đỡ. Mỗi tầng lại có một bàn thờ treo lơ lửng trên tường. Giấy đỏ được dán khắp nơi. Hương khói phong phú hơn của một ngôi chùa.

Hoàng-Chi chồm hẳn lên thành lan can, nhìn xuống đường, than thở :

— Làm việc với nhiều người thật khổ. Ai trọng lời hứa, đến đúng giờ lại đâm ra bị thiệt.

Tôi kêu khẽ :

— Đừng đứng vậy. Té chết.

Hoàng-Chi đứng thẳng lại, rùn vai một cái. Nó luôn luôn ngoan ngoãn nghe lời tôi. Một già một trẻ. Tôi thương Chi vì được kính trọng, vì đối với nó tôi chưa phải là người sắp bị sa thải. Chi bám víu và tin tưởng ở tôi để tránh các cạm bẫy của nghề nghiệp. Sự sa ngã nằm ngay trên những khuôn mặt mình gặp hàng ngày. Khuôn mặt nào cũng đẹp, lời ca nào cũng hay. Sức hấp dẫn đã lên tới tột đỉnh.

Ở khoảng từng gần nóc căn nhà trước cửa có viết hai chữ « Trung hưng » thật lớn. Họa sĩ đã cố gắng ghi lại từng nét sắc, từng gợn mực nhỏ của bút lông. Hai chữ hình như được viết thẳng vào tường bằng một cây bút khổng lồ, dưới một bàn tay tài hoa.

Ông nhạc trưởng đã đến, lướt nhẹ tay qua phím dương cầm. Với một thân hình cao lổng khổng, ông ta lúc nào cũng có vẻ bơ vơ lạc lõng giữa lưng trời. Khi ban nhạc buồn, ông ta kể các chuyện vui, để mọi người hăng hái dễ chịu. Khi mọi người vui, ông ta nhăn nhó, cúi kính. Cứ như thế, ông giữ thẳng bằng cho sinh hoạt của phòng ghi âm.

Tôi trở vào ngồi đàn. Ông nhạc trưởng giao cho tôi một khúc nhạc ghi trên mảnh giấy nhỏ và dặn :

— Bác vào đầu bằng khúc này, khi Hoàng-Chi ngâm thơ bác họa theo. Hân bắt đầu hát đoạn hai bác « đi theo » liền. Nhớ chưa?

Ông ta nhìn thẳng vào mặt tôi rồi liếm môi ngăn ngại, thiếu tin tưởng. Tôi cũng chẳng ưa gì bàn tay khô cong của mình đang đặt trên những sợi dây đàn mỏng manh.

Mọi người đến đông đủ khi nét mặt ông nhạc trưởng đã nhăn hết cỡ. Danh ca Trần-Duy, tác giả của bản nhạc, cũng đến với ông chủ hãng đĩa. Anh muốn có mặt khi đưa con tinh thần của mình được buộc chặt vào mặt nhựa. Ở con người đó, cái gì cũng sáng sủa, đẹp và quyến rũ. Giọng ngân, dài của Trần-Duy vẫn giữ ngôi độc tôn trên thị trường âm thanh. Lời ca gọi sâu quá vắng, đôi lúc như an ủi mọi người với những âm trầm gòn gợn. Tiếng ngân kết thúc glăng dài đến làm nghẹn hơi người nghe.

Trần-Duy chào mọi người với nụ cười thật tươi. Có lẽ vì sắp sửa bị nhốt chung trong một căn phòng nên mọi người tỏ ra thương yêu nhau hơn.

• Hoàng Chi kêu.

— Bản nhạc này có nhiều chỗ khó quá.

Ông ta giơ tay ra lệnh. Cuộc tập dượt bắt đầu. Đàn tranh của tôi lên tiếng trước nhưng nghẹn lời ngay. Ông nhạc trưởng kêu :

— Chậm quá.

Trên đàn này, mỗi âm thanh là một thể glori mềm mại, người ta không thể gom chúng lại để chúng chen lấn nhau một cách xô bồ. Tôi cố gắng lần thứ ba mới đạt đến độ nhanh vừa ý. Tiếng dương cầm xốn xang đuổi theo.

Cuộc tập dượt chưa kéo dài đủ hai lần thì người chuyên viên đã nói to :

— Thu nhé. Muộn rồi.

Anh ta đóng hết các cửa và kiểm soát lại các máy vi âm, các đường dây. Chàng nhạc sĩ giữ nhịp vẫn tiếp tục cười với Hoàng-Chí. Hắn còn trẻ, luôn luôn bày ra những trò lạ lùng. Có hồi hắn đề râu quai nón, ăn nói lừng khừng, ngang bướng. Có hồi hắn đề tóc bù xù không thêm chải. Ngay cả lúc làm việc với ban nhạc hắn cũng không chịu theo qui luật cho đảng hoàng. Ở sân khấu hắn được giới trẻ tôn thờ vì sự phá hoại đó. Vào phòng vi âm, hắn vẫn muốn giữ ngôi Vua. Hắn bỏ túi trống và rút ở trong túi áo ra một khúc củi ngắn, nhỏ rồi tuyên bố :

— Đập bằng cái này tiếng trống sẽ truyền cảm hơn.

Điều quan trọng nào cũng được hắn trình bày như một trò đùa. Hoàng Chí nói :

— Chú đập nhẹ tay chút. Tiếng trống lớn thế, ai mà hát đua nổi

— Cháu cứ việc rống lên. Ai cấm ?

Hoàng Chí tức giận chạy lại hét vào tai hắn một tiếng. Chàng đánh trống không thêm bịt tai, tỉnh khô :

— Bài ca gì mà có nốt cao thế hở cháu ?

Chuông báo hiệu sửa soạn re lên một hồi dài. Hai chuyên viên hiện ra ở phòng ngoài, sau khung kính, vẻ chờ đợi, sốt ruột. Ông nhạc trưởng giơ bàn tay phải lên :

— Im lặng. Thu,

Hoàng Chí chạy về phòng ca sĩ. Chàng nhạc công trẻ mơn man mặt trống. Tới đặt một ngón tay vào dây «sang» để sửa soạn đánh nốt đầu tiên. Sau hồi chuông thứ hai, đèn hiệu bật sáng.

Đoạn nhạc bật lên đột ngột như không phải do chính tay mình tạo ra. Tiếng ngân cuối cùng của đàn tranh vừa dứt, ông nhạc trưởng nhòm người trên ghế và dương cầm đi theo bằng những nốt trong suốt, vững vàng. Bỗng ông ta lắc đầu nói to :

— Chưa được. Làm lại,

Đèn hiệu tắt. Thân hình các nhạc công vừa căng lên, bây giờ mềm trở lại. Ông nhạc trưởng quay bảo tôi :

— Hai nốt cuối, bác vẫn đánh chậm. Nghe đây này.

Tôi dựa theo tiếng dương cầm của ông ta để dượt lại khúc nhạc.

Tâm hồn và tình yêu âm thanh bay đi nhường chỗ cho một sự bất chước vụng về.

Lần thu thứ hai, đàn tranh đi chót lợt. Ông nhạc trưởng vừa gật gù vừa đệm đàn. Thân hình ông ta nghiêng ngả, chuyển động trước đàn vừa dịu dàng vừa đẹp. Ông ta giống như một trái bóng chứa khinh khí đang bị xao xuyến vì các âm thanh. Mỗi nốt là một hơi gió thoảng cao vút lưng trời, một giọt nước sáng rơi trên thủy tinh, Măng cầm, Tây ban cầm, kèn... phụ họa thành khúc nhạc dạo đầu. Từ lúc này tôi được nghỉ ngơi và mang ít trách nhiệm. Khi đi chung với các nhạc khí ồn ào khác, đàn tranh giống như một ông già lặn giữa một đám đông đang hò hét. Ông già bị chìm xuống. Có thể, nếu chú ý tìm, người ta cũng sẽ thấy thoáng bóng ông ở đâu đó, chập chờn ẩn hiện nơi này, nơi nọ. Thường thường người ta chỉ cảm biết có sự hiện diện của ông mà chẳng hề thấy mặt.

Hoàng-Chi cất tiếng hát. Cả gian phòng như bị cuốn theo câu ca, trôi dấn về quá khứ. Ngoài đời con bé nhí nhảnh, dễ thương như một con chim non. Nó gieo rắc tiếng cười hồn nhiên, sự đùa nghịch ngây thơ ở khắp nơi. Đôi mắt sáng, êm dềm và vui vẻ như một buổi sáng ấm, trời không mây. Mái tóc xõa còn chưa dứt được hai sợi dây thun học trò. Đôi môi nhỏ khi hát duyên dáng như đang ngậm một cánh hoa, lúc nào cũng sẵn sàng mỉm cười. Bị nhốt vào phòng ghi âm với các nhạc công đáng tuổi chú, bác, nó buồn. Khi thoát ra là chạy tung tăng đây, đó. Vậy mà giọng ngâm thơ, tiếng ca của Hoàng-Chi mang mang tình hoài cổ, gợi buồn bằng khuông như nắng trời chiều. Tiếng ca mang trên vai nổi sầu của hàng bao thế kỷ. Giọng ngâm quí phái, trong veo không một vết gợn đưa người nghe bay lướt trên những lâu đài, thành quách hoang phế vào một đêm trăng mờ.

Một chàng trai ở cạnh nhà tôi say mê giọng ca truyền cảm đó. Như tất cả các chàng say mê ca sĩ, hắn bỏ cả việc học hành để nghiên cứu cách viết thư ca tụng và tán tỉnh. Mỗi tình tha thiết được đền đáp bằng một tấm hình 6 x 9 chụp toàn thân. Bóng dáng người đẹp nhỏ xiu, tươi cười đứng giữa năm sáu ông nhạc công mặt mũi ghê gớm ghiếc, khó mê. Hắn bỏ ra cả nửa ngày để dùng kéo tách riêng người đẹp ra, dán vào tập lưu ảnh, vẽ hoa lá, cây cối xung quanh. Bọn người mê ca sĩ thật khổ. Vừa tốn tiền mua đĩa hát vừa không thể nào dứt tình được. Ở bất cứ nơi nào cũng bị tiếng ca quen thuộc vây phủ, hành hạ tình cảm.

Đang ca, Hoàng Chi bỗng kêu to :

— Kỳ quá. Chú này...

Rồi nó bật cười. Đèn hiệu phụt tắt. Dương cầm không kịp phanh còn chạy thêm vài nốt vô ích. Tất cả quay nhìn anh chàng giữ trống. Anh ta lại sáng tác một trò mới : vừa đánh trống vừa lắc lư đầu như lên đồng, chân trái giật lên như mắc bệnh thần kinh. Khi mọi người nhìn, hẳn nhìn lại ngạc nhiên, vẻ như chẳng hiểu gì, Ông nhạc trưởng kêu :

— Thôi cha; Muộn rồi, rồn mãi.

Thu lại. Tôi vào khúc đầu hồng ba lần liền. Vẫn trật nhịp. Đàn tranh sinh ra là để tạo âm thanh trầm tĩnh đồng phương. Ông chủ hăng đĩa thờ dài, nhìn tôi mệt mỏi, Ông ta còn để tôi ngồi đây chắc chắn không phải vì chịu tài đàn của tôi. Tôi nghĩ đến những thính giả còn lưu luyến tiếng đàn tranh và cảm động. Đám người mộ điệu đó đã tạo thành một áp lực ngầm khiến người ta phải nhận sự cần thiết của đàn tranh.

Lần thứ tư đang trôi chảy bỗng tiếng chuông báo ngừng thu ré lên hai hồi. Hoàng Chi quay mặt vào tường, rầy rầy :

— Trời đất !

Mọi người ngơ ngác nhìn ông nhạc trưởng. Ông nhạc trưởng chầm một điệu xì gà, chờ đợi. Cửa phòng chuyên viên bật mở, Trần Duy bước vào :

— Cháu Hoàng-Chí này. Nốt trầm ấy cháu xuống hư rồi, phải giữ cho lời ca vẫn rõ chứ.

Hoàng Chi hăng giọng rồi ngoan ngoãn ca thử lại đoạn nhạc trầm nhiều lần theo Trần-Duy.

Cánh tay trái của tôi mỏi rồi, đau nhức từ vai tới khuỷu tay. Những lần lái xe gắn máy đi quá lâu tôi cũng bị đau như thế. Làm việc ba giờ liền không nghỉ là một điều chẳng thích hợp với sức khỏe của một ông già. Nhưng các đồng nghiệp của tôi thì lại sẵn sàng chịu đựng đủ bốn tiếng. Mỗi lần cánh tay mỏi, bàn tay trái « rung » kém hẳn. Nốt nhạc mềm quá lỗ. Tuy nhiên, khi Trần Duy đi ra, cuộc thu lại bắt đầu, tôi qua lọt.

Chú ý săn sóc tay trái, không hề sơ hớ lại nằm ở tay phải. Hoàng-Chí dứt tiếng hát khúc đầu, sửa soạn ngâm thơ. Các nhạc khí khác nín thính nhường chỗ cho đàn tranh. Ông nhạc trưởng quay nhìn tôi phất tay làm hiệu, Bàn tay phải của tôi lướt qua ba nốt nhạc, nhưng ở nốt thứ tư, móng tay tôi hơi vướng lại, chạm nhẹ vào dây dưới, thừa một nốt nhỏ. Tôi tưởng chỉ riêng mình nghe thấy cái nốt lạc loài, vô duyên đó, muốn bỏ qua luôn. Nhưng chuông đã kêu rè rè, đèn hiệu tắt.

Trần-Duy mở cửa phòng chuyên viên nói vọng vào :

— Ông già ời, làm gì có nốt lách chỗ đó ? Làm lại thôi.

Chàng trẻ tuổi giữ trống ngồi dưới chân như muốn nằm dài ra ghế, trống kẹp giữa hai đùi. Hắn đã có vẻ chán cái trống. Vừa ngửa tay gõ nhẹ mặt trống hắn vừa than :

— Xem ra kim, cò khó giao duyên thật.

Chàng ôm Tây Ban Cầm đặt một tay lên vai tôi :

— Cố gắng lên chứ. Thu đi thu lại mệt quá.

Ông nhạc trưởng không còn úp mở, giữ ý tứ như trước, ông kể thẳng cái lỗi của tôi.

— Bác yếu về nhịp quá. Tiếng đàn nhiều lúc rất nhỏ, không vững.

Tôi liếc nhìn trộm ông chủ hãng đĩa. Ông ta tỉ tay lên cầm đang dăm dăm nhìn tôi, miệng hơi hé, môi trên nhếch lên. Tôi bị khinh thị quá thế này chẳng hiểu có phải tại thiếu cặp kính không ? Tôi vẫn nhìn rõ. Óc tôi vẫn vang lên thật đáng đoạn nhạc phải đánh nhưng bàn tay thì quá tệ.

Hoàng Chi chạy ra khỏi phòng ca sĩ. Trán nó đã lấm tấm mồ hôi vì nóng, mệt, thấy mọi người đang xúm lại chỉ trích tôi, nó nói :

— Tại bác ngồi xa không nghe rõ tiếng cháu ca nên đàn sai.

Rồi Hoàng Chi đề nghị tôi đem đàn vào ngồi cạnh chỗ nó đứng. Ở gần một người chưa ghét mình dù sao cũng là một điều dễ chịu. Tôi ôm đàn đi theo nó.

Tôi than khẽ với Hoàng Chi :

Lỗi có phải ở một mình bác đâu.

Hoàng Chi gật đầu, nhưng vẫn chăm chú vào bản nhạc trước mặt. Việc thu vừa tiếp tục nó đã bị khớp hai lần vì mệt.

Lần sau cùng, giọng ca Hoàng-Chi lại đầy đủ phong độ truyền cảm. Tôi bình tĩnh hơn. Ngồi gần nó, bị lời ca cuốn vào không gian mênh mang sâu muợn của bản nhạc, tôi đàn một cách khá say mê. Tôi nhớ đến vẻ bình tĩnh, nghiêm trang của người thầy đã dạy tôi đàn. Lúc nào ông cũng mặc áo trắng, khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu. Khi ông cúi xuống đàn, hình như mỗi âm thanh đều được nâng niu, quý trọng. Ông ta đàn và cả người nghe đều như được nâng cao lên. Thế giới trong âm thanh như được dựng bằng thủy tinh trong suốt. Tôi, tôi đã để cho đàn mình bị lấm ất, vẩn đục, lép vế. Nỗi buồn làm lạnh chân tay, mờ cả mắt.

Đèn hiệu tắt khi Hoàng-Chi chấm dứt tiếng ngân trầm cuối bài. Cửa phòng chuyên viên mở. Trời đã quá trưa nhiều. Dãy nhà bên kia đường sáng lóa. Điệu xi gà của ông nhạc trưởng chưa hết, ông

đứng hút nốt bên đàn. Chàng nhạc công đánh trống tươi cười như vừa qua một giấc ngủ ngon.

Ông chủ hãng đĩa chăm chỉ giũa tiền công trên mặt chiếc bàn gỗ bóng. Tác giả bản nhạc đã lãnh trước. Hoàng Chi nhận hai ngàn. Tôi nhận con số thấp nhất : hai trăm. Phần công Hoàng Chi phong phú và cao như giọng ca trời cho của nó.

Phần tôi đã ít, lúc nhận còn có vẻ khó khăn. Ông chủ hãng đĩa nhìn tôi rồi quay lại bảo ông nhạc trưởng :

— Thứ ba tới cũng thu một bài có ngâm thơ. Hôm đó ông nên cho phụ hoạ bằng tiếng sáo.

Ông nhạc trưởng trả lời bình thản :

— Được Đàn tranh hay sáo thì cũng vậy.

Hoàng Chi nhìn tôi rồi phản đối :

— Cháu thích ngâm với tiếng đàn tranh của bác Hoài.

Tôi ôm đàn ra về. Hoàng Chi cũng xách ví chạy theo. Trẻ nhỏ biết thương hại người già. Tôi nhớ đến đứa cháu nhỏ nghèo, chắc còn lâu lắm túi nó mới có tiền các đề làm giàu cho mấy anh bán cà-rem.

Hoàng Chi bảo :

— Hôm nay bác về bằng taxi với cháu nhé. Đi xe buýt mệt chết.

Tôi trả lời :

— Bác đi xe của cháu hàng mấy chục lần rồi còn gì.

Hoàng Chi giơ bàn tay phải lên phẩy mạnh, giẫy nảy :

— Đằng nào cháu cũng đi qua gần nhà bác. Và lại, bác ... nghèo hơn cháu mà.

Hoàng Chi vẫy xe, giành ôm đàn cho tôi. Con đường trưa nắng, kéo dài ánh chói chang mặt trời : Một tờ chương trình chiếu bóng bay quẩn vào chân tôi rồi rời ra, nhích từng bước dọc theo lề đường. Tôi ngồi thu mình trên đệm xe nhìn đường, nhìn nắng. Hai bàn tay gầy, khô như cò nhom nhóp mồ hôi.

Hoàng-Chi đặt đàn của tôi lên ngang đùi, nhìn vào kính chiếu hậu, vuốt lại tóc rồi an ủi :

— Cháu chỉ thích bác đệm đàn khi cháu ngâm thơ.

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Bách-Khoa đã nhận được :

Thái độ chúng ta đối với nền văn minh cận đại Tây phương (Trần Quang Trung) Đường sông (Hy Vũ) Tình yêu của đêm (An Di) Mùa xuân con gái (Ngô Lê Tư) Giao thoa (Yến Nguyên Thanh) Bi ca mùa xuân (P. Đăng Trình) Việt Nam chúng ta (G. T. Linh Phượng) Xa thành đô... (Hoài Diễm-Từ) Xuân đến bao giờ (Lương Trọng Minh) Chiều Thu nhớ mẹ (Thu Trang) Thân Phận (An-Châu-Lan) Trưa xóm nghèo (Trùng Khanh Hoàng Vương) Chứng tích (Hán Nhược Thiệp) Gót chân đại lục (Hương Linh) Hịch tháng 10... (Kiền Uyên) Thơ cho người em hậu phương (Thái Duy Thanh) Riêng tư (Sao ngàn) Trăng tình sử... (Lệ sử) Trời đêm đông... (Trương Tấn Khương) Chưa về (Trịnh Văn Thảo) Khoảng trống... (Minh Sa) Sang thăm... (Tô Dã Chân) Thú tội... (Lê Văn Trung) Tiềm thức (Anh Tâm) Từ xa em (Lê Văn Trường) Khi về tối (Mặc Duy Thanh) Nhìn lại (Mây trùng dương) Lăn về quê ngoại (Hoài Bão) Niềm đau trước mặt (Kiều Uyên) Ngày trước chiến tranh với dân Esquimaux (Vũ Huy) Thơ và đời sống (Lan Sơn Đài) Thơ (Đỳnh Trầm Ca) Giấc ngủ nụ cười (Chu Vương Miện) Cho một người em (Thái Ngọc San) Dạ Từ (Bùi Đoàn)

Không qua (Mai Lê Văn) Lên Đường... (Phan Nghĩa) Cát vàng lối cỏ (Thái Duy Thanh) Một đêm trăng buồn (Trúc Lang) Thơ (Triệu Cung Tinh). Giữa sương mù núi tuyết — (Trong Sương Lam) Chuyện tình của Lan (Dã Thảo) Gọi về... (An Di) Quê hương (Hoài Bão) Nhật ký một đời người (Trần Nho Thảo) Hiện-sinh (mây trùng dương) Tiếng thời gian (Hải Bằng).

Hộp thư

— Cùng các bạn hỏi về máy cắt chữ ở Qui-Nhon. Chúng tôi xin nhắc lại : ngoài những điều mà các bạn đã được nghe qua cuộc phỏng vấn thâu thanh tại Đài phát thanh Qui-Nhon và Saigon, nếu các bạn còn cần biết thêm về chi tiết gì nữa, xin cứ viết thư hỏi người sáng chế là ông Nguyễn-Chi-Thống, 148 Phan-Bội-Châu, Qui-Nhon.



SÁCH BÁO MỚI

— **Nhà văn hiện đại** (thân thể và sự nghiệp) cuốn thứ nhất của Nguyễn-Hữu-Trình, và Hình-Hữu-Ích, do Tân-Phương xuất-bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 154 trang, gồm thân thể và sự nghiệp của 12 nhà văn nhà thơ hiện đại có hình ảnh, giá 65 đ.

SINH HOẠT

Mùa giải thưởng văn chương ở Pháp

Cuối tháng 11 vừa qua, ở Pháp có bốn giải thưởng văn chương được công bố. Hai giải thưởng Goncourt và Renaudot về tay hai nhà văn trung niên, 39 tuổi; giải Fémina phát cho một văn sĩ lão thành 60 tuổi; còn giải Médicis thì trao cho một người con gái chưa tới ba mươi, về mặt lại còn trẻ hơn tuổi tác nữa.

Tất cả bốn giải thưởng hình như đều xứng đáng cả, nên không gây phản đối, xôn xao, thắc mắc gì: giới phê bình hài lòng, các tác giả mừng rỡ... mọi việc xảy ra đều đẹp đẽ.

Giải Goncourt

Một thanh niên Pháp, tên là Avit vừa bị vợ bỏ. Chàng ta sang Phi-châu, làm việc ở một quốc gia na-ná như xứ Congo. Sự tình oái oăm khiến cô vợ cũ của chàng — Laurence — cũng tới xứ ấy. Nàng là nhân tình của một bộ



George Conchon

trưởng tại đây, ông Patrice Doumbé. Hai người đàn ông, một người đàn bà; hai người da trắng, một người da đen, sự đụng chạm vì ái tình, sự xung khắc của màu da; những va chạm về tâm lý, những mâu thuẫn về chánh trị v.v...; bấy nhiêu rắc rối làm ra tình tiết một cuốn truyện hấp dẫn. Rồi bộ trưởng Doumbé bị ám sát,

chàng Avit lại mang cô vợ (hai lần cưới 1) về Âu-châu.

« Hoa mỹ, khác biệt, nhưng mà phong phú, linh động và đột ngột, cuốn truyện ấy có tất cả mọi cái hay của loại truyện » R.M. Albérès đã nhận xét như vậy về cuốn *L'état Sauvage* của Georges Conchon từ trước khi cuốn này được xét thưởng (1).

Cuốn truyện, ngoài giá trị «truyện» còn nêu lên rõ rệt một vấn đề. R. M. Albérès thì chú ý đến cái «thảm kịch của người đàn bà », người đàn bà dưới con mắt đàn ông, trước sự thèm muốn của những người đàn ông, (người-dàn-bà-đối-tượng chứ không phải người-dàn-bà-chủ-thể, nói theo Sartre).

Còn đối với tác giả, G. Conchon, thì vấn đề đáng chú ý hơn cả trong tác phẩm là vấn đề chủng tộc, kỳ thị chủng tộc. « Tôi khám phá được ở bên Phi-châu một vấn đề chủng tộc trùng hợp ; ban ngày tôi làm việc với người da đen, vốn thù ghét da trắng, tối đến, tại câu lạc bộ, tôi gặp những người da trắng, vốn không ưa gì da đen. Sau hai tháng, tôi đâm chóng mặt... Trong tác phẩm của tôi, cái gì hoang dã hơn hết không phải là cái mà người ta nghĩ : tình trạng hoang dã ở trong mỗi chúng ta. (2)

Mỗi chúng ta ? Mỗi chúng ta đều có óc kỳ thị chủng tộc ? Vâng, G. Conchon đáp thế. Ông cho rằng một người có thể tự cho mình phản đối kỳ thị rất thành thực, nhưng đến khi nghe cô con gái cưng của mình tỏ ý

lấy chồng da đen thì cũng đâm bối rối. Trả lời cuộc phỏng vấn của G. d'Aubarède (3), ông cho rằng tốt hơn là mỗi chúng ta nên thẳng thắn nhìn nhận cái chút kỳ thị nằm trong chỗ tiềm thức của mình để mà phòng ngừa, đừng cứ dương dương xưng là tiên bộ, để rồi một ngày kia lỡ gây ra chuyện đáng tiếc.

G. Conchon viết văn đã mười năm nay, in đã bảy cuốn truyện, được khen ngợi đã nhiều : cuốn *Les grande lessives* được R. Kemp tán thưởng, cuốn *Les honneurs de la guerre* được giải thưởng Fénélon năm 1956, cuốn *La corrida de la victoire* được giải thưởng các thư quán (prix des Libraires, năm 1960) cuốn *L'Esbroufe* được giải thưởng Volcans, năm 1961. Những vinh dự ấy không làm cho G. Conchon bớt quỳnh quáng khi hay tin được giải Goncourt (*J'étais à ce qu'on appelle la joie*) (3).

Các ông hàn Goncourt đọc truyện rành, nhưng người ta vẫn ngại cái tính kỹ càng, cẩn thận của các ông. Bởi vậy, năm 1926, một nhóm ký giả trong khi xem xét chờ đợi công bố kết quả giải Goncourt, bỗng nảy cái sáng kiến đặt ra một giải thưởng khác để chữa lại bớt sự dè dặt của viện Hàn Lâm Goncourt : đó là giải Renaudot.

(1) Trên *Les Nouvelles Littéraires*, số ra ngày 15-10-1964.

(2) *L'Express*, 30-11 đến 6-12-1964.

(3) *Les Nouvelles Littéraires*, số ra ngày 26-11-1964.

Lần này, quả nhiên sự chọn lựa của của giải Renaudot bạo dạn hơn giải Goncourt nhiều.

Giải Renaudot

Jean-Pierre Faye đậu thạc sĩ triết học, làm thơ, viết kịch, viết tiểu-thuyết. Nhưng giấc mơ của ông ta là được làm thợ rừng (tạp chí *Réalités* số ra tháng 10-1964 có đăng bức ảnh ông ta chống búa đứng oai phong như Tiết-Cương). Ông bảo rằng : «Đó là một nghề vừa lao động vừa dễ vương. Người thợ rừng tự mình chọn cái nhíp, cái điều đốn cây của mình, thanh thời và nhíp nhàng». Ai bảo đốn cây là khổ !

Trong vòng sáu năm nay, ông cho xuất bản năm cuốn tiểu thuyết. Cuốn cuối cùng, *L'écluse* là cuốn được coi như sáng sủa hơn cả, dễ dàng hơn cả ; nhưng đó cũng là cuốn truyện học búa hơn hết trong số bốn cuốn được giải thưởng Goncourt, Renaudot, Médicis và Femina năm nay.

Truyện xảy ra ở Berlin, nói về tình cảnh phân chia của Berlin ; thế nhưng không có một lời nào trong tác phẩm chỉ thị rõ rệt tên tuổi thành phố này. Nhân vật chính là một cô gái, tên Vanna, yêu một chàng trai tên là Ale, Chàng lấy vợ. Ít năm sau, họ lại gặp nhau, yêu nhau, rồi chàng lại có người khác : nàng càng đau đớn hơn. Cuối cùng, họ lại gặp nhau lần nữa ; nhưng lần này thì chàng bị tử nạn vì xe hơi. Duyên số tiền định mà đau thương.

Nhưng đó chỉ là một phương diện của cuốn truyện. Nhân vật không tên



Jean-Pierre Faye

của tác phẩm, cái thành phố qua phân nọ, mới là quan trọng. Vanna sống ở Berlin, nàng có những liên hệ với cả hai khu vực Đông và Tây Berlin, thành phố có một mặt là tối tăm và sa-mạc, đổ vỡ, một mặt là ánh sáng ; một mặt xa hoa hào nhoáng, một mặt trầm tư khắc khổ... Hai mặt của Berlin cũng là hai khía cạnh của tâm hồn mỗi người dân ở Berlin ; và... không ở Berlin. Bức tường nọ không phải chỉ ngăn cách một thành phố, hậu quả của ngăn cách vang dội đến từng tâm hồn. Mà không phải chỉ ở Berlin thôi đâu : Ở Jérusalem trước kia, ở Hoa - Kỳ, ở Paris mới đây, ở Trung-Hoa, ở Đại-Hàn bây giờ... tình trạng chia cách, bất tương thông ấy là một hiện tượng phổ biến. Vì thế mà tác giả không muốn thành phố trong tác phẩm mình mang một danh hiệu rõ rệt : mang tên Berlin, nó sẽ hạn chế sự tưởng tượng của một độc giả Pháp, Trung-Hoa... chẳng hạn.

François Wahl, giám đốc văn học của nhà xuất bản le Seuil đã giới thiệu *L'éclyse* là cuốn truyện nói về hiện tượng « bất tương thông, căn bệnh chủ yếu của con người hiện nay ».

Nhưng dù đề tài là vấn đề gì đi nữa thì giữa tác giả và độc giả cũng phải có sự hiểu nhau, thông cảm, « tương thông » chứ ! Về chỗ này, J. P. Faye có những ý kiến trái nhau. Có khi ông quả quyết rằng mình chống lại với sự tối tăm của Robbe Grillet. « Trái lại, tôi nhất định làm cho tất cả thành hiển nhiên. Cái thực tại ấy tôi muốn cho người trông thấy nó, cái thực tại mà tôi muốn diễn tả càng rõ ràng càng hay ấy ». (4) Có khi bị phản nản về tính cách quá bí hiểm của những cuốn truyện mình viết ra, J. P. Faye trả lời : « Tôi tưởng độc tôi không nên thắc mắc lắm, cứ như người ta xem tranh trừu tượng vậy » (5)

Giải Medicis

Monique Wittig hăm chín tuổi, được Jacqueline Piatier (6) khen là còn trẻ măng như đứa con gái bé. Cuốn *L'Opoponax* của cô là tác phẩm đầu tay. Vậy mà cô đánh bại ngay nhiều địch thủ kỳ tài. Con gái như vậy, ở đời được mấy tay ? *L'Opoponax*, bề ngoài cũng có vẻ giản dị, « ngây thơ », hiền lành như tác giả. Đây chỉ là câu chuyện một đoạn đời ấu thơ, chuyện một cô gái từ ngày học mẫu giáo cho đến khi ra trường. Chỉ có vậy thôi. Năm tháng lần lượt trôi qua, đứa bé nhìn đời với con mắt dần dà đổi khác. Thoạt tiên là những trò



Monique Wittig

ngịch-ngợm, đùa giỡn, những toán cộng, toán nhân, những kỳ nghỉ hè, những cô giáo v.v... Một cô bé bạn, một ông chú, một cô giám thị v.v... qua đời. Rồi thì đến tuổi tâm tình, tuổi các cô đọc thơ, chép thơ, và... làm thơ. Tâm hồn cô gái, trong tác phẩm, từ từ chín mùi như trái cây.

Thoạt nghe qua thật giản dị. Nhưng tác phẩm không dễ dãi như ta tưởng. Monique Wittig trẻ mà không hồn nhiên. Trái lại, nghệ thuật cô là kết quả của tính toán cẩn thận, chín chắn. Tác phẩm của cô có những chương dài

(4) *L'Express* số từ 30-11 đến 6-12-1964.

(5) Phòng văn của Jeanine Delpech trên *Les Nouvelles Littéraires* số ra ngày 26-11-1964.

(6) Trên tạp chí *Le Monde*, số từ 19 đến 25-11-1964.

dằng dặc, chữ đen kịt, rất ít đối thoại, ít sang hàng; lời văn tiếp diễn liên miên để diễn tả dòng đời xuôi chảy miên tục. Rồi thì cái nhìn lúc chủ quan lúc khách quan, vai trò của người kể chuyện lúc gián tiếp lúc trực tiếp, sự nhận thức lúc ngây thơ của cô bé Catherine Legrand, lúc lại sâu sắc của tác giả..., những cái ấy lẫn lộn, làm cho *L'Opopanax* thành ra một tác phẩm khó.

Nhưng tại sao lại *L'Opopanax*? Tên gì vậy?

Tác giả đáp: « Điều làm tôi ngạc nhiên là mọi người đều hỏi tôi tại sao tôi chọn nhan đề ấy. Tuy nhiên danh từ ấy không phải do tôi tưởng tượng ra, đó là tên một thứ cây. Đối với tôi, nó gợi lên sự bí ẩn, lạ lùng, xa lạ. Và tất cả những cái đó chính là điểm trọng yếu nhất trong cuốn truyện của tôi. Catherine Legrand, nhân vật của tôi, chính đã thức tỉnh trước sự xa lạ ấy. Nó là một con bé gái vừa rời lớp mẫu giáo. Nó cũng giống như những đứa khác cùng lứa tuổi. Nhưng dần dần, thời gian trôi qua và tuổi thơ cũng trôi qua. Bấy giờ Catherine thấy cuộc đời rộng mở ra trước mắt mình. Nó khám phá qua những cảm xúc của mình. Nó ý thức từng sự vật ».

Đó! «Điểm trọng yếu nhất» của tác phẩm là cả một sự bí ẩn (7), đâu phải giản dị!

Người nữ sĩ trẻ tuổi và độc đáo quyết thành công với một kỹ thuật khó khăn. Và cô đã tuyên bố đầy tự tin: « Tôi đã làm được cái gì tôi muốn làm » (8).

(7) Tạp chí *L'aurore* số ra ngày 1-12-1964.

(8) *Le Monde*, số từ 19 đến 25-11-1964.

Đã có bao nhiêu nghệ sĩ, sau khi hoàn thành tác phẩm, có thể xoa tay, nói được một câu như vậy?

Chúng ta không khỏi luyến tiếc khi rời bỏ một người con gái lạc quan như thế để đến với một văn sĩ già bi quan.

Giải Fémina

Sáu người chết một hôm được phép ra khỏi mồ trở về nhà, sống hăm bốn giờ, rồi trở lại trình diện. Một đêm đông lạnh lẽo, từ một nghĩa địa ở miền Limousin, với cái phép kỳ quặc ấy một em bé năm tuổi lần tìm đường về nhà: tại đây, con chó vẫy đuôi mừng nó, mấy đứa anh em nó thì hoảng sợ mong nó đi cho rồi, còn cha nó thì cũng sợ và uống rượu để quên, chỉ có mẹ nó là âu yếm, vuốt ve, thương yêu nó. Cũng với cái phép ấy, một thiếu phụ trẻ tuổi chạy về tìm chồng, nhắm mắt quên cái chết, thiết tha đòi tiếp tục cuộc yêu đương nồng nhiệt dờ dang; nhưng đến giữa phút giây hoan lạc, người chồng bỗng sợ nhớ là mình đang chung chạ với một thầy ma, anh phát điên! Trong khi ấy, người nông dân quay về, thấy rằng gia đình không còn nhớ gì đến mình nữa, ruộng đất của mình đã bị bán cho người khác; ông ta bèn đi thẳng ra miếng đất cũ và cứ thế cuốc xới lung tung, vô bổ, để hưởng cái thú được cuốc trên miếng đất từng là của mình; thế rồi mãn hạn ở trần gian, ông ta vội vã chạy về mồ như sung sướng chạy về chỗ nghỉ ngơi. Một gã thanh niên bướng bỉnh ngang tàng thì trở về trần thế thì gặp lại

toàn những oán thù, cho nên gã cũng hấp tấp quay lại nghĩa địa đúng hạn.

Một ông cụ già, trở về, chỉ có con chó và đứa bé con nhận diện được, ngoài ra ai nấy đều quên tuốt, không còn tưởng nhớ gì đến nữa; ông cụ lại cũng buồn bã quay về mồ. Chỉ có một bà lão già là khác hơn cả: Trong gia đình không ai còn nhớ đến bà và bà cũng oán ghét cả gia đình, bà cụ hóa làm cây giẻ, đứng rình vào nhà, rồi đến mãn phép bà cụ quên về, bị phạt mãi mãi sống cái kiếp mơ hồ chờ đợi sự hủy diệt hoàn toàn, chờ đợi hư vô, như một ơn phước duy nhất mà Thượng-Đế có thể ban cho mình.

Đó là nội dung cuốn *Le Faus-saire* của Jean Blanzot, được thưởng giải Fémina năm nay.

Tác phẩm đã từng được khen ngợi từ nửa năm nay ở Pháp, mà tác giả cũng là một tên tuổi quá quen biết trong làng văn, thành ra kết quả giải Fémina không làm ai ngạc nhiên. Jean Blanzot viết văn từ hồi hăm ba tuổi, năm nay đã ngót sáu mươi. Trên tạp chí *Le Figaro littéraire* ông phê bình sách mười bốn năm nay.

Cuốn *Le Faus-saire* là thí nghiệm đầu tiên của tác giả về loại truyện hoang đường kỳ dị. Đây không phải là sở trường của văn học Pháp; vả lại sau Edgar Poe muốn gây một cảm tưởng hoảng hốt rùng rợn cho độc giả không phải là dễ dàng gì. Thế mà Jean Blanzot đã thành công. Trong một bài phê bình trên tạp chí *Le Monde* (số 815, tháng 5-1964), P.H. Simon chỉ trách có cái chỗ vợ chồng

người thiếu phụ ma chung chạ với nhau: sự kinh hoàng của người chồng có vẻ quá đáng, có hại đến vẻ đẹp của tác phẩm.

Giải Interallié

Đầu tháng 12 này, lại vừa có kết quả giải Interallié.

René Fallet, với cuốn « Paris au mois d'Août ».

Tháng 8 ở Paris là tháng của các du khách và của những cặp tình nhân. Một cô gái người Anh mới sang Pháp tình cờ lại gặp chàng trai Paris vào đúng tháng tám ấy. Vợ con anh chàng họ đều vắng nhà. Chuyện gì xảy ra trong tác phẩm, chắc ai nấy đều có thể đoán được dễ dàng. Những chuyện lý thú ấy kéo dài ra ba tuần lễ.

Giải Interallié vẫn thường dành cho các ký giả. René Fallet (37 tuổi) viết cho báo *Libération* từ năm 1945 đến nay. Ông đã viết nhiều, thơ có, truyện có. Các truyện của ông, một phần lớn được đưa lên màn ảnh.

TRĂNG-THIÊN

Phát hành tháng 12 :

BÓNG ĐÊM

- Truyện dài Ngô-Thế-Vinh
- Mẫu bia Nghiêu-Đề
- Xuất bản Khai-Trí

Lễ tặng giải «Tao-đàn Bạch-Nga» 1964

Tao đàn Bạch-Nga là một hội thi nhân văn sĩ gồm có mười ba người, nam có, nữ có, trong nước có, ngoài nước có :

Nguyễn - Vỹ, Trâm - Tuấn - Kiệt,
Nguyễn - Tuấn - Phát, Tuệ - Mai,
Phương-Dài, Lâm-Vị-Thủy, Nguyễn-
Thu-Minh, Minh-Đức Hoài-Trình,
Tôn - Nữ Hỷ - Khương, Thu - Nhi,
Nguyễn - Văn - Cồn (Paris), Thanh-
Nhưng (Tokio), Đào-Thanh-Khiết
(Manille).

Trong tạp chí «Phổ-Thông», số 120, ngày 1-2-1964, Tao đàn này có tuyên bố thành lập giải hằng năm, mà mục đích là :

— Khuyến khích những thi sĩ có chân tài của những thế hệ trẻ hôm nay và ngày sau.

— Nâng cao tinh thần và kỉ luật thơ Việt.

Giải Tao đàn Bạch-Nga năm 1964 gồm có :

Giải nhất : 10.000 đồng.

Giải nhì : 8.000 đồng.

Giải ba : 6.000 đồng.

Lễ tặng giải đầu tiên của Tao đàn Bạch-Nga đã được tổ chức chiều ngày chủ nhật 29-11-1964 tại nhà hàng Thanh-Thế, Sài-Gòn. Đến dự, có một số kĩ giả, văn nghệ sĩ quen biết của thủ đô.

Xướng ngôn viên trong buổi lễ này là cô Tuệ-Mai.

Sau khi ông Nguyễn-Tuấn-Phát tuyên bố khai mạc buổi lễ, cô Thu-Nhi đọc bản tóm tắt « Tuyên ngôn của Tao đàn Bạch - Nga », cách chấm thi và tiêu sử ba người trúng giải (1).

Ba người này là :

1— Ông Thùy-Dương-Tử Nguyễn-Kim-Tuấn (giải nhất).

2.— Ông Nguyễn - Hùng - Trát (giải nhì).

3 — Ông Lạc-Thủy Đỗ-Quí-Bái (giải ba).

Trừ người trúng giải ba được hai mươi sáu tuổi, hai người kia tuổi mới hai mươi.

Và những người trúng giải được nhận là hội viên của «Tao đàn Bạch-Nga».

Về cách chấm thi, thì mười ba hội viên sáng lập Tao đàn Bạch-Nga đều là giám khảo, và đã tỏ ra rất thận trọng trong việc định đoạt những người trúng giải; có những giám khảo phải hi sinh việc học, việc làm trong việc này, như cô Thanh-Nhưng ở Tokio, như ông Nguyễn-Văn-Cồn ở Paris.

Đề các bạn biết sơ qua lịch sử và chủ trương của Tao đàn Bạch-Nga, chúng tôi xin trích mấy đoạn

(1) Dự giải có 57 người ở trong nước và 2 người ở hải ngoại.

trong bản tuyên ngôn của Tao đàn này.

«Tao đàn Bạch-Nga được thành lập đêm Trung-Thu bính tí (30-9-1936) (...) tại Hà-Nội, gồm có nhóm Nguyễn-Vỹ — Trương-Từu và sau có thêm Mộng Sơn, lấy con *Bạch-Nga* (tiếng pháp : *le cygne*) làm tượng trưng cho một trường thơ có tính chất và nghệ thuật khác với lối thơ đang thịnh hành lúc bấy giờ».

Thơ Bạch-Nga có hai đặc điểm :

I. — *Về tinh thần* : thơ Bạch-Nga là thơ thuần túy.

«Thuần túy là chuộng sự tự nhiên cảm xúc mà phát xuất từ tâm hồn thi nhân, như dòng suối trong vắt từ mạch nguồn tinh khiết chảy ra. Từ những tình cảm thiết tha, thâm kín trong nội tâm, chuyển qua các phù trầm của số kiếp con người, của toàn thể nhân loại, và vươn lên hòa hợp với vẻ thanh cao huyền bí của vũ trụ».

II. — *Về hình thức và nhạc điệu*.

Hình thức «bắt nguồn từ hai chữ tổng ra đến mười hai chữ và lần đầu tiên nó áp dụng lối gieo vần của thơ Tây-Phương, mà còn dồi dào hơn nhờ ngôn ngữ rất giàu của dân tộc Việt-Nam».

Và «nếu kê cứu tường tận, thì thơ Bạch-Nga có trên sáu chục thể thơ, biến hóa vô cùng, có khuôn khổ nhất định, hoặc không hạn định, không gò bó chật hẹp, rất là tự do, để cho ngòi bút của thi nhân được tự do vẫy vùng theo rung cảm của con

tâm và nhiệt hứng của tư tưởng. Nhưng vẫn ở trong khuôn luật thơ. Thơ phóng túng không phải là thơ Bạch-Nga».

Sau khi cô Thu-Nhi đọc bản tóm tắt tuyên ngôn tao đàn Bạch-Nga, cách chấm thi và tiêu sử các nhà thơ trúng giải, là lễ tặng giải chính thức.

Lần lượt tiền giải đề trong phong bì và cấp bằng được hai ông Nguyễn-Vỹ, Nguyễn-Tuấn-Phát và cô Minh-Đức Hoài-Trình trao cho ba người trúng tuyển. Ba người này lên phát biểu cảm tưởng xong, thì đến phần giới thiệu những bài thơ trúng giải xuất sắc. Ban ca ngâm của thi sĩ *Kiên-Giang* [Hà-Huy-Hà] đảm nhận việc này (2) và giới thiệu thêm những bài thơ có tiếng khác, như bài «Màu tím hoa sim».

Buổi lễ tặng giải bế mạc lúc 18 giờ trong một bầu không khí đặc biệt : có tiếng sáo, có lời thơ, có cả tiếng máy bay bay thấp nữa.

HỒNG-HỮU thuật

(2) Trừ trường hợp người được giải nhất lên ngâm lại bài thơ mình rồi cao hứng ngâm tiếp bài thứ nhì, và cảm động quá, rơi nước mắt.

Số ra mắt ngày 2-1-65

Hòa Đồng

tuần báo phát hành văn minh tổng hợp

Chủ nhiệm: NGUYỄN-DƯƠNG-HƯNG

Thư kí tòa soạn : NGUYỄN - NGU - I

Dạy Đọc và dạy Viết cho trẻ con

của Đoàn-Ngọc-Tấn

« Cuốn sách đầu tiên áp dụng những nguyên tắc tâm lý và sự dạy văn quốc ngữ cho trẻ em. Có phần lý thuyết và phần thực hành. Tác giả đã nhiều công suy tư, đã đưa ra nhiều nhận xét mới mẻ. Phương pháp của ông nên đem thí nghiệm. Một cuốn sách mà các phụ huynh và giáo viên nên đọc ».

Nguyễn-Hiến-Lê

GIÁ 25 Đ

Bạn đọc đón coi :

Thân thể và sự nghiệp NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

của Nguyễn-Hiến-Trình

và Hình - Hiến - Ích



**12 NHÀ VĂN,
NHÀ THƠ HIỆN ĐẠI**

TÂN-PHƯƠNG

xuất bản

Giá 65đ

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

**TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẠT LÃNG**

Cie d'Assurances Générales contre

l'Incendie et les Explocions

Capital : 1.500.000.000 Frs.



TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẠT LÃNG

Cie d'Assurances Générales Accidents

Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.



CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 8.750.000.000 PHẠT LÃNG

Assurance Franco Asiatique

Assurance Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy nói : 21.253 — 23.913

Triết lý MÁC-XÍT, NHÂN-VỊ, HIỆN-SINH

do André Maurois trình bày trong:

CÁC TRÀO LƯU LỚN CỦA

TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI do TRẦN-THIÊN dịch

Thời-Mới xuất bản

Giá 20 đ.

Lưu ý quý vị độc giả tạp chí HÀNH TRÌNH

Kể từ tháng này, thay vì quay ronéo, HÀNH TRÌNH cũng sẽ in ty po như mọi tạp chí khác xuất bản ở đây. Vì có những thay đổi này, HÀNH TRÌNH số 3 sẽ trở thành:

Hành Trình

BỘ II — SỐ I

Phát hành vào đầu tháng Giêng 1965

TẠP CHÍ CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐẶC BIỆT

QUAN TÂM TỚI SỰ MẤT CÒN CỦA ĐẤT NƯỚC

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY DẶN CHỮ LẠM TẠI THUYẾT

HỆ

HERMES



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTREME-ORIENT

2, Đường Nguyễn-Sĩng - Téléphone 820-821 - SAIGON

TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ÀM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HỎA TIỀN"!

CAPSTAN

MEDIUM



W.D.&H.O.WILLS.
BRISTOL & LONDON

Quản-nhiệm :

HUYNH-VĂN-LANG

Chủ-nhiệm :

Tòa Sạn

180, Phan-Đinh-Phụng - SAIGON

Điện thoại : 25.539

Is tại VĂN-HÓA AN-QUÂN

412-414, Trần-Hưng-Đạo - SAIGON

Giá : 10\$

Cộng thuế : 15\$